

Số 2173/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu
Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2023 lần 2 (vật tư dùng chung)**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 515/QĐ-BVĐHYD ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2023 lần 2 (vật tư dùng chung);

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 05/TTr-TCG ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2023 lần 2 (vật tư dùng chung) và Báo cáo thẩm định số 03./BCTĐ-TTĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2023 lần 2 (vật tư dùng chung).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2023 lần 2 (vật tư dùng chung) với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu, số sản phẩm, giá trúng thầu như sau:

STT	Mã định danh	Nhà thầu	Số sản phẩm	Giá trị (VND)
1	vn0300483319	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha	14	705.870.550
2	vn0301400516	Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Bảo Thạch	12	2.558.501.400
3	vn0304471508	Công ty TNHH Công nghệ An Pha	1	129.900.000



STT	Mã định danh	Nhà thầu	Số sản phẩm	Giá trị (VND)
4	vn0305088954	Công ty TNHH Dược phẩm Phương Phương	3	3.278.000.000
5	vn0312286354	Công ty TNHH Vật tư Y tế Phương Lan	2	671.643.000
6	vn0100109699	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	5	452.169.880
7	vnz000001387	Công ty TNHH Mega Lifesciences (Việt Nam)	7	5.328.034.250
8	vn0302160987	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Lộc	11	6.819.824.000
9	vn0302408317	Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	1	5.472.500.000
10	vn0305431427	Công ty TNHH Thiết bị y tế Y Phương	4	257.922.000
11	vn0312728203	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Minh Hoàng	4	197.662.500
12	vn0312737705	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc Tế Vavi	7	1.459.290.000
13	vn0103686870	Công ty Cổ phần Thương mại Cổng Vàng	6	2.825.659.827
14	vn0302361203	Công ty TNHH Thương mại Minh An	3	39.190.000
15	vn0302366480	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh	3	722.900.000
16	vn0303445745	Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Cổng Vàng	1	21.000.000
17	vn2901260173	Công ty TNHH Y tế Bình Minh	14	3.724.300.000
18	vn0105009024	Công ty Cổ phần Thiết bị Metech	5	1.215.700.000
19	vn0301445732	Công ty TNHH Y tế Việt Tiến	2	48.850.000
20	vn0301789370	Công ty TNHH Trang thiết bị và Vật tư Y tế Hoàng Việt Long	9	3.794.490.000
21	vn0309110047	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Tín	5	15.637.000.000
22	vn0301171961	Công ty TNHH Dược Kim Đô	11	1.746.016.000
23	vn0303244037	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Hoàng Ánh Dương	10	12.734.790.500
24	vn0100108536	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	12	6.719.140.000
25	vn0104856349	Công ty Cổ phần Phân phối và Đầu tư Patco	3	2.164.500.000

STT	Mã định danh	Nhà thầu	Số sản phẩm	Giá trị (VND)
26	vn0302360457	Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật H.B	1	740.040.000
27	vn0302912274	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Huy Thông	2	295.470.000
28	vn0304835307	Công ty TNHH Đạt Phú Lợi	23	1.154.270.000
29	vn0312146808	Công ty TNHH Thiết bị y tế Khải Vinh	2	5.652.000.000
30	vn0101088272	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	14	14.176.300.000
31	vn0302408003	Công ty TNHH Dược phẩm B.H.C	5	344.455.000
32	vn0310073590	Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật An Pha	39	16.256.835.000
33	vn2700349706	Công ty Cổ phần Nhựa Y tế Việt Nam	15	3.035.465.000
34	vn3603298529	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hạnh Minh	2	332.220.000
35	vn0305253502	Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Trọng Tín	13	1.359.718.500
36	vn0309902229	Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Hợp Lực	8	379.050.000
37	vn0310631397	Công ty TNHH Thiết bị y tế EMC	3	864.000.000
38	vn1200583720	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hào Tín	1	13.797.000
39	vn0103672941	Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Đại Dương	8	449.531.800
40	vn0300478598	Công ty Cổ phần Merufa	3	328.685.000
41	vn0304728672	Công ty CP Công nghệ sinh học Thụy An	1	10.500.000
42	vn0313979224	Công ty TNHH Thương mại Diên Niên	4	9.970.000.000
43	vn2700793781	Công ty TNHH Dược phẩm và Thương mại Phú Tài	2	1.696.000.000
44	vn0102045497	Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Tân Thành	8	1.742.195.000
45	vn0103020713	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Linh Sơn	1	1.812.300.000
46	vn0301428254	Công ty TNHH Dược phẩm Đan Lê	5	684.225.000
47	vn0304175675	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Thời Thanh Bình	8	1.689.941.600

BỘ
 BỆNH
 HỌC
 HỒ CH
 ỨC T

STT	Mã định danh	Nhà thầu	Số sản phẩm	Giá trị (VND)
48	vn0311439872	Công ty TNHH Thiết bị y tế Dmed	2	819.000.000
49	vn0400102101	Tổng công ty Cổ phần Y tế Danameco	6	3.103.550.000
50	vn3700303206	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	3	333.605.000
51	vn0106662691	Công ty Cổ phần Y tế Ngọc Minh	2	1.520.400.000
52	vn0302204137	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	13	897.335.000
53	vn0305398057	Công ty TNHH Lavicom	2	2.461.320
54	vn0305477703	Công ty CP TM DV XNK Viên Phát	8	2.794.915.095
55	vn0310363437	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị y tế Nhật Minh	16	722.091.650
56	vn0105380912	Công ty Cổ phần Thiết bị y tế và Công nghiệp Hải Cường	1	375.000.000
57	vn0106202888	Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Vinatrading	2	1.614.000.000
58	vn0107885517	Công ty TNHH Thiết bị y tế Thái Sơn	8	1.052.755.800
59	vn0310745700	Công ty TNHH Quỳnh Nghi	1	109.890.000
60	vn0310942836	Công ty TNHH Vật liệu Y tế Việt	5	2.058.255.000
61	vn0312318895	Công ty Cổ phần Phân phối Thallo	3	1.273.020.000
62	vn6000420044	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Quốc Tế	8	782.630.000
63	vn0106255872	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Giải Pháp Việt	5	883.769.000
64	vn0302634813	Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn	1	2.025.000.000
65	vn0308613665	Công ty TNHH Thương mại Thiết bị y tế An Pha	5	5.375.805.000
66	vn0309545168	Công ty TNHH Thiết bị y tế Đức Lộc	1	395.500.000
67	vn0312739702	Công ty TNHH Y tế Q.T	4	442.000.000
Tổng cộng		67 nhà thầu	419	168.292.835.672

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.

- Danh mục sản phẩm trúng thầu: *Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm;*
- Danh mục không có sản phẩm dự thầu hoặc sản phẩm dự thầu không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: *Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm;*
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Phòng Vật tư thiết bị chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà: Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng phòng Vật tư thiết bị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCG (J06-026-nnminh) (9).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Bắc



PHỤ LỤC 1: DANH MỤC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU
(Đính kèm Quyết định số 2273/QĐ-BVĐHYD ngày 10 tháng 7 năm 2023)

1. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha (Mã định danh: vn0300483319)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	1	PP2300057348	6	Bông gòn, dạng viên, gói 500 - 520g	Bông y tế viên (Ø20mm) 500g	10401	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	200002250/PCBA-HCM	500 gram/ gói	Gói	1.000	79.710	79.710.000
2	2	PP2300057349	5	Bông gòn, dạng cuộn, gói 1- 1.2kg	Bông y tế Kilo (Borino)	10034	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	200002250/PCBA-HCM	1kg/ gói	Cuộn	56	136.000	7.616.000
3	3	PP2300057352	6	Gòn lót bột 10cm x 2.7m	Bông mỡ vàng 10cm x 2.7m	10060	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	200002250/PCBA-HCM	10 cuộn/ gói	Cuộn	550	7.356	4.045.800
4	4	PP2300057353	6	Gòn lót bột 15cm x 2.7m	Bông mỡ vàng 15cm x 2.7m	10061	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	200002250/PCBA-HCM	10 cuộn/ gói	Cuộn	750	10.273	7.704.750
5	5	PP2300057385	3	Băng dính dùng trong hỗ trợ và giải áp cho lớp cơ sâu	Băng dán Kinesio (Kinesio Tex Performance+)	PKT	KINESIO HOLDING CORPORATION	Mỹ	KINESIO HOLDING CORPORATION	Mỹ	220001253/PCBA-HCM	Hộp/1 cuộn	Cuộn	50	441.000	22.050.000
6	6	PP2300057386	3	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng	Băng dán Kinesio (Kinesio Tex Classic)	CKT	KINESIO HOLDING CORPORATION	Mỹ	KINESIO HOLDING CORPORATION	Mỹ	220001253/PCBA-HCM	Hộp/1 cuộn	Cuộn	50	315.000	15.750.000
7	7	PP2300057387	3	Băng dính tác động vô lớp hạ bì, dành cho da nhạy cảm	Băng dán Kinesio (Kinesio Tex Gold FP)	GKT	KINESIO HOLDING CORPORATION	Mỹ	KINESIO HOLDING CORPORATION	Mỹ	220001280/PCBA-HCM	Hộp/1 cuộn	Cuộn	50	367.500	18.375.000
8	8	PP2300057400	5	Gạc băng mắt 5 x 7cm	Gạc băng mắt 5cm x7cm tiệt trùng, vải không dệt	12459	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	180000396/PCBA-HCM	1 miếng/gói	Miếng	2.000	526	1.052.000
9	9	PP2300057402	5	Gạc cuộn sạch, cỡ 9cm x (2-3)m	Băng cuộn y tế 0,09m x 2m không tiệt trùng	12197	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	200002259/PCBA-HCM	20 cuộn/gói	Cuộn	11.000	1.467	16.137.000
10	10	PP2300057406	5	Gạc ép sơ não cân quang, 2 x 8cm, 4 -6 lớp	Gạc ép sơ não 2cm x 8cm x 4 lớp tiệt trùng, cân quang, vải không dệt (có dây)	16551	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	200002259/PCBA-HCM	20 miếng/gói	Miếng	32.000	400	12.800.000
11	11	PP2300057559	6	Găng tay sạch, dài 450→ 500mm	Găng sản khoa	GSK	Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại Nam Tín	Việt Nam	Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại Nam Tín	Việt Nam	170002177/PCBA-HCM	10 đôi/Túi PE; 50 đôi/hộp 06 hộp/thùng	Đôi	15.000	10.206	153.090.000
12	12	PP2300057560	5	Găng tay tiệt khuẩn, dài 450 → 500mm	Găng sản khoa đã tiệt trùng	GTT	Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại Nam Tín	Việt Nam	Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại Nam Tín	Việt Nam	170002178/PCBA-HCM	01 đôi/túi; 50 đôi/hộp 06 hộp/thùng	Đôi	400	12.600	5.040.000
13	13	PP2300057681	1	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.7 m², hệ số siêu lọc 37ml/giờ/mmHg	Quả lọc thận Highflux 1.7 m² (sợi Cellulose Triacetate) FB-17U	FB-17U	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation	Nhật Bản	-	24 cái/ thùng	Cái	500	412.000	206.000.000



[Handwritten signature]
1

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
14	14	PP2300057692	6	Đai cột sống lưng, chất liệu vải thun	Đai cột sống mềm NEO BACK SMILE 9"	JC-7482	Neomed Co.,Ltd	Hàn Quốc	Neomed Co.,Ltd	Hàn Quốc	190000920/PCBA-HCM	Hộp/ 1 Cái	Cái	200	782.500	156.500.000
Tổng cộng:		14 sản phẩm													Giá trị:	705.870.550

2. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Bảo Thạch (Mã định danh: vn0301400516)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
15	1	PP2300057350	5	Bông gòn, dạng cuộn, gói 1- 1.2kg, không giữ nước	Bông không hút nước (không tiết trùng)	327PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000031/PCBA-BD	1 kg (cuộn)/ gói	Cuộn	12	109.200	1.310.400
16	2	PP2300057351	5	Bông gòn, dạng viên, gói 100 - 110g	Bông viên ø20mm (tiết trùng)	1501PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000033/PCBA-BD	100 gram/ gói	Gói	1.500	17.850	26.775.000
17	3	PP2300057354	5	Tấm bông, đường kính 15 ± 01mm	Que gòn (tiết trùng)	2504PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000036/PCBA-BD	5 que (cái)/ gói	Cái	4.000.000	462	1.848.000.000
18	4	PP2300057403	5	Gạc dẫn lưu, cỡ 1 x 300cm, 3- 4 lớp	Gạc dẫn lưu 0,01m x 3m x 4 lớp (vải không dệt, tiết trùng)	913PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000106/PCBA-BD	1 cuộn/ gói	Cuộn	4.000	2.100	8.400.000
19	5	PP2300057404	5	Gạc dẫn lưu, cỡ 2 x 300cm, 3-4 lớp	Gạc dẫn lưu 2cm x 300cm x 4 lớp (vải không dệt, tiết trùng)	1303PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000106/PCBA-BD	1 cuộn/ gói	Cuộn	3.000	4.620	13.860.000
20	6	PP2300057407	5	Gạc phẫu thuật cân quang, 20 x 40cm, 4-6 lớp	Gạc phẫu thuật 20cm x 40cm x 6 lớp (có cân quang, tiết trùng), M	1860PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000057/PCBA-BD	5 miếng/ gói	Miếng	20.000	4.935	98.700.000
21	7	PP2300057410	5	Gạc phẫu thuật cân quang, dạng cuộn tròn, 8 x 20cm, 3-4 lớp	Gạc mổ nội soi 8cm x 20cm x 4 lớp (có cân quang, tiết trùng)	1549PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000057/PCBA-BD	5 miếng/ gói	Miếng	28.000	1.260	35.280.000
22	8	PP2300057411	5	Gạc phẫu thuật cân quang, dạng xếp cuộn, 10 x 10cm, 6 - 8 lớp	Gạc xếp cuộn hình tròn 10cm x 10cm x 8 lớp (có cân quang, tiết trùng), 10 miếng	2148PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000057/PCBA-BD	10 miếng/ gói	Miếng	40.000	1.260	50.400.000
23	9	PP2300057414	6	Gạc sạch, cỡ 30 x 40cm, 8-10 lớp	Gạc phẫu thuật 30cm x 40cm x 8 lớp (không tiết trùng), M	2638PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000057/PCBA-BD	30 miếng/ gói	Miếng	60.000	7.140	428.400.000
24	10	PP2300057831	5	Khăn phẫu thuật, cỡ 100 x 100cm (±05%)	Săng mổ 100cm x 100cm (vải không dệt, tiết trùng)	513PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000041/PCBA-BD	1 cái/ gói	Cái	2.000	4.620	9.240.000
25	11	PP2300057832	5	Khăn phẫu thuật, cỡ 120 x 160cm (±05%)	Săng mổ 120cm x 160cm (vải không dệt, tiết trùng)	145PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000041/PCBA-BD	1 cái/ gói	Cái	1.800	7.770	13.986.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
26	12	PP2100057833	5	Khăn phẫu thuật, cỡ 60 x 60cm (±05%)	Săng mổ 60cm x 60cm (vải không dệt, có lỗ, diệt trùng)	1072PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	210000041/PCBA-BD	1 tấm/ gói	Cái	10.000	2.415	24.150.000
Tổng cộng:		12 sản phẩm													Giá trị:	2.558.501.400

4. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Công nghệ An Pha (Mã định danh: vn0304471508)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
27	1	PP2300057536	3	Kim đốt bằng vi sóng điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm	Kim đốt u bằng sóng microwave tương thích máy Solero	H787700106001US0; H787700106002US0; H787700106003US0	Angiodynamics	Mỹ	Angiodynamics	Mỹ	9384NK/BYT-TB-CT	01 Cái/Hộp	Cái	3	43.300.000	129.900.000
Tổng cộng:		1 sản phẩm													Giá trị:	129.900.000

4. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Phương Phương (Mã định danh: vn0305088954)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
28	1	PP2300057501	3	Kim lấy máu thử đường huyết	05888662200 Accu-Chek Safe-T-Pro Uno 200	05888662200	HTL-Strefa S.A	Ba Lan	Roche Diabetes Care GmbH	Đức	220001017/PCBB-BYT	Hộp 200 cái	Cái	300.000	2.000	600.000.000
29	2	PP2300057747	3	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em	Lọc khuẩn sử dụng cho máy FeNO	30814	Mada Spirometry Filters S.r.l	Ý	Mada Spirometry Filters S.r.l	Ý	220001063/PCBB-HCM ngày 07/04/2022	100 cái/ thùng	Cái	10.000	47.000	470.000.000
30	3	PP2300057858	3	Que thử đường huyết nhanh, men thử Mut Q GDH hoặc FAD GHD	07453744020 ACCU-CHEK GUIDE TEST STRIP 100CT APAC	07453744020	Roche Diabetes Care Inc.,	Mỹ	Roche Diabetes Care GmbH	Đức	17250NK/BYT-TB-CT	Hộp 100 que	Que	320.000	6.900	2.208.000.000
Tổng cộng:		3 sản phẩm													Giá trị:	3.278.000.000

5. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Vật tư Y tế Phương Lan (Mã định danh: vn0312286354)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
31	1	PP2300057642	3	Túi đựng ngực hình tròn, bề mặt vi nhám, thể tích từ 205cc đến 390cc	Túi đựng ngực tròn,có đặc Gel Silicone Sebbin	LS 70 200, LS 70 220, LS 70 240, LS 70 260, LS 70 280, LS 70 300, LS 70 330, LS 70 360, LS 70 390, LS 71 205, LS 71 225, LS 71 245, LS 71 265, LS 71 285, LS 71 305, LS 71 335, LS 71 365, LS 71 395	Groupe Sebbin SAS	Pháp	Groupe Sebbin SAS	Pháp	9875NK/BYT/-TB-CT ngày 26/06/2018	Hộp/ 1 cái	Cái	40	9.613.800	384.552.000

Handwritten signature/initials

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
32	2	PP2300057872	3	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn, thể tích từ 205 đến 390cc	Túi dòn ngực hình tròn nhẵn cổ đặc	LS 50 200, LS 50 220, LS 50 240, LS 50 260, LS 50 280, LS 50 300, LS 50 330, LS 50 360, LS 50 390, LS 51 225, LS 51 245, LS 51 285, LS 51 305, LS 51 335, LS 51 365, LS 51 395	Groupe Sebbin SAS	Pháp	Groupe Sebbin SAS	Pháp	9875NK/BYT/-TB-CT ngày 26/06/2018	Hộp/ 1 cái	Cái	36	7.974.750	287.091.000
Tổng cộng:		2 sản phẩm													Giá trị:	671.643.000

6. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội (Mã định danh: vn0100109699)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
33	1	PP2300057447	3	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 86 - 92 mg	Miếng dán sát khuẩn Biopatch chứa Chlorhexidine Gluconate 92mg, đường kính 2,5cm	44150	Integra Neurosciences	Mỹ	Ethicon, Inc.	Mỹ	-	Thùng/4 hộp	Miếng	500	146.118	73.059.000
34	2	PP2300057759	3	Khay ngâm khử khuẩn dụng cụ, 503 x 186 x 132mm (±05%)	Khay ngâm khử khuẩn dụng cụ Cidex 503 mm x 186 mm x 132 mm 8.1 lít	82016	Hi-Tech Mold & Tool, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc.	Mỹ	220001282/PCBA-HCM	Hộp/1 khay, nắp và tấm lót	Cái	2	2.730.000	5.460.000
35	3	PP2300057760	3	Khay ngâm khử khuẩn dụng cụ, 740 x 220 x 132mm (±05%)	Khay ngâm khử khuẩn dụng cụ Cidex 740 mm x 220 mm x 132 mm 14.1 lít	82027	Hi-Tech Mold & Tool, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc.	Mỹ	220001282/PCBA-HCM	Hộp/1 khay, nắp và tấm lót	Cái	2	5.565.000	11.130.000
36	4	PP2300057768	3	Chi thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2	Que chi thị hóa học STERRAD	14100	Indilab, Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc.	Mỹ	200002131/PCBA-HCM	Thùng/4 hộp, hộp/250 que	Que	13.000	2.038	26.494.000
37	5	PP2300057769	3	Chi thị sinh học dành cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2	Chi thị sinh học cho chu trình tiệt khuẩn STERRAD Velocity	43210-30	Advanced Sterilization Products Inc.	Mỹ	Advanced Sterilization Products Inc.	Mỹ	200002138/PCBA-HCM	Hộp/30 ống	Ống	1.920	175.014	336.026.880
Tổng cộng:		5 sản phẩm													Giá trị:	452.169.880

7. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Mega Lifesciences (Việt Nam) (Mã định danh: vnz000001387)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
38	1	PP23000057569	3	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng, 1000ml	KANGAROOTM GRAVITY FEEDING BAG 1000 ML (8884702500)	8884702500	Covidien	Mexico	Cardinal Health 200, LLC	Mỹ	220001248/PCBA-HCM	1 cái/ túi	Cái	8.000	66.150	529.200.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
39	2	PP2300057570	3	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng theo máy	KANGAROO™ EPUMP SET, ANTI-FREE FLOW 1000ML (673656)	673656	Covidien	Mexico	Cardinal Health 200. LLC	Mỹ	220002459/PCBB-HCM	1 cái/ túi	Cái	250	82.400	20.600.000
40	3	PP2300057589	4	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ, cỡ 4, 6, 8	SHILEY™ TRACHEOSTOMY TUBE CUFFED WITH INNER CANNULA (4LPC) SHILEY™ TRACHEOSTOMY TUBE CUFFED WITH INNER CANNULA (6LPC) SHILEY™ TRACHEOSTOMY TUBE CUFFED WITH INNER CANNULA (8LPC)	4LPC,6LPC,8LPC	Covidien	Mexico	Covidien LLC	Mỹ	220001554/PCBB-BYT	1 cái/ hộp	Cái	180	945.000	170.100.000
41	4	PP2300057590	4	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ, cỡ 4, 6, 8	Shiley™ Tracheostomy tube cuffless with inner cannula (4CFS) Shiley™ Tracheostomy tube cuffless with inner cannula (6CFS) Shiley™ Tracheostomy tube cuffless with inner cannula (8CFS)	4CFS,6CFS,8CFS	Covidien	Mexico	Covidien LLC	Mỹ	220001554/PCBB-BYT	1 cái/ hộp	Cái	100	800.000	80.000.000
42	5	PP2300057650	3	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000	FLOTRAC SENSOR (MHD6)	MHD6	Edwards Lifesciences AG	Cộng hòa Dominica	Edwards Lifesciences LLC	Mỹ	13469NK/BYT-TB-CT	1 cái/ hộp	Cái	155	6.500.000	1.007.500.000
43	6	PP2300057728	3	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn, tương thích máy EV1000	TRUWAVE DISPOSABLE PRESSURE TRANSDUCER (PX260)	PX260	Edwards Lifesciences AG	Cộng hòa Dominica	Edwards Lifesciences LLC	Mỹ	220000505/PCBB-BYT	Hộp 10 cái	Bộ	350	458.955	160.634.250

Handwritten signature

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
44	7	PP2300057789	3	Bao chỉ dài dùng trong phòng ngừa truyền tác huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (45-40-30) mmHg	KENDALL SCDTM EXPRESS SLEEVES, THIGH LENGTH, SMALL (73011) KENDALL SCDTM EXPRESS SLEEVES, THIGH LENGTH, MEDIUM (73012)	73011,73012	Cardinal Health Costa Rica, S.A.;	Costa Rica	Cardinal Health 200. LLC	Mỹ	220001022/PCBB-HCM	1 đôi/túi	Cái	4.000	840.000	3.360.000.000
Tổng cộng:		7 sản phẩm													Giá trị:	5.328.034.250

8. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Lộc (Mã định danh: vn0302160987)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
45	1	PP2300057522	3	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, phủ chlorhexadine và silver sulfadiazine, 7Fr, dài 16cm hoặc 20cm	Catheter TMTT Arrow 3 nhánh, có phủ thuốc, 7F 16/20cm, kim Rauterson	CV-22703-E; CV-25703-E	Arrow (Teleflex)	CH Séc	Arrow (Teleflex)	Mỹ	18452NK/BYT-TB-CT	1 cái/ gói vô trùng	Cái	1.000	924.000	924.000.000
46	2	PP2300057562	6	Găng tay tiết khuẩn, không bột, chiều dài tối thiểu 260 đến 280 mm, các cỡ	Găng tiết trùng GAMMEX, không bột	Gammex Non-Latex Powder-Free	Ansell	Mã Lai	Ansell	Mã Lai	220001650/PCBB-BYT	1đôi/ gói vô trùng	Đôi	80.000	36.540	2.923.200.000
47	3	PP2300057580	4	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích, 2000ml	Bộ đo và đựng nước tiểu theo từng ml, có màng lọc khuẩn, điểm lấy mẫu nước tiểu không kim, 2 van 1 chiều	25033182	FE Unomedical Ltd	Belarus	ConvaTec	Thụy Sĩ	200000251/PCBA-HCM	1 cái/ gói vô trùng	Cái	4.400	336.000	1.478.400.000
48	4	PP2300057611	4	Ống dẫn lưu màng phổi có trocar, 12 → 32Fr	Ống thông phổi, mũi trocar, cỡ 16CH ~ 36CH	184 xx01 1	Bicakcilar	Thổ Nhĩ Kỳ	Bicakcilar	Thổ Nhĩ Kỳ	220000503/PCBB-HCM	1c/ gói vô trùng	Cái	50	273.000	13.650.000
49	5	PP2300057613	4	Bộ dây hút đàm kin, cỡ 12 → 16Fr	Dây hút đàm kin CATHY, có màng lọc khuẩn 5micron, có nối xoay được, có khóa, 1 cổng súc rửa, CH12 ~ 16, dài 45cm	Cathy (36xxxxxx)	FE Unomedical Ltd	Belarus	ConvaTec	Thụy Sĩ	220000092/PCBB-HCM	1bộ/ gói vô trùng	Bộ	400	549.990	219.996.000
50	6	PP2300057623	Không phân nhóm	Dây nối oxy dài tối thiểu 2m	Dây nối oxy, dài 2,1m, tiết trùng	Topcare	Ningbo Shengyunui	Trung Quốc	Ningbo Greatcare	Trung Quốc	230000752/PCBB-HCM	1 bộ/ gói vô trùng	Bộ	1.200	8.400	10.080.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
51	7	PP2300057761	6	Bàn chải rửa tay phẫu thuật, cỡ 4x10cm	Bàn chải phẫu thuật, hấp tiệt trùng 130 độ, dùng nhiều lần	Srub Brush	Ningbo Greatcare	Trung Quốc	Ningbo Greatcare	Trung Quốc	200000518/PCBA-HCM	10 cái/ hộp	Cái	650	31.500	20.475.000
52	8	PP2300057778	6	Giấy in dùng ghi tim thai và con gò, cỡ 152 x 90mm	Giấy đo tim thai COROMETRICS (7982 - Máy Monitor Corometrics 170) 152x90x160	152x90x160	Ceracarta	Ý	Ceracarta	Ý	170001113/PCBA-HCM	1xếp /gói	Xếp	80	39.600	3.168.000
53	9	PP2300057792	3	Bình làm ấm oxy	Bình làm ấm oxy Aquapak 340ml có nước tiệt trùng, co nổi	003-40; 003-40F	Medline	Mỹ	Teleflex	Mỹ	220003656/PCBB-HCM	1cái/gói	Cái	7.500	126.000	945.000.000
54	10	PP2300057819	3	Gel điện tim 250 - 300ml	Gel điện tim 260gr (250ml)	ECG Supergel	Ceracarta	Ý	Ceracarta	Ý	170001115/PCBA-HCM	260g / ống 250ml	ống	1.500	24.150	36.225.000
55	11	PP2300057824	3	Giấy đo điện tim, 144mmx30m, tương thích máy Fukuda Denshi	Giấy điện tim 6 cán 144mm x 30m, lõi tròn bằng nhựa cứng	Fukuda 144x30	Ceracarta	Ý	Ceracarta	Ý	170001113/PCBA-HCM	10cuộn /gói	Cuộn	3.500	70.180	245.630.000
Tổng cộng:		11 sản phẩm													Giá trị:	6.819.824.000

9. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 (Mã định danh: vn0302408317)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
56	1	PP2300057558	5	Găng tay sạch không bột, các cỡ	Găng tay cao su y tế không bột Sri Trang	DLCFSLT	Sri Trang Gloves (Thailand) Public Co., Ltd	Thái Lan	Công ty TNHH Công nghệ y tế I-Med	Việt Nam	SĐK: 220002089/PCBA-HCM	50 đôi/ hộp	Đôi	5.500.000	995	5.472.500.000
Tổng cộng:		1 sản phẩm													Giá trị:	5.472.500.000

10. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thiết bị y tế Y Phương (Mã định danh: vn0305431427)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
57	1	PP2300057396	3	Gel alginate chấm sóc vết thương	ASKINA CALGITROL PASTE 15G	6241505	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	-	Hộp/5 ống	Ống	100	184.989	18.498.900
58	2	PP2300057423	3	Gạc hydrogel, kích cỡ 10 x 10cm (±05%)	ASKINA TRANSORBENT 10CM X 10CM	0072789U	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	-	Hộp/ 5 miếng	Miếng	600	84.987	50.992.200
59	3	PP2300057424	3	Gạc hydrogel, kích cỡ 15 x 15cm (±05%)	ASKINA TRANSORBENT 15CM X 15CM	0072790V	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	-	Hộp/ 5 miếng	Miếng	500	112.980	56.490.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
60	4	PP2300057581	3	Túi chứa và dẫn lưu dịch	FLEXIMA URO SILK TRANSP 12-55	044913A	B. Braun Medical SAS	Pháp	B. Braun Medical SAS	Pháp	170000430/PCBA-HN	Hộp/ 30 cái	Cái	1.300	101.493	131.940.900
Tổng cộng:		4 sản phẩm													Giá trị:	257.922.000

11. Tên nhà thầu Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Minh Hoàng (Mã định danh: vn0312728203)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
61	1	PP2300057481	6	Bơm tiêm 50ml, có kim	Bơm kim tiêm 50cc	50CC 22G x 32MM	Hwajin Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Hwajin Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Số 220000668/PCBB-BYT ngày 15/01/2022	25 cái/ Hộp	cái	9.000	7.350	66.150.000
62	2	PP2300057779	6	Giấy in nhiệt dùng ghi tin hiện điện tâm đồ, cỡ 90 x 90mm	Giấy điện tim Schüller AT1		Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd.	Trung Quốc	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd	Trung Quốc	200000056/PCBA-HCM	Gói/ 1 xấp	Xấp	100	52.500	5.250.000
63	3	PP2300057826	6	Giấy in dùng ghi tim thai và con gò, cỡ (150 - 152) x 100mm	Giấy monitor sản khoa HP M1911A, Philips Avalon FM-20		Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd.	Trung Quốc	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd	Trung Quốc	200000056/PCBA-HCM	Hộp/ 5 xấp	xấp	1.700	44.625	75.862.500
64	4	PP2300057827	6	Giấy in nhiệt dùng ghi tin hiện điện tâm đồ, cỡ 80 x 70mm	Giấy điện tim Schüller AT 101		Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd.	Trung Quốc	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd	Trung Quốc	200000056/PCBA-HCM	Gói/1 xấp	xấp	1.500	33.600	50.400.000
Tổng cộng:		4 sản phẩm													Giá trị:	197.662.500

12. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc Tế Vavi (Mã định danh: vn0312737705)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
65	1	PP2300057525	6	Kim điện cơ có cổng tiêm thuốc, cỡ 25G	Kim điện cơ có cổng tiêm thuốc, cỡ 25G	744 50-50/10	Ambu Sdn. Bhd	Malaysia	Ambu A/S	Đan Mạch	220000319/PCBB-HCM	Hộp/ 10 cái	Cái	500	420.000	210.000.000
66	2	PP2300057526	3	Kim điện cơ đồng tâm 26G, dài 40mm, dùng cho máy Cadwell / Medtronic	Kim điện cơ đồng tâm 26G, dài 40mm, dùng cho máy Cadwell / Medtronic	D039045401	Spes Medica S.r.l	Ý	Spes Medica S.r.l	Ý	220000188/PCBB-HCM	Hộp/ 25 cái	Cái	7.000	162.750	1.139.250.000
67	3	PP2300057527	3	Kim điện cơ đồng tâm 30G, dài 25mm, dùng cho máy Medtronic / Cadwell	Kim điện cơ đồng tâm 30G, dài 25mm, dùng cho máy Medtronic / Cadwell	74025-30/25	Ambu Sdn. Bhd	Malaysia	Ambu A/S	Đan Mạch	220000319/PCBB-HCM	Hộp/ 25 cái	Cái	50	168.000	8.400.000
68	4	PP2300057685	6	Điện cực dẫn đo dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực dẫn đo dẫn truyền dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	715 12-K/C/12	Ambu Sdn. Bhd	Malaysia	Ambu A/S	Đan Mạch	190001028/PCBA-HCM	Gói/ 6 cặp	Cặp	360	157.500	56.700.000
69	5	PP2300057686	6	Điện cực dẫn đo dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực dẫn đo dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	714 15-M/1	Ambu Sdn. Bhd	Malaysia	Ambu A/S	Đan Mạch	190001028/PCBA-HCM	Hộp/ 25 cái	Cái	300	79.800	23.940.000

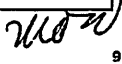
STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
70	6	PP2300057773	3	Gel điện cơ	Gel điện cơ	ACCREAM250V-3	Spes Medica S.r.l	Ý	Spes Medica S.r.l	Ý	190001048/PCBA-HCM	Hộp/ 3 lọ	Lọ	20	577.500	11.550.000
71	7	PP2300057820	3	Gel làm sạch da	Gel làm sạch da	Nuprep	Weaver and Company	Mỹ	Weaver and Company	Mỹ	190001029/PCBA-HCM	Hộp/ 3 tuýp	Tuýp	30	315.000	9.450.000
Tổng cộng:		7 sản phẩm													Giá trị:	1.459.290.000

13. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Thương mại Công Vàng (Mã định danh: vn0103686870)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
72	1	PP2300057755	6	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn	Chỉ thị hóa học dùng trong máy rửa khử khuẩn	503864600	Steritec Products Mfg	Mỹ	Getinge	Singapore	170002377/PCBA-HN ngày 15/11/2017	50 miếng/ gói	Miếng	936	55.000	51.480.000
73	2	PP2300057756	6	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa bằng sóng siêu âm	503865200	Steritec Products Mfg	Mỹ	Getinge	Singapore	170001937/PCBA-HN ngày 17/10/2017	50 miếng/ gói	Miếng	624	73.000	45.552.000
74	3	PP2300057898	3	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 100mm x 70m (± 05%)	Túi ép tiệt trùng Tyvek kích thước 100mm x 70m	MRT1172	BOLSAPLAST, S.L	Tây Ban Nha	BOLSAPLAST, S.L	Tây Ban Nha	210000997/PCBA-HN Ngày: 16/07/2021	4 cuộn/ thùng	Cuộn	187	1.239.721	231.827.827
75	4	PP2300057899	3	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 150mm x 70m (± 05%)	Túi ép tiệt trùng Tyvek kích thước 150mm x 70m	MRT1174	BOLSAPLAST, S.L	Tây Ban Nha	BOLSAPLAST, S.L	Tây Ban Nha	210000997/PCBA-HN Ngày: 16/07/2021	4 cuộn/ thùng	Cuộn	336	2.100.000	705.600.000
76	5	PP2300057900	3	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 200mm x 70m (± 05%)	Túi ép tiệt trùng Tyvek kích thước 200mm x 70m	MRT1175	BOLSAPLAST, S.L	Tây Ban Nha	BOLSAPLAST, S.L	Tây Ban Nha	210000997/PCBA-HN Ngày: 16/07/2021	2 cuộn/ thùng	Cuộn	450	2.400.000	1.080.000.000
77	6	PP2300057901	3	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 250mm x 70m (± 05%)	Túi ép tiệt trùng Tyvek kích thước 250mm x 70m	MRT1176	BOLSAPLAST, S.L	Tây Ban Nha	BOLSAPLAST, S.L	Tây Ban Nha	210000997/PCBA-HN Ngày: 16/07/2021	2 cuộn/ thùng	Cuộn	254	2.800.000	711.200.000
Tổng cộng:		6 sản phẩm													Giá trị:	2.825.659.827

14. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thương mại Minh An (Mã định danh: vn0302361203)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
78	1	PP2300057369	3	Băng bột bó, cỡ 10cm x 2.7m (±10%)	Băng bó bột 10cm x 2.7m- Gypsona S 4" (10cm X 2.7m)	Gypsona 4"	BSN Medical	Pháp	BSN Medical	Pháp	200001891/PCBA-HCM	24 cuộn/hộp	Cuộn	600	28.000	16.800.000



STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
79	2	PP2300057371	3	Băng bột bó, cỡ 15cm x 2.7m (±10%)	Băng bó bột 15cm x 2.7m- Gypsona S 6" (15cm X 2.7m)	Gypsona 6"	BSN Medical	Pháp	BSN Medical	Pháp	200001891/PCBA-HCM	12 cuộn/hộp	Cuộn	500	38.000	19.000.000
80	3	PP2300057372	3	Băng bột bó, cỡ 7.5cm x 2.7m (±10%)	Băng bó bột 7.5cm x 2.7m- Gypsona S 3" (7.5cm X 2.7m)	Gypsona 3"	BSN Medical	Pháp	BSN Medical	Pháp	200001891/PCBA-HCM	24 cuộn/hộp	Cuộn	150	22.600	3.390.000
Tổng cộng:		3 sản phẩm													Giá trị:	39.190.000

15. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh (Mã định danh: vn0302366480)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
81	1	PP2300057355	5	Tấm bông, đường kính 5mm	Tấm bông y tế Ø 5mm tiệt trùng (Gói/ 20 que, 100 que/ lô)	10503	Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	200002250/PCBA-HCM	20 que/ gói, 100 que/ lô	Que	550.000	250	137.500.000
82	2	PP2300057405	5	Gạc đắp vết thương, cỡ 6 x 15cm (±1cm)	Bông gạc đắp vết thương 6cm x 15cm tiệt trùng, vải không dệt (1 miếng/gói, túi PE, M1)	12413	Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	180000396/PCBA-HCM	1 miếng/gói	Miếng	40.000	760	30.400.000
83	3	PP2300057442	5	Gạc tẩm cồn	Gạc Tẩm Cồn Quick-Nurse	Quick-Nurse	Yahon	Việt Nam	Yahon	Việt Nam	210000012/PCBA-ĐN	1 miếng/hũ	Miếng	3.000.000	185	555.000.000
Tổng cộng:		3 sản phẩm													Giá trị:	722.900.000

16. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Cống Vàng (Mã định danh: vn0303445745)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
84	1	PP2300057687	3	Điện cực nhả dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực vòng nhả đo dẫn truyền thần kinh cảm giác	5032-TP	Natus Neurology Incorporated	Mỹ	Natus Neurology Incorporated	Mỹ	Phiếu công bố TTYT loại B số 220001119/PCBB-HCM ngày 13/04/2022	02 cái/bộ; 01 bộ/gói	Cái	8	2.625.000	21.000.000
Tổng cộng:		1 sản phẩm													Giá trị:	21.000.000

17. Tên nhà thầu Công ty TNHH Y tế Bình Minh (Mã định danh: vn2901260173)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
85	1	PP2300057375	6	Băng thun 7.5 ± 2cm, chiều dài không kéo dẫn 180 - 220cm	Băng thun 7.5 ± 2cm, chiều dài không kéo dẫn 180 - 220cm	ELASTIC BANDAGE	Jiangsu Senolo Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Jiangsu Senolo Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	180000021/PCBA-NA	Túi 1 cuộn	Cuộn	2.000	11.500	23.000.000
86	2	PP2300057376	6	Băng thun 10cm, chiều dài không kéo dẫn 180 - 220cm	Băng thun 10cm, chiều dài không kéo dẫn 180 - 220cm	ELASTIC BANDAGE	Jiangsu Senolo Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Jiangsu Senolo Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	180000021/PCBA-NA	Túi 1 cuộn	Cuộn	17.000	13.500	229.500.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
87	3	PP2300057377	6	Băng thun 15cm, chiều dài không kéo dãn 180 - 220cm	Băng thun 15cm, chiều dài không kéo dãn 180 - 220cm	ELASTIC BANDAGE	Jiangsu Senolo Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Jiangsu Senolo Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	180000021/PCBA-NA	Túi 1 cuộn	Cuộn	4.000	22.000	88.000.000
88	4	PP2300057491	3	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50ml	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50ml	60LL	Rays Spa	Ý	Rays Spa	Ý	180000032/PCBA-NA	Túi 1 cái	Cái	140.000	8.400	1.176.000.000
89	5	PP2300057504	6	Kim luồn mạch máu, thời gian lưu đến 3 ngày, các cỡ	Kim luồn mạch máu, thời gian lưu đến 3 ngày, các cỡ	NEOTEF	Alpha Therapeutics Pvt. Ltd	Ấn Độ	Alpha Therapeutics Pvt. Ltd	Ấn Độ	2200000725/PCBB-BYT	Hộp 100 cái	Cái	15.000	5.200	78.000.000
90	6	PP2300057531	6	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 17G	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 17G	AV fistula needle	Shanghai Mekon Medical Devices	Trung Quốc	Shanghai Mekon Medical Devices	Trung Quốc	220000020/PCBB-NA	Túi 1 cái	Cái	2.000	6.800	13.600.000
91	7	PP2300057567	6	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 12→ 18Fr	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 12→ 18Fr	HTD1012; HTD1014; HTD1016; HTD1018	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	180000024/PCBA-NA	Túi 1 cái	Cái	8.000	4.600	36.800.000
92	8	PP2300057579	6	Túi chứa nước tiểu, khoảng 2000ml	Túi chứa nước tiểu, khoảng 2000ml	HTB1102	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	180000014/PCBA-NA	Túi 1 cái	Cái	35.000	4.800	168.000.000
93	9	PP2300057592	6	Ống nội khí quản có bóng chèn, cỡ 3→ 8	Ống nội khí quản có bóng chèn, cỡ 3→ 8	HTC0130C; HTC0135C; HTC0140C; HTC0145C; HTC0150C; HTC0155C; HTC0160C; HTC0165C; HTC0170C; HTC0175C; HTC018C	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	220000001/PCBB-NA	Túi 1 bộ	Bộ	16.000	11.400	182.400.000
94	10	PP2300057601	6	Ống thở ô-xy 2 nhánh, trẻ em	Ống thở ô-xy 2 nhánh, trẻ em	HTA0703	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	180000024/PCBA-NA	Túi 1 cái	Cái	1.000	4.600	4.600.000
95	11	PP2300057607	6	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon, 12 → 30 Fr	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon, 12 → 30 Fr	HTB0512R; HTB0514R; HTB0516R; HTB0518R; HTB0520R; HTB0522R; HTB0524R; HTB0526R; HTB0528R; HTB0530R	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	220000001/PCBB-NA	Túi 1 cái	Cái	40.000	10.500	420.000.000
96	12	PP2300057738	6	Mặt nạ (mask) khi dùng dùng cho trẻ em, người lớn	Mặt nạ (mask) khi dùng dùng cho trẻ em, người lớn	HTA0206; HTA0207; HTA0208	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	180000024/PCBA-NA	Túi 1 cái	Cái	19.000	15.400	292.600.000
97	13	PP2300057774	3	Giấy đo điện tim, 63mmx30m, tương thích máy NIHOKODEN CardiofaxC	Giấy đo điện tim, 63mmx30m, tương thích máy NIHOKODEN CardiofaxC	ECG	EF Medica SRL	Ý	EF Medica SRL	Ý	180000022/PCBA-NA	Túi 1 cuộn	Cuộn	3.500	14.800	51.800.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
98	14	PP2300057801	6	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, 1500ml	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, 1500ml	HTA1403	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	180000024/PCBA-NA	Hộp 1 bộ	Bộ	2.000	480.000	960.000.000
Tổng cộng:		14 sản phẩm													Giá trị:	3.724.300.000

18. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Thiết bị Metech (Mã định danh: vn0105009024)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
99	1	PP2300057452	3	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, (20-25) x (15-20) x 3cm	Bộ kit miếng xốp điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ L	34012, 170002	Lohmann & Rauscher s.r.o	Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	180002289/PCBA-HN	Gói/ 1 bộ	Bộ	40	2.490.000	99.600.000
100	2	PP2300057460	3	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, (10 - 15) x (10 - 15) x (1 - 2) cm	Bộ kit miếng xốp điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ S	34010, 170000	Lohmann & Rauscher s.r.o	Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	180002289/PCBA-HN	Gói/ 1 bộ	Bộ	140	2.100.000	294.000.000
101	3	PP2300057461	3	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, (10 - 15) x (10 - 15) x 3 cm	Bộ kit miếng xốp điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ M	34011, 170001	Lohmann & Rauscher s.r.o	Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	180002289/PCBA-HN	Gói/ 1 bộ	Bộ	190	2.200.000	418.000.000
102	4	PP2300057577	3	Túi chứa dịch có chất gel tạo đông, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 250/1000ml	Túi chứa dịch thải 250/1000ml	32900, 32901	Lohmann & Rauscher s.r.o	Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	180002289/PCBA-HN	Gói/ 1 Cái	Cái	310	1.290.000	399.900.000
103	5	PP2300057909	3	Túi phủ vết thương các cỡ	Túi phủ vết thương Easy Dress các cỡ	34903/ 34902/ 34901	Lohmann & Rauscher s.r.o	Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	190000144/PCBA-HN	Gói/cái	Cái	2	2.100.000	4.200.000
Tổng cộng:		5 sản phẩm													Giá trị:	1.215.700.000

19. Tên nhà thầu Công ty TNHH Y tế Việt Tiến (Mã định danh: vn0301445732)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
104	1	PP2300057509	3	Kim truyền tĩnh mạch qua xương các cỡ	EZ-10 Needle Set	9001-VC-005 9018-VC-005 9079-VC-005	Viant Upland, Inc.,	Mỹ	Teleflex Medical	Ireland	Hồ sơ công bố B số: 220000834/PCBB-BYT	5 cái/hộp	Cái	15	2.710.000	40.650.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
105	2	PP2300057841	3	Khoan truyền tĩnh mạch qua xương	EZ-IO Power Driver	9058	Spartronics Watertown, LLC	Mỹ	Teleflex Medical	Ireland	Hồ sơ công bố B số: 220000834/PCBB-BYT	1 cái/hộp	Cái	1	8.200.000	8.200.000
Tổng cộng:		2 sản phẩm													Giá trị:	48.850.000

20. Tên nhà thầu Công ty TNHH Trang thiết bị và Vật tư Y tế Hoàng Việt Long (Mã định danh: vn0301789370)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
106	1	PP2300057511	6	Kìm chọc dò đường mặt, cỡ 16G	Catheter truyền dịch đồng cao Secalon -T 16G	681004	Merit Medical Singapore Pte, Ltd	Singapore	Merit Medical Systems, Inc	Mỹ	-	Hộp 25 cái	Cái	750	189.000	141.750.000
107	2	PP2300057725	2	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường đo huyết áp xâm lấn	685072	Merit Medical Singapore Pte, Ltd	Singapore	Merit Medical systems, Inc	Mỹ	220000870/PCBB-HCM	Hộp 5 bộ	Bộ	4.300	362.250	1.557.675.000
108	3	PP2300057726	2	Bộ dẫn truyền cảm ứng 2 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn, huyết áp tĩnh mạch	Dụng cụ đo huyết áp động mạch xâm lấn 2 đường	682032	Merit Medical Singapore Pte, Ltd	Singapore	Merit Medical systems, Inc	Mỹ	220000870/PCBB-HCM	Hộp 5 bộ	Bộ	950	682.500	648.375.000
109	4	PP2300057740	3	Mặt nạ oxy túi, không thở lại, người lớn	Mask (chụp mũi miệng) oxy nồng độ cao người lớn	032-10-072NC	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	170001926/PCBA-HCM	Thùng 50 cái	Cái	2.500	31.500	78.750.000
110	5	PP2300057741	3	Mặt nạ oxy túi, không thở lại, trẻ em	Mask (chụp mũi miệng) oxy nồng độ cao trẻ em	032-10-080	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	170001926/PCBA-HCM	Thùng 50 cái	Cái	100	31.500	3.150.000
111	6	PP2300057743	3	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng, người lớn	Lọc vi khuẩn, vi rút có cổng đo CO2 (VentiShield) người lớn	038-41-365STR	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	180002512/PCBA-HCM	Thùng 50 cái	Cái	9.000	24.150	217.350.000
112	7	PP2300057744	3	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng, trẻ em	Lọc vi khuẩn, vi rút có cổng đo CO2 (VentiShield) trẻ em	038-42-365STR	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	180002512/PCBA-HCM	Thùng 50 cái	Cái	700	24.150	16.905.000

Handwritten signature/initials

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
113	8	PP2300057803	3	Bóng bóp giúp thở, không có van giảm áp, 1500ml	Bóng bóp giúp thở	038-71-943	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	180001414/PCBA-HCM	Thùng 5 bộ	Bộ	2.000	525.000	1.050.000.000
114	9	PP2300057853	6	Ông thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Dây thở oxy dòng cao VeoFlo (Gong mũi thở oxy dòng cao)	032-10-17x	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	220001069/PCBB-HCM	Hộp 25 cái	cái	130	619.500	80.535.000
Tổng cộng:		9 sản phẩm													Giá trị:	3.794.490.000

21. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Tín (Mã định danh: vn0309110047)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
115	1	PP2300057477	3	Bơm tiêm 1ml, chứa Lithium Heparin, có kim 23G, 25G	PRO-VENT PLUS, 1 CC SLP SYRINGE 25G, 23G FILTER+ EDGE	4619PG, 4629PG	Smiths Medical ASD, Inc.	Mỹ	Smiths Medical ASD, Inc.	Mỹ	220001819/PCBB-HCM	200 cái/ thùng	Cái	40.000	23.000	920.000.000
116	2	PP2300057483	3	Bơm tiêm chứa Lithium Heparin, 1ml	Bơm tiêm khí máu động mạch không kim - BD Drihep A-line Syringe 1ml SYR ABG ALINE 1(6) S/ T CE	364356	Becton, Dickinson and Company	Anh	Becton, Dickinson and Company	Anh	180001707/PCBA-HCM	100 cái/ thùng	Cái	5.000	23.500	117.500.000
117	3	PP2300057487	1	Bơm tiêm đầu xoắn, chứa nước muối 0.9%, các cỡ	BD POSIFLUSH NORMAL SALINE SYRINGES 3ML, 5ML, 10ML	306573 306574 306575	Becton Dickinson, S.A.	Tây Ban Nha	Becton, Dickinson and Company	Mỹ	220000350/PCBB-BYT	30 cái/hộp, 480 cái/thùng	Cái	800.000	16.000	12.800.000.000
118	4	PP2300057500	3	Kim lấy máu gót chân, an toàn, các cỡ	Kim chích lấy máu gót chân BD Microtainer® Quikheel™ Lancet	368101 368100	BD Caribe Ltd.	Mỹ	Becton Dickinson & Company	Mỹ	220000849/PCBB-BYT	200 cái/ thùng	Cái	5.000	27.900	139.500.000
119	5	PP2300057505	3	Kim luồn mạch máu an toàn, hệ thống kín, các cỡ	BD NEXIVA 2Qsyte 18-24G	383530 383531 383532 383536 383537 383539	Becton Dickinson Infusion Therapy Systems Inc.	Mỹ	Becton Dickinson Infusion Therapy Systems Inc.	Mỹ	220000580/PCBB-BYT	20 bộ/hộp, 80 bộ/thùng	Bộ	10.000	166.000	1.660.000.000
Tổng cộng:		5 sản phẩm													Giá trị:	15.637.000.000

22. Tên nhà thầu Công ty TNHH Dược Kim Đô (Mã định danh: vn0301171961)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
120	1	PP2300057378	6	Băng cá nhân 2cm, dài 6 ± 1cm	Urgo Durable 2cm x 6cm	Urgo Durable/	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	170000209/PCBA-HCM, ngày 09/06/2017	Thùng 5000 miếng	Miếng	2.100.000	390	819.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
121	2	PP2300057392	6	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 7 x 10cm	Optiskin 100mm x 70mm	Optiskin	Urigo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Laboratoires Urigo	Pháp	170000093/PCBA-HCM, ngày 30/05/2017	Hộp 50 miếng	Miếng	20.000	8.310	166.200.000
122	3	PP2300057422	1	Gạc lưới lipido-collloid mắt lưới <0.5mm², 15 x 20cm (±0.5%)	Urgotul (Flex) 15x20cm	Urgotul (Flexible)	Laboratoires Urigo	Pháp	Laboratoires Urigo	Pháp	-	Hộp 10 miếng	Miếng	500	68.600	34.300.000
123	4	PP2300057425	3	Gel hydrogel loại bỏ mô hoại tử	Hydrogel 15g	UrigoHydrogel	Advanced Medical Solutions Ltd	Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland	Laboratoires Urigo	Pháp	220002383/PCBB-BYT, 02/06/2022	Hộp 10 tuýp	Tuýp	160	124.100	19.856.000
124	5	PP2300057426	3	Gạc xốp Lipido-collloid vi bám dính, 10 x 12cm (±0.5)	Urgotul Absorb 10x12cm	Urgotul Absorb	Laboratoires Urigo	Pháp	Laboratoires Urigo	Pháp	-	Hộp 10 miếng	Miếng	300	98.100	29.430.000
125	6	PP2300057438	3	Gạc xốp lipido-collloid, 10 x 10cm (±0.5)	Urgostart Micro - Adhesive 10x10cm	Urgostart Micro - Adhesive	Laboratoires Urigo	Pháp	Laboratoires Urigo	Pháp	-	Hộp 10 miếng	Miếng	250	197.000	49.250.000
126	7	PP2300057439	3	Gạc lưới tấm bạc, cỡ 10 x 12cm (±0.5%)	Urgotul Ag/Silver 10x12cm	Urgotul Ag/Silver	Laboratoires Urigo	Pháp	Laboratoires Urigo	Pháp	-	Hộp 16 miếng	Miếng	700	55.000	38.500.000
127	8	PP2300057440	3	Gạc lưới tấm nano-oligosaccharide, 10 x 10cm (±0.5%)	Urgostart Contact 10x10cm	Urgostart Contact	Laboratoires Urigo	Pháp	Laboratoires Urigo	Pháp	-	Hộp 10 miếng	Miếng	300	125.000	37.500.000
128	9	PP2300057441	3	Gạc lưới, cỡ 10 x 10cm (±0.5%)	Urgotul (Flex) 10x10cm	Urgotul (Flexible)	Laboratoires Urigo	Pháp	Laboratoires Urigo	Pháp	-	Hộp 10 miếng	Miếng	4.000	34.200	136.800.000
129	10	PP2300057443	3	Gạc thấm hút tấm bạc, cỡ 10 x 10cm (±0.5%)	Urgoclean Ag 10x10cm	Urgoclean Ag	Laboratoires Urigo	Pháp	Laboratoires Urigo	Pháp	-	Hộp 10 miếng	Miếng	1.000	145.000	145.000.000
130	11	PP2300057449	3	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa loét do tỳ đè, dạng xịt	Sanyrene 20ml	Sanyrene	Laboratoires Urigo	Pháp	Laboratoires Urigo	Pháp	210000534/PCBA-HCM, ngày 26/07/2021	Hộp 1 chai	Chai	1.900	142.200	270.180.000
Tổng cộng:		11 sản phẩm													Giá trị:	1.746.016.000

23. Tên nhà thầu Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Hoàng Ánh Dương (Mã định danh: vn0303244037)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
131	1	PP2300057421	4	Gạc hydrocolloid, loại mỏng, 10 x 10cm	Băng dán Hydrocolloid Renoderm 10cmx10cm	RN1010CA	Wonbiogen Co., Ltd	Hàn Quốc	Wonbiogen Co., Ltd	Hàn Quốc	220000170/PCBB-HCM	50 miếng/ hộp	Miếng	1.500	36.120	54.180.000
132	2	PP2300057502	3	Kim lấy máu, lấy thuốc, các cỡ	Kim tiêm (STERICAN)	4665120 4657519 4665791 4660021 4657667 4657675 9186158 4657853 4665457	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Malaysia	B. Braun Melsungen AG	Đức	220001325/PCBB-BYT	Hộp/100 cái	Cái	750.000	774	580.500.000

10/2/2024

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
133	3	PP2300057506	3	Kim dẫn mạch máu an toàn, thời gian lưu đến 3-5 ngày, các cỡ	Kim dẫn tĩnh mạch an toàn (VASOFIX SAFETY FEP 18G,1.75 IN.,1.3X45MM-AP) Kim dẫn tĩnh mạch an toàn (VASOFIX SAFETY FEP 20G,1.25 IN.,1.1X33MM-AP) Kim dẫn tĩnh mạch an toàn (VASOFIX SAFETY FEP 22G,1 IN.,0.9X25MM-AP)	4268130S-03 4268113S-03 4268091S-03	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Malaysia	B. Braun Melsungen AG	Đức	220000026/PCBB-BYT	Hộp/50 cái	Cái	100.000	15.620	1.562.000.000
134	4	PP2300057513	3	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 7Fr, dài 15cm/16cm/20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp Seldinger CERTOFIX DUO HF V720	4168534	B. Braun Melsungen AG	Đức	B. Braun Melsungen AG	Đức	-	Hộp/ 10 cái	Cái	1.400	554.680	776.552.000
135	5	PP2300057514	3	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, 7Fr, dài 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm có phủ chất kháng khuẩn CERTOFIX PROTECT TRIO V720	4163214P	B. Braun Melsungen AG	Đức	B. Braun Melsungen AG	Đức	-	Hộp/ 10 cái	Cái	1.500	920.590	1.380.885.000
136	6	PP2300057520	3	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, cỡ 7Fr, dài 15cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm có phủ chất kháng khuẩn CERTOFIX PROTECT DUO V715	4166159P	B. Braun Melsungen AG	Đức	B. Braun Melsungen AG	Đức	-	Hộp/ 10 cái	Cái	400	808.750	323.500.000
137	7	PP2300057545	5	Dây truyền dịch tránh ánh sáng, dài khoảng 180cm	Bộ dây truyền dịch an toàn, truyền thuốc và hóa chất(INTRAFIX SAFESET UV-PROTECT. LL, 180CM)	4063131	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	B. Braun Melsungen AG	Đức	180002035/PCBA-HN	Thùng/100 cái	Cái	500	28.980	14.490.000
138	8	PP2300057547	5	Dây truyền dịch dưới khí tự động, dài khoảng 180cm	Bộ dây truyền dịch an toàn dùng bơm (INTRAFIX SAFESET)	4063005	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	B. Braun Melsungen AG	Đức	2100026ĐKLH/BYT-TB-CT	Thùng/100 bộ	Bộ	400.000	18.900	7.560.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
139	9	PP2300057551	3	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 10 - 12 cm	Khóa ba ngã chống nứt gãy (DISCOFIX C, 3WSC, BLUE, 10CM TUBE)	16500C	B. Braun Medical AG	Thụy Sĩ	B. Braun Melsungen AG	Đức	220000621/PCBB-BYT	Thùng/200 cái	Cái	500	17.367	8.683.500
140	10	PP2300057553	3	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 100 - 105 cm	Khóa ba ngã chống nứt gãy (DISCOFIX C, 3WSC, BLUE, 100CM TUBE)	16560C	B. Braun Medical AG	Thụy Sĩ	B. Braun Melsungen AG	Đức	220000621/PCBB-BYT	Thùng/50 cái	Cái	20.000	23.700	474.000.000
Tổng cộng:		10 sản phẩm													Giá trị:	12.734.790.500

24. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 (Mã định danh: vn0100108536)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
141	1	PP2300057634	3	Catheter lọc máu hai nông bằng polyurethane, cỡ 12Fr, dài 20-22cm	HAEMOCAT® SIGNO V1220 CATHETER SET 20CM	7029685	B. Braun Melsungen AG	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	2100392DKLH/BYT-TB-CT	10 bộ/ hộp	Cái	1.200	766.000	919.200.000
142	2	PP2300057638	3	Lưỡi dao mổ, cỡ 10, 11, 12, 15, 20, 21	Lưỡi dao mổ, cỡ 10, 11, 12, 15, 20, 21	LUSB	LUXSUTURES	Luxembourg	LUXSUTURES	Luxembourg	220001820/PCBB-HCM	Hộp / 100 cái	Cái	75.000	2.100	157.500.000
143	3	PP2300057657	1	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.7 m²	OMNiset TPE incl FILTER 0,7	7211154	B. Braun Avitum Italy S.p.A	Ý	B. Braun Avitum AG	Đức	-	4 bộ/ thùng	Bộ	50	8.400.000	420.000.000
144	4	PP2300057665	3	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.6m² và hệ thống dây dẫn đi kèm	OMNiset 1,6 m²	7211370	B. Braun Avitum Italy S.p.A	Ý	B. Braun Avitum AG	Đức	-	4 bộ/ thùng	Bộ	30	6.400.000	192.000.000
145	5	PP2300057667	3	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.6m² và hệ thống dây dẫn đi kèm kết hợp hấp phụ	OMNiset Plus 1,6 m²	7211427	B. Braun Avitum Italy S.p.A	Ý	B. Braun Avitum AG	Đức	-	4 bộ/ thùng	Bộ	40	6.700.000	268.000.000
146	6	PP2300057674	1	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8 m², hệ số siêu lọc 99 ml/h/mmHg	XEVONTA HI 18	7204657	B. Braun Avitum Saxonia GmbH	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	-	20 quả/thùng	Quả	1.000	489.000	489.000.000
147	7	PP2300057675	1	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.6 m², hệ số siêu lọc 85 ml/h/mmHg	DIACAP PRO 16H	720DH16	B. Braun Avitum Saxonia GmbH	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	-	20 quả/thùng	Quả	4.000	369.600	1.478.400.000
148	8	PP2300057676	1	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1,5 m², hệ số siêu lọc 9.8 ml/h/mmHg	DIACAP LOPS 15 PS-DIALYZER, GAMMA	7203541	B. Braun Avitum Saxonia GmbH	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	-	20 quả/thùng	Quả	1.000	306.600	306.600.000

100%

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
149	9	PP2300057677	1	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.6 m², hệ số siêu lọc 14 ml/h/mmHg	DIACAP PRO 16L	720DL16	B. Braun Avitum Saxonia GmbH - Đức	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	-	20 quả/thùng	Quả	2.000	291.900	583.800.000
150	10	PP2300057682	1	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.5 m², hệ số siêu lọc 87 ml/h/mmHg	XEVONTA HI 15	7204649	B. Braun Avitum Saxonia GmbH	Đức	B. Braun Avitum AG	Đức	-	20 quả/thùng	Quả	1.000	489.000	489.000.000
151	11	PP2300057752	3	Dung dịch lọc máu I	HD PLUS 8,4 B	8750304	Hãng sản xuất: Công ty TNHH B. Braun Việt Nam (Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH B. Braun Việt Nam/ Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng)	Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	2100029ĐKLH/BYT-TB-CT	2 can/ thùng	Can	3.400	150.000	510.000.000
152	12	PP2300057753	3	Dung dịch lọc máu II	HD PLUS 144 A	8750303	Hãng sản xuất: Công ty TNHH B. Braun Việt Nam (Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH B. Braun Việt Nam/ Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng)	Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	2100030ĐKLH/BYT-TB-CT ngày 01/02/2021	2 can/ thùng	Can	6.000	150.940	905.640.000
Tổng cộng:		12 sản phẩm													Giá trị:	6.719.140.000

25. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Phân phối và Đầu tư Patco (Mã định danh: vn0104856349)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
153	1	PP2300057710	6	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân, dùng điều trị người bệnh thoái hóa khớp	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu	Tricell PRP Kit	Rev-Med	Hàn Quốc	Rev-Med	Hàn Quốc	220001495/PCBB-HN	5 bộ/ hộp	Bộ	650	3.100.000	2.015.000.000
154	2	PP2300057793	6	Bình làm ấm tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Bình làm ấm	VHC60	Vincent Medical	Trung Quốc	Vincent Medical	Trung Quốc	220002083/PCBB-HN	1 cái / túi	Cái	130	350.000	45.500.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
155	3	PP2300057813	6	Dây máy thở cho người lớn tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Ông thở dành cho người lớn	510-049	Vincent Medical	Trung Quốc	Vincent Medical	Trung Quốc	220002082/PCBB-HN	1 cái / túi	Cái	130	800.000	104.000.000
Tổng cộng:		155 sản phẩm													Giá trị:	2.164.500.000

26. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật H.B (Mã định danh: vn0302360457)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
156	1	PP2300057654	3	Phím X-quang tương thích máy Drypro, cỡ 35 x 43cm	Phím X-quang khô laser Konica SD-Q 14 x 17 inch (35x43cm)	SD-Q	Carestream Health (sản xuất cho Konica Minolta - Nhật Bản)	Mỹ	Konica Minolta	Nhật Bản	220002263/PCBA-HCM	125 cái / hộp	Cái	20.000	37.002	740.040.000
Tổng cộng:		156 sản phẩm													Giá trị:	740.040.000

27. Tên nhà thầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Huy Thống (Mã định danh: vn0302912274)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
157	1	PP2300057582	6	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật	Drainage Bag	LU-800	Bioteque Corporation	Đài Loan	Bioteque Corporation	Đài Loan	170002930/PCBA-HCM	Bao / cái	Cái	3.000	61.740	185.220.000
158	2	PP2300057609	3	Ống dẫn lưu dạng mao mạch	Capillary Drain	21457, 21458	Primed Halberstadt Medizintechnik GmbH	Đức	Primed Halberstadt Medizintechnik GmbH	Đức	220000947/PCBB-HCM	Bao / cái	Cái	700	157.500	110.250.000
Tổng cộng:		2 sản phẩm													Giá trị:	295.470.000

28. Tên nhà thầu Công ty TNHH Đạt Phú Lợi (Mã định danh: vn0304835307)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
159	1	PP2300057358	3	Băng đệm mềm	Băng đệm mềm Rosidal soft, 10cm x 0,2cm x 2m	13016	Genu Werke Gremmel & Mulders GmbH	Đức	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	200000206/PCBA-HCM	Hộp/ 2 cuộn	Hộp	12	220.000	2.640.000
160	2	PP2300057359	3	Băng ép sức căng ngắn, 4cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn Rosidal K, 4cm x 5m	22199	Lohmann & Rauscher s.r.o	Cộng Hòa Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	200000205/PCBA-HCM	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	6	120.000	720.000
161	3	PP2300057360	3	Băng ép sức căng ngắn, 6cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn Rosidal K, 6cm x 5m	22200	Lohmann & Rauscher s.r.o	Cộng Hòa Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	200000205/PCBA-HCM	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	6	130.000	780.000
162	4	PP2300057361	3	Băng ép sức căng ngắn, 8cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn Rosidal K, 8cm x 5m	22201	Lohmann & Rauscher s.r.o	Cộng Hòa Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	200000205/PCBA-HCM	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	6	160.000	960.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang (thiết bị y tế/ Tên thương mại)	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
163	5	PP2300057362	3	Băng ép sức căng ngắn, 10cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn Rosidal K, 10cm x 5m	22202	Lohmann & Rauscher s.r.o	Cộng Hòa Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	200000205/PCBA-HCM	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	6	180.000	1.080.000
164	6	PP2300057363	3	Băng ép sức căng ngắn, 12cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn Rosidal K, 12cm x 5m	22203	Lohmann & Rauscher s.r.o	Cộng Hòa Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	200000205/PCBA-HCM	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	6	230.000	1.380.000
165	7	PP2300057364	3	Băng giữ dạng ống, cỡ 2.3cm x 5m (±10%)	Băng giữ dạng ống Tg Tubular Bandage, size 2	24021	Lohmann & Rauscher s.r.o	Cộng Hòa Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	200000207/PCBA-HCM	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	4	55.000	220.000
166	8	PP2300057365	3	Băng giữ dạng ống, cỡ 6.5cm x 5m (±10%)	Băng giữ dạng ống Tg Tubular Bandage, size 6	24024	Lohmann & Rauscher s.r.o	Cộng Hòa Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	200000207/PCBA-HCM	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	4	70.000	280.000
167	9	PP2300057366	3	Băng giữ dạng ống, cỡ 8.5cm x 20m (±10%)	Băng giữ dạng ống Tg Tubular Bandage, size 9	24006	Lohmann & Rauscher s.r.o	Cộng Hòa Séc	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	200000207/PCBA-HCM	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	4	250.000	1.000.000
168	10	PP2300057367	3	Băng kết dính co giãn hai chiều	Băng kết dính co giãn hai chiều Mollelast haft, 6cm x 4m	30064	Lohmann & Rauscher GmbH	Áo	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	200000203/PCBA-HCM	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	12	50.000	600.000
169	11	PP2300057383	3	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại nằm ngang	Dụng cụ cố định ống thông nằm ngang 9781	9781	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	200001288/PCBA-HCM	Hộp/5 cái	Cái	30	150.000	4.500.000
170	12	PP2300057384	3	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại thẳng đứng	Dụng cụ cố định ống thông đứng thẳng 9782	9782	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	200001287/PCBA-HCM	Hộp/5 cái	Cái	40	180.000	7.200.000
171	13	PP2300057401	3	Gạc che xung quanh ống mở khí quản	Gạc đặt xung quanh ống mở khí quản Metalline, 8x9cm	23094	Lohmann & Rauscher GmbH & Co.KG	Đức	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co. KG	Đức	190000351/PCBA-HCM	Hộp/ 50 miếng	Miếng	2.500	9.450	23.625.000
172	14	PP2300057586	3	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo loại một phần cho người lớn, có bộ lọc khí, khóa cuộn	8331	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	190000221/PCBA-HCM	Hộp/10 cái	Cái	2.500	89.250	223.125.000
173	15	PP2300057588	3	Túi hậu môn nhân tạo, 2 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo, túi phần 70mm, lọc khí, khóa cuộn	18194	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	190000222/PCBA-HCM	Hộp/10 cái	Cái	300	48.000	14.400.000
174	16	PP2300057815	3	Dụng cụ cố định ống nội khí quản, chống cần	Dụng cụ cố định nội khí quản có chống cần Hollister	9800	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	180000934/PCBA-HCM	Thùng/12 cái	Cái	2.500	310.000	775.000.000
175	17	PP2300057846	3	Miếng tẩy chất keo	Miếng quét tẩy chất keo	7760	Acupac Packaging, Inc	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	190000221/PCBA-HCM	Hộp/50 cái	Cái	3.200	9.000	28.800.000
176	18	PP2300057875	3	Vòng bảo vệ chống loét da, cỡ nhỏ	Vòng đệm bằng 48mm	7805	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	190000221/PCBA-HCM	Hộp/10 cái	Cái	60	39.900	2.394.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
177	19	PP2300057884	3	Vòng bảo vệ chống loét da, cỡ lớn	Vòng đệm bằng 98mm	7806	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	190000221/PCBA-HCM	Hộp/10 cái	Cái	60	65.100	3.906.000
178	20	PP2300057889	6	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo	Dây nịt loại trung 580mm x 1090mm	7300	SEI Medical S.A, de C.V.,	Mexico	Hollister Incorporated	Mỹ	190000221/PCBA-HCM	Hộp/1 cái	Cái	50	90.000	4.500.000
179	21	PP2300057890	3	Đế băng dán túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo, đế băng 70mm	14604	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	190000222/PCBA-HCM	Hộp/5 cái	Cái	600	65.100	39.060.000
180	22	PP2300057891	3	Đế lõi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo, đế lõi 70mm	14804	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	190000222/PCBA-HCM	Hộp/5 cái	Cái	200	78.000	15.600.000
181	23	PP2300057893	3	Kẹp túi hậu môn nhân tạo	Kẹp túi màu be	8770	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister Incorporated	Mỹ	190000221/PCBA-HCM	Hộp/20 cái	Cái	250	10.000	2.500.000
Tổng cộng:		23 sản phẩm													Giá trị:	1.154.270.000

29. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thiết bị y tế Khải Vinh (Mã định danh: vn0312146808)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
182	1	PP2300057554	3	Khóa đi kèm dây dẫn, 1 nhánh	Surplug Micro Clear Extension tube 18cm	066-ET32010	ICU Medical de Mexico, S. de R.L. de C.V.	Mexico	ICU Medical Inc.	Mỹ	Phiếu công bố số: 220001237/PCBB-BYT, ngày 14/02/2022	Hộp/ 50 cái	Cái	120.000	41.500	4.980.000.000
183	2	PP2300057857	3	Que thử đường huyết nhanh, men thử GOD-POD	Medisafe Fit Blood Glucose Test Tip	MS*FC030A	Kofu Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation	Nhật Bản	17530NK/BYT-TB-CT, ngày 08/02/2021	Hộp/ 30 cái	Cái	80.000	8.400	672.000.000
Tổng cộng:		2 sản phẩm													Giá trị:	5.652.000.000

30. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông (Mã định danh: vn0101088272)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
184	1	PP2300057473	3	Dây truyền canxi dùng trong lọc máu	Dây truyền Canxi cho hệ thống Prismaflex – CA250	113763	Medizintechnik Promedtr GmbH	Đức	Medizintechnik Promedtr GmbH	Đức	220001268/PCBB-BYT	24 Cái /hộp	Cái	70	290.000	20.300.000
185	2	PP2300057516	3	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh	Leaderflex	121204; 121206; 121208	VYGON GmbH & Co.KG	Đức	VYGON GmbH & Co.KG	Đức	-	20 Cái/hộp	Cái	10	900.000	9.000.000
186	3	PP2300057523	3	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi, cỡ 2Fr/24G, dài khoảng 30cm	Nutrline	125230	VYGON GmbH & Co.KG	Đức	VYGON GmbH & Co.KG	Đức	-	10 Cái /hộp	Cái	25	1.800.000	45.000.000
187	4	PP2300057578	3	Túi chứa dịch xạ tối thiểu 5 lít	Túi đựng dịch thải SL-Prismaflex	115959	Bioeks D.O.O. T/A Bioprod D.O.O	Slovenia	Gambro Dasco S.p.A	Ý	200000986/PCBA-HCM	40 Cái/hộp	Cái	1.200	235.000	282.000.000
188	5	PP2300057635	6	Ống thông tĩnh mạch rốn	Umbilical Catheter	27005	Vygon Portugal	Bồ Đào Nha	Vygon	Pháp	-	15 Cái/ hộp	Cái	100	85.000	8.500.000

Handwritten signature/initials

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
189	6	PP2300057655	3	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.15 m²	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương Prismaflex TPE1000	107143	Gambro Industries	Pháp	Gambro Industries	Pháp	2100412DKLH/BYT-TB-CT	4 Bộ/thùng	Bộ	15	11.400.000	171.000.000
190	7	PP2300057656	3	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.35 m²	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương Prismaflex TPE2000	107144	Gambro Industries	Pháp	Gambro Industries	Pháp	2100412DKLH/BYT-TB-CT	4 Bộ/thùng	Bộ	220	11.900.000	2.618.000.000
191	8	PP2300057664	3	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.5m² và hệ thống dây dẫn đi kèm	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn heparin OXIRIS	112016	Gambro Industries	Pháp	Gambro Industries	Pháp	2100774DKLH/BYT-TB-CT	4 Bộ/thùng	Bộ	110	17.100.000	1.881.000.000
192	9	PP2300057666	3	Quả lọc, màng lọc máu loại 0.9m² và hệ thống dây dẫn đi kèm	Bộ quả lọc máu liên tục Prismaflex M100	106697	Gambro Industries	Pháp	Gambro Industries	Pháp	2100772DKLH/BYT-TB-CT	4 bộ/thùng	Bộ	1.200	7.300.000	8.760.000.000
193	10	PP2300057672	6	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em <11kg có suy thận cấp	Bộ quả lọc máu liên tục Prismaflex HF20	109841	Gambro Industries	Pháp	Gambro Industries	Pháp	2100773DKLH/BYT-TB-CT	4 Bộ/thùng	Bộ	8	13.300.000	106.400.000
194	11	PP2300057673	6	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp	Bộ quả lọc máu liên tục Prismaflex M60	106696	Gambro Industries	Pháp	Gambro Industries	Pháp	2100772DKLH/BYT-TB-CT	4 Bộ/thùng	Bộ	15	6.600.000	99.000.000
195	12	PP2300057711	3	Phin lọc bạch cầu chiết bông cầu dùng trong truyền hồng cầu lỏng hay máu toàn phần	Imugard III-RC	TF*IR2002NC	Fujinomiya Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation	Nhật Bản	2100672DKLH/BYT-TB-CT	25 Cái/ thùng	Cái	190	663.000	125.970.000
196	13	PP2300057712	3	Phin lọc bạch cầu chiết tiểu cầu dùng trong truyền tiểu cầu	Imugard III-PL	TF*IP2002N	Fujinomiya Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation	Nhật Bản	220000129/PCBB-BYT	25 Cái/ thùng	Cái	50	705.000	35.250.000
197	14	PP2300057883	1	Túi làm ấm máu trong lọc máu	Túi làm ấm máu TherMax	955516	Lider	Pháp	Baxter Healthcare SA	Thụy Sĩ	-	24 Túi /thùng	Túi	24	620.000	14.880.000
Tổng cộng:		14 sản phẩm													Giá trị:	14.176.300.000

31. Tên nhà thầu Công ty TNHH Dược phẩm B.H.C (Mã định danh: vn0302408003)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
198	1	PP2300057393	3	Gạc Alginate, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc vết thương AQUACEL Ag Extra 10x10cm	420676	ConvaTec Limited	Anh	ConvaTec Limited	Anh	-	Hộp/10 miếng	Miếng	1.300	125.000	162.500.000
199	2	PP2300057419	4	Gạc hydrocolloid, 10 x 10cm, dày 1.5mm ± 0.2mm	Băng dán vết thương DuoDERM CGF 10x10cm	187660	ConvaTec Dominican Republic, Inc.	Dominican Republic	ConvaTec Limited	Anh	2200299DKLH/BYT-TB-CT	Hộp/ 5 miếng	Miếng	2.400	51.500	123.600.000
200	3	PP2300057587	4	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, xả được, sử dụng với kẹp hậu môn	Túi hậu môn nhân tạo một mảnh ActiveLife One-Piece Drainable Pouch	22771	ConvaTec Dominican Republic, Inc.	Dominican Republic	ConvaTec Limited	Anh	170002782/PCBA-HCM	Hộp/ 10 cái + Kẹp	Cái	200	56.000	11.200.000
201	4	PP2300057888	6	Bột ngăn ngừa tổn thương da dùng cho hậu môn nhân tạo	Bột bảo vệ da quanh hậu môn nhân tạo Stomahesive Protective Powder 28,3g	25510	Pharmapac (UK) Ltd	Anh	ConvaTec Limited	Anh	190001538/PCBA-HCM	Hộp/1 chai	Chai	150	177.000	26.550.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
202	5	PP2300057892	4	Kéo làm dây và chống rò rỉ dùng cho hậu môn nhân tạo	Kéo làm dây dành cho hậu môn nhân tạo Stomahesive Paste 56,7g	183910	ConvaTec Dominican Republic, Inc.	Dominican Republic	ConvaTec Limited	Anh	170002692/PCBA-HCM	Hộp/ 1 ống	Ống	130	158.500	20.605.000
Tổng cộng:		5 sản phẩm													Giá trị:	344.455.000

32. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật An Pha (Mã định danh: vn0310073590)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
203	1	PP2300057356	3	Băng dính có định, cỡ 2.5cm x (5 - 6)m	Băng keo y tế Multipore	3730-1	3M Japan Limited	Nhật Bản	3M Japan Limited	Nhật Bản	Phiếu tiếp nhận số: 180001332/PCBA-HCM	24 cuộn/ hộp	Cuộn	5.000	95.000	475.000.000
204	2	PP2300057357	3	Băng bột bó băng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, 7.5cm x 3.6m (±10%)	Băng sợi thủy tinh Scotchcast Plus có định xương gãy 3inch (±10%)	82003	3M Poland Manufacturing Sp. Z.o.o	Ba Lan	3M Company/ 3M Health care	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 170001342/PCBA-HCM	cuộn/ gói, 10 cuộn/ thùng	Cuộn	20	105.000	2.100.000
205	3	PP2300057370	3	Băng bột bó băng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, cỡ 10cm x 3.6m (±10%)	Băng sợi thủy tinh Scotchcast Plus có định xương gãy 4inch (±10%)	82004	3M Poland Manufacturing Sp. Z.o.o	Ba Lan	3M Company/ 3M Health care	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 170001342/PCBA-HCM	cuộn/ gói, 10 cuộn/ thùng	Cuộn	80	125.000	10.000.000
206	4	PP2300057373	3	Băng dán hồi, tự dính, 10cm x 4.5 ± 0.05m	3MTM Coban™ NL Non-Latex Slef-Adherent Wrap	2084S	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company/ 3M Health care/ 3M Center	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 200000955/PCBA-HCM	Cuộn/ hộp	Cuộn	500	90.000	45.000.000
207	5	PP2300057374	3	Băng dán hồi, tự dính, 7.5cm x 4.5 ± 0.05m	Băng thun cuộn tự dính y tế Coban 7,5cm x 4,5m	1583	3M Deutschland GmbH	Đức	3M Company/ 3M Health care/ 3M Center	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 200000955/PCBA-HCM	cuộn/ gói, 24 cuộn/ thùng	Cuộn	500	55.000	27.500.000
208	6	PP2300057380	3	Băng dính trong suốt, 10 x 12cm (±10%)	Băng philm trong 3M™ Tegaderm™ Frame Style 10cm x 12cm	1626W	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 220000886/PCBB-BYT	50 miếng/ hộp	Miếng	30.000	15.000	450.000.000
209	7	PP2300057381	3	Băng dính trong suốt, 6 x 7cm (±05%)	Băng philm trong 3M™ Tegaderm™ Frame Style 6cm x 7cm	1624W	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 220000886/PCBB-BYT	100 miếng/ hộp	Miếng	12.000	5.500	66.000.000
210	8	PP2300057388	3	Băng dính trong suốt có định kim luôn, dành cho trẻ em	Băng philm trong vô trùng không thấm nước 3M Tegaderm 1.V 3,8cm x 4,5cm	1680	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company/ 3M Healthcare	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 170000877/PCBA-HCM	100 miếng/ hộp	Miếng	2.000	20.000	40.000.000
211	9	PP2300057389	3	Băng dính trong suốt có định kim luôn, dành cho người lớn	Băng philm trong vô trùng không thấm nước 3M Tegaderm 1.V 6,5cm x 7cm	1683	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 170000877/PCBA-HCM	100 miếng/ hộp	Miếng	240.000	12.500	3.000.000.000
212	10	PP2300057390	3	Băng dính có định, cỡ 2.5cm x (9 - 10)m	Băng keo trong y tế TRANSPORE 2,5cm x 9,1m	1527-1	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company/ 3M Health care/ 3M Center	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 170000501/PCBA-HCM	12 cuộn/ hộp	Cuộn	34.000	21.000	714.000.000
213	11	PP2300057394	6	Gạc Alginate, cỡ 15 x 15cm (±05%)	Băng vết thương loét tiết dịch y tế 3M™ Tegaderm™ Alginate Ag 15cm x 15cm	90305	Advanced Medical Solutions Ltd	Vương quốc Anh	3M Company/ 3M Health care/ 3M Center	Mỹ	-	5 miếng/ hộp	Miếng	1.000	300.000	300.000.000
214	12	PP2300057395	6	Gạc Alginate, dạng cuộn, cỡ rộng 2.5cm x dài 30 ± 0.5cm	Băng vết thương loét tiết dịch y tế 3M™ Tegaderm™ Alginate Ag 2,5 x 30cm	90307	Advanced Medical Solutions Ltd	Vương quốc Anh	3M Company/ 3M Health care/ 3M Center	Mỹ	-	5 miếng/ hộp	Miếng	1.000	240.000	240.000.000
215	13	PP2300057415	3	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 5 x 7cm	Băng philm dính y tế trong suốt có gạc vô trùng Tegaderm Pad 5cm x 7cm	3582	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 220000892/PCBB-BYT	50 miếng/ hộp	Miếng	120.000	9.500	1.140.000.000

1.1.2.3

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
216	14	PP2300057416	3	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 25cm	Băng phấm dính y tế trong suốt có gạc vô trùng Tegaderm Pad 9cm x 25cm	3591	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 220000892/PCBB-BYT	25 miếng/ hộp	Miếng	25.000	36.000	900.000.000
217	15	PP2300057417	3	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x15cm	Băng phấm dính y tế trong suốt có gạc vô trùng Tegaderm Pad 9cm x 15cm	3589	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 220000892/PCBB-BYT	25 miếng/ hộp	Miếng	16.000	20.000	320.000.000
218	16	PP2300057428	3	Gạc xốp (foam) 10 x 11cm, màng film phủ ngoài, cỡ 14 x 15cm (±0.5)	Băng dính Tegaderm Foam 14,3cm x 15,6cm	90613	3M Deutschland GmbH	Đức	3M Company/ 3M Health care/ 3M Center	Mỹ	-	5 miếng/ hộp	Miếng	2.000	140.000	280.000.000
219	17	PP2300057430	3	Gạc xốp (foam) 6 x 7cm, màng film phủ ngoài, cỡ 10 x 11cm (±0.5)	Băng dính Tegaderm Foam 10cm x 11cm	90611	3M Deutschland GmbH	Đức	3M Company/ 3M Health care/ 3M Center	Mỹ	-	10 miếng/ hộp	Miếng	2.000	95.000	190.000.000
220	18	PP2300057444	3	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 2%, 10 x 12cm (± 05%)	Băng cổ định 3M Tegaderm CHG I.V. Securement Dressing 10cm x 12cm	1658R	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Mỹ	-	25 miếng/ hộp	Miếng	11.000	162.225	1.784.475.000
221	19	PP2300057445	3	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật 56x45cm (± 05%)	Màng dán phẫu thuật kháng khuẩn có iodine 6650EU	6650EU	3M Poland Manufacturing Sp. Z.o.o	Ba Lan	3M Company	Mỹ	-	10 miếng/ gói	Miếng	2.200	220.000	484.000.000
222	20	PP2300057446	3	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật phủ Iodophar, 34x35cm (± 05%)	Màng dán phẫu thuật kháng khuẩn có iodine 6640EU	6640EU	3M Poland Manufacturing Sp. Z.o.o	Ba Lan	3M Company	Mỹ	-	10 miếng/ gói	Miếng	3.500	150.000	525.000.000
223	21	PP2300057448	3	Dung dịch dùng ngoài dạng xịt điều trị phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực	Dung dịch bảo vệ và hỗ trợ điều trị tổn thương da 3M™ Cavilon™ No Sting Barrier Film 28ml	3346E	Aphena Pharma Solutions - Maryland, LLC	Hoa Kỳ	3M Company	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 210000762/PCBA-HCM	Chai/ hộp	Chai	1.600	240.000	384.000.000
224	22	PP2300057450	3	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết dạng kem	Kem ngăn ngừa tổn thương da 3M™ Cavilon™ Durable Barrier Cream 28g	3391G	Accupac, LLC	Hoa Kỳ	3M Company	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 210000761/PCBA-HCM	Hộp/ Tuýp 28g	Tuýp	1.000	140.000	140.000.000
225	23	PP2300057451	3	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực, 1ml	Dung dịch bảo vệ và hỗ trợ điều trị tổn thương da 3M™ Cavilon™ No Sting Barrier Film 1ml	3344E	Aphena Pharma Solutions - Maryland, LLC	Hoa Kỳ	3M Company	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 210000762/PCBA-HCM	Hộp/ 30 gói	Gói	300	14.000	4.200.000
226	24	PP2300057453	4	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa dùng cho máy điều trị vết thương áp lực âm	Bộ ống dẫn lưu nước rửa vết thương Versalink, có giá đỡ bình nước cất	ULTLNK0500	Venusa de Mexico S. de R.L. de C.V	Mexico	KCI	Mỹ	Bản phân loại số: 3M-RA/2023-32	Bộ/ gói	Bộ	65	3.000.000	195.000.000
227	25	PP2300057462	3	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether phủ bạc, cỡ 10 x (7-8) x 3.2cm	Bộ kit hút dịch vết thương Granufoam Silver tiệt trùng sẵn cỡ nhỏ	M8275098/10	KCI Manufacturing	Ireland	KCI	Mỹ	-	Bộ/ gói	Bộ	30	3.000.000	90.000.000
228	26	PP2300057463	3	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether phủ bạc, cỡ 18 x (12 -13) x 3.2cm	Bộ kit hút dịch vết thương Granufoam Silver tiệt trùng sẵn cỡ trung	M8275096/10	KCI Manufacturing	Ireland	KCI	Mỹ	-	Bộ/ gói	Bộ	20	3.500.000	70.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
229	27	PP2300057464	3	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xếp bằng polyurethane ether phủ bạc, cỡ 26 x (15-16) x 3.2cm	Bộ kit hút dịch vết thương Granufoam Silver tiết trùng sẵn cỡ lớn	M8275099/10	KCI Manufacturing	Ireland	KCI	Mỹ	-	Bộ/ gói	Bộ	10	4.500.000	45.000.000
230	28	PP2300057465	3	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xếp bằng polyurethane ether, cỡ 10 x (7-8) x 3.2cm	V.A.C. Granufoam Dressing (Small)	M8275051/10	KCI Manufacturing	Ireland	KCI	Mỹ	-	Bộ/ gói	Bộ	100	2.000.000	200.000.000
231	29	PP2300057466	4	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xếp bằng polyurethane ether, cỡ 11 x 8 x (1.5-2)cm, có chức năng tưới rửa	Bộ kit hút dịch vết thương Veraflo kết hợp rửa vết thương, tiết trùng sẵn cỡ nhỏ	ULTVFL05SM	Venus de Mexico S. de R.L. de C.V	Mexico	KCI	Mỹ	-	Bộ/ gói	Bộ	50	3.500.000	175.000.000
232	30	PP2300057467	4	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xếp bằng polyurethane ether, cỡ 17 x 15 x (1.5-2)cm, có chức năng tưới rửa	Bộ kit hút dịch vết thương Veraflo kết hợp rửa vết thương, tiết trùng sẵn cỡ trung	ULTVFL05MD	Venus de Mexico S. de R.L. de C.V	Mexico	KCI	Mỹ	-	Bộ/ gói	Bộ	50	4.000.000	200.000.000
233	31	PP2300057468	3	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xếp bằng polyurethane ether, cỡ 18 x (12-13) x 3.2cm, cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực	V.A.C. Granufoam Dressing (Medium)	M8275052/10	KCI Manufacturing	Ireland	KCI	Mỹ	-	Bộ/ gói	Bộ	50	2.500.000	125.000.000
234	32	PP2300057469	4	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xếp bằng polyurethane ether, cỡ 25 x 15 x (1.5-2)cm, có chức năng tưới rửa	Bộ kit hút dịch vết thương Veraflo kết hợp rửa vết thương, tiết trùng sẵn cỡ lớn	ULTVFL05LG	Venus de Mexico S. de R.L. de C.V	Mexico	KCI	Mỹ	-	Bộ/ gói	Bộ	30	6.500.000	195.000.000
235	33	PP2300057470	3	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xếp bằng polyurethane ether, cỡ 26 x 15 x 3.2cm (± 05%), cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực	V.A.C. Granufoam Dressing (Large)	M8275053/10	KCI Manufacturing	Ireland	KCI	Mỹ	-	Bộ/ gói	Bộ	10	3.000.000	30.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
236	34	PP2300057573	3	Bình chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm, cỡ 300ml/ 500ml	Bình chứa dịch hút áp lực âm lõi 300ml/500ml	M8275058/10; M8275063/10	KCI Manufacturing	Ireland	KCI	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 220000127/PCBA-HCM và 220000119/PCBA-HCM	Cái/ gói	Cái	550	1.300.000	715.000.000
237	35	PP2300057637	3	Lưỡi dao tương thích tổng đo điện	Lưỡi tổng đo điện sử dụng 1 lần	9660	Wahl Clipper Corporation	Hoa Kỳ	3M Company/ 3M Health care/ 3M Center	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 180002181/PCBA-HCM	cái/ gói, 50 cái/ hộp	Cái	1.100	85.000	93.500.000
238	36	PP2300057731	3	Miếng dán điện cực, hình chữ nhật	Điện cực tim 3M Red Dot 4cm x 3.3cm	2228	3M Canada Co.	Canada	3M Company	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 220000617/PCBB-BYT	50 cái/ gói	cái	300.000	1.900	570.000.000
239	37	PP2300057797	3	Bộ sạc pin dùng để nạp pin cho tổng đo điện không dây	Sạc pin cho tổng đo điện 3M Drop-in Charger with cord	9662L	Wahl Clipper Corporation	Hoa Kỳ	3M Company/ 3M Health care/ 3M Center	Mỹ	Phiếu tiếp nhận số: 180002181/PCBA-HCM	Hộp/ 1 bộ	Bộ	1	860.000	860.000
240	38	PP2300057864	4	Tấm lót, 60 x 60cm (± 05%)	Tấm trải da nung Amethyst	43140/ 43331	Cobes Industries (Hefei) Co., Ltd.	Trung Quốc	Daiei Co., Ltd.	Nhật Bản	Phiếu tiếp nhận số: 220001108/PCBA-HCM	25 miếng/ túi	Miếng	70.000	9.500	665.000.000
241	39	PP2300057865	4	Tấm lót, 60 x 90cm (± 05%)	Tấm trải da nung Amethyst, kích cỡ 60x90 cm	43333/ 43531	Cobes Industries (Hefei) Co., Ltd.	Trung Quốc	Daiei Co., Ltd.	Nhật Bản	Phiếu tiếp nhận số: 220001108/PCBA-HCM	25 miếng/ túi	Miếng	136.620	10.000	1.366.200.000
Tổng cộng:		39 sản phẩm													Giá trị:	16.256.835.000

33. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Nhựa Y tế Việt Nam (Mã định danh: vn2700349706)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
242	1	PP2300057472	5	Dây truyền dịch chiều dài >170cm	Bộ dây truyền dịch ECO sử dụng một lần kim thường	DTD02: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	220000013/PCBB-NB	1 cái/ túi	Cái	50.000	3.850	192.500.000
243	2	PP2300057475	6	Bơm tiêm đầu to, 50ml	Bơm cho ăn MPV 50ml	BCA	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	170000006/PCBA-NB	1 cái/ túi	Cái	40.000	3.580	143.200.000
244	3	PP2300057476	6	Bơm tiêm 10ml, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 10ml	BTK10: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	220000012/PCBB-NB	1 cái/ túi	Cái	800.000	903	722.400.000
245	4	PP2300057478	6	Bơm tiêm 1ml, có kim 26G	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 1ml	BTK1: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	220000012/PCBB-NB	1 cái/ túi	Cái	140.000	605	84.700.000
246	5	PP2300057479	6	Bơm tiêm 20ml, có kim 23G	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 20ml	BTK20: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	220000012/PCBB-NB	1 cái/ túi	Cái	100.000	1.540	154.000.000
247	6	PP2300057480	6	Bơm tiêm 3ml, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 3ml	BTK3: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	220000012/PCBB-NB	1 cái/ túi	Cái	150.000	605	90.750.000
248	7	PP2300057485	3	Bơm tiêm đầu thẳng, lệch tâm, không kim, 20ml	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 20ml	BTK20: MPV	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	220000012/PCBB-NB	1 cái/ túi	Cái	40.000	1.850	74.000.000
249	8	PP2300057488	6	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 10ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần đầu xoắn 10ml	BTLL10: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	220000012/PCBB-NB	1 cái/ túi	Cái	250.000	990	247.500.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
250	9	PP2300057489	6	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 20ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 20ml đầu xoắn	BTLL20: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	220000012/PCBB-NB	1 cái/ túi	Cái	30.000	2.250	67.500.000
251	10	PP2300057494	3	Bơm tiêm insulin, kim 30G	Bơm tiêm Insulin sử dụng một lần 1ml		Berpu Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Berpu Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	2100456ĐKLH/BYT-TB-CT	1 cái/ túi	Cái	65.000	1.680	109.200.000
252	11	PP2300057498	4	Kim cánh bướm, các cỡ	Kim cánh bướm MPV	KCB01: MPV	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	2100597ĐKLH/BYT-TB-CT	1 cái/ túi	Cái	3.000	990	2.970.000
253	12	PP2300057603	6	Ống thông hậu môn	Ống thông hậu môn MPV	OTHM	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	180000003/PCBA-NB	1 cái/ túi	Cái	100	2.850	285.000
254	13	PP2300057618	6	Ống hút đàm, cỡ 6 → 16Fr	Dây hút dịch ECO	DHD: ECO	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	220000007/PCBB-NB	1 cái/ túi	Cái	250.000	2.350	587.500.000
255	14	PP2300057619	5	Dây hút dịch dùng trong phẫu thuật, dài 3.5m ± 0,1m	Dây hút dịch phẫu thuật MPV (3600 mm)	DHD	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	190000005/PCBA-NB	1 cái/ túi	Cái	40.000	13.800	552.000.000
256	15	PP2300057784	5	Kẹp rốn	Kẹp rốn MPV	KR	MPV	Việt Nam	MPV	Việt Nam	170000003/PCBA-NB	1 cái/ túi	Cái	5.800	1.200	6.960.000
Tổng cộng:		15 sản phẩm													Giá trị:	3.035.465.000

34. Tên nhà thầu Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hạnh Minh (Mã định danh: vn3603298529)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
257	1	PP2300057835	6	Khẩu trang than hoạt tính	Khẩu trang y tế (4 lớp, than hoạt tính)	TKIHT	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Hạnh Minh	Việt Nam	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Hạnh Minh	Việt Nam	210000016/PCBA/ĐN	1 cái/gói 100 gói/túi/ 30 gói/thùng	Cái	60.000	987	59.220.000
258	2	PP2300057885	5	Bộ chăm sóc vết thương sử dụng 1 lần	BỘ CHĂM SÓC VẾT THƯƠNG DÙNG 1 LẦN	TD07-002	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Hạnh Minh	Việt Nam	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Hạnh Minh	Việt Nam	220000037/PCBA/ĐN	1 bộ/túi 40 bộ/thùng	Bộ	10.000	27.300	273.000.000
Tổng cộng:		2 sản phẩm													Giá trị:	332.220.000

35. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Trọng Tín (Mã định danh: vn0305253502)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
259	1	PP2300057508	6	Kim tiêm dùng 1 lần, 26G	Kim tiêm thuốc 26G x 1/2" Dispovan	26G	Hindustan Syringes & Medical Devices Ltd	Ấn Độ	Hindustan Syringes & Medical Devices Ltd	Ấn Độ	220000850/PCBB-HCM Ngày công bố: 17/03/2022	1 cái/gói	Cái	4.000	399	1.596.000
260	2	PP2300057517	6	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường bằng polyurethane, cỡ 20/22G dài 13-15cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nông VenX 18G,20G,22G	BCVC-18G01-20 BCVC-20G01-13 BCVC-22G01-13	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	-	1 bộ/gói	Bộ	30	419.790	12.593.700

Handwritten signature/initials

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
261	3	PP2300057521	6	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane 4.5/5.5Fr dài 6/8/13cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nông VcnX 4.5Fr hoặc 5.5Fr các cỡ	BCVC-4.503-06YN BCVC-5.503-08YN BCVC-5.503-13YN	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	-	1 bộ/gói	Bộ	280	734.790	205.741.200
262	4	PP2300057568	6	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 5→ 10Fr	Sonde cho ăn (Feeding tube) ComfortSoft có đường cân quang Xline dọc ống, các cỡ	AF05X AF06X AF08X AF10X	Symphon Medical Technology Co., Ltd.	Đài Loan	Symphon Medical Technology Co., Ltd.	Đài Loan	220000159/PCBB-HCM Ngày công bố: 18/01/2022	1 cái/gói	Cái	2.200	5.229	11.503.800
263	5	PP2300057574	6	Bình chứa dịch dẫn lưu màng phổi, bằng nhựa, tối thiểu 1800ml	Bình dẫn lưu dịch màng phổi 1800ml có dây nối Palsco	H03195	Pacific Hospital Supply Co., Ltd.	Đài Loan	Pacific Hospital Supply Co., Ltd.	Đài Loan	180002012/PCBA-HCM ngày 15/10/2018	1 cái/gói	Cái	200	210.000	42.000.000
264	6	PP2300057626	6	Ống nối chữ Y	Có nối 3 nhánh chữ Y PerfX có hoặc không có khóa huer	BCN-YxxxL	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	220001467/PCBB-HCM Ngày công bố: 04/05/2022	1 cái/gói	Cái	550	83.790	46.084.500
265	7	PP2300057627	6	Ống nối thẳng có khóa huer lock	Có nối thẳng PerfX Male-1/4 có huer	BCN-S4L	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	220001467/PCBB-HCM Ngày công bố: 04/05/2022	1 cái/gói	Cái	100	83.790	8.379.000
266	8	PP2300057629	6	Ống nối thẳng không có khóa huer lock	Có nối thẳng PerfX có hoặc không có khóa huer các cỡ	BCN-SxxxL	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	220001467/PCBB-HCM Ngày công bố: 04/05/2022	1 cái/gói	Cái	1.000	46.200	46.200.000
267	9	PP2300057631	6	Catheter lọc máu hai nông dùng cho trẻ em	Catheter chạy thận 2 đường Prymax 6.5Fr dài 11cm/ Catheter chạy thận 2 đường Prymax 8.5Fr dài 11cm, kim Y	PDC-S206511R/PDC-S208511YN	Prymax Healthcare LLP	Ấn Độ	Prymax Healthcare LLP	Ấn Độ	-	1 bộ/gói	bộ	12	732.900	8.794.800
268	10	PP2300057721	3	Bao áp lực truyền dịch nhanh, 500ml	Túi áp lực đo HA xâm nhập 500ml C-Fusor	MX4805	Smiths Medical ASD Inc.	Hoa Kỳ	Smiths Medical ASD Inc.	Hoa Kỳ	220001419/PCBA-HCM Ngày công bố: 28/06/2022	1 cái/gói	Cái	100	3.672.900	367.290.000
269	11	PP2300057723	3	Bộ mở khí quản 2 nông dùng mở khí quản qua da, đường kính trong 7→ 9mm	Bộ mở khí quản ULTRApore qua da (MKQ tại giường ICU)	100/561/0xx0	Smiths Medical International Ltd.	Anh Quốc	Smiths Medical ASD Inc.	Hoa Kỳ	220000308/PCBB-HCM Ngày công bố: 27/01/2022	1 bộ/gói	Bộ	95	6.300.000	598.500.000
270	12	PP2300057724	6	Ống Ca-nuyn mở khí quản 1 nông có bóng, đường kính ngoài từ 4.2 đến 13.7mm	Ống mở khí quản 1 nông có bóng thể tích lớn áp lực thấp, phủ silicone các cỡ	31-xxx10	SUMI spółka z ograniczoną odpowiedzialnością s.p. k.	Ba Lan	SUMI spółka z ograniczoną odpowiedzialnością s.p. k.	Ba Lan	220001360/PCBB-HCM Ngày công bố: 26/04/2022	1 bộ/gói	bộ	2	294.000	588.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
271	13	PP2300057727	6	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn trẻ em	Bộ đo (theo dõi) huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường Ipex trẻ em hoặc sơ sinh, có khóa lấy mẫu kín an toàn (Marvelous stopcock)	BKT-1254	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	BL Lifesciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	230000412/PCBB-HCM Ngày công bố: 01/03/2023	1 bộ/gói	Bộ	25	417.900	10.447.500
Tổng cộng:		13 sản phẩm													Giá trị:	1.359.718.500

36. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Hợp Lực (Mã định danh: vn0309902229)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
272	1	PP2300057544	6	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau	Bộ dây truyền chống gấp màu vàng kèm túi 200ml dùng cho máy bơm giảm đau Rhythmic Evolution	KE1.EE.190.9	Micrel Medical Devices S.A.	Hy Lạp	Micrel Medical Devices S.A.	Hy Lạp	220000953/PCBB-HCM ngày 25/03/2022	20 Bộ/ hộp	Bộ	200	735.000	147.000.000
273	2	PP2300057713	4	Bao quần gối, dài khoảng 25 → 48cm	Bao quần Cryo/Cuff gối size S	11C01	DJO, LLC	Mexico	DJO, LLC	Hoa Kỳ	220000714/PCBB-HCM ngày 08/03/2022	1 cái/ túi	Cái	5	3.990.000	19.950.000
274	3	PP2300057714	4	Bao quần gối, dài khoảng 46 → 58cm	Bao quần Cryo/Cuff gối size M	11A01	DJO, LLC	Mexico	DJO, LLC	Hoa Kỳ	220000714/PCBB-HCM ngày 08/03/2022	1 cái/ túi	Cái	5	3.990.000	19.950.000
275	4	PP2300057715	4	Bao quần gối, dài khoảng 51 → 79cm	Bao quần Cryo/Cuff gối size L	11B01	DJO, LLC	Mexico	DJO, LLC	Hoa Kỳ	220000714/PCBB-HCM ngày 08/03/2022	1 cái/ túi	Cái	5	3.990.000	19.950.000
276	5	PP2300057716	4	Bao quần mắt cá/cổ chân người lớn	Bao quần Cryo/Cuff mắt cá / cổ chân người lớn	10A01	DJO, LLC	Mexico	DJO, LLC	Hoa Kỳ	220000714/PCBB-HCM ngày 08/03/2022	1 cái/ túi	Cái	5	3.990.000	19.950.000
277	6	PP2300057717	4	Bao quần thắt lưng người lớn	Bao quần Cryo/Cuff thắt lưng người lớn	14A01	DJO, LLC	Mexico	DJO, LLC	Hoa Kỳ	220000714/PCBB-HCM ngày 08/03/2022	1 cái/ túi	Cái	15	3.990.000	59.850.000
278	7	PP2300057718	4	Bao quần vai người lớn (81 - 122) cm	Bao quần Cryo/Cuff vai người lớn (81 - 122cm)	12A01	DJO, LLC	Mexico	DJO, LLC	Hoa Kỳ	220000714/PCBB-HCM ngày 08/03/2022	1 cái/ túi	Cái	10	5.460.000	54.600.000

Handwritten signature

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
279	8	PP2300057764	6	Bao chỉ dùi trong phòng ngừa truyền tác huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (73-63-45) mmHg	Bao chỉ dùi dùng cho máy chống truyền tác huyết khối VenaFlow Elite	3045	DJO, LLC	Mexico	DJO, LLC	Hoa Kỳ	220000559/PCBB-HCM ngày 24/02/2022	01 dũi/ bao	Đôi	20	1.890.000	37.800.000
Tổng cộng:		8 sản phẩm													Giá trị:	379.050.000

37. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thiết bị y tế EMC (Mã định danh: vn0310631397)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
280	1	PP2300057471	5	Kim lấy máu, lấy thuốc, cỡ 18 → 23 G	Kim tiêm Tanaphar (các số)	KT**..TNP	Tanaphar	Việt Nam	Tanaphar	Việt Nam	2100085ĐKLH/BYT-TB-CT	100 cái/ hộp	Cái	500.000	284	142.000.000
281	2	PP2300057482	6	Bơm tiêm 5ml, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm sử dụng một lần Vihankok (5ml)	BTS.VHK	Tanaphar	Việt Nam	Tanaphar	Việt Nam	230000533/PCBB-HN	100 cái/ hộp	Cái	1.100.000	622	684.200.000
282	3	PP2300057729	5	Đè lưới gỗ	Que đè lưới gỗ Tanaphar	ĐLG.TNP	Tanaphar	Việt Nam	Tanaphar	Việt Nam	180000507/PCBA - HN	100 cái/ hộp	Cái	150.000	252	37.800.000
Tổng cộng:		3 sản phẩm													Giá trị:	864.000.000

38. Tên nhà thầu Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hào Tín (Mã định danh: vn1200583720)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
283	1	PP2300057746	6	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, trẻ em	Phin lọc khuẩn 3 chức năng dùng cho trẻ em	AL-080319.V001	Meditera Tibbi Malzeme San. Ve Tic. A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	Meditera Tibbi Malzeme San. Ve Tic. A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	220000078/PCBB-BYT	1 cái / túi	cái	600	22.995	13.797.000
Tổng cộng:		1 sản phẩm													Giá trị:	13.797.000

39. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Đại Dương (Mã định danh: vn0103672941)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
284	1	PP2300057804	3	Bóng cầm máu mũi	Bóng cầm máu mũi - EPI-MAX™ EPISTAXIS CATHETER	60-402 60-402L	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Số công bố: 220000857/PCBB-HN ngày 19/03/2022	1 cái/ hộp	Cái	2	4.504.500	9.009.000
285	2	PP2300057848	3	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng áp thành khí quản	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng áp thành khí quản - Long-term cannula	330xxxx	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Số công bố: 220000857/PCBB-HN ngày 19/03/2022	1 cái/ hộp	Cái	6	8.316.000	49.896.000
286	3	PP2300057849	3	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng ống	Ống duy trì lỗ mở khí quản - Singer Laryngectomy Tube	SLT-xxxx	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	6448NK/BYT-TB-CT ngày 15/10/2018	1 cái/ hộp	Cái	7	4.500.000	31.500.000
287	4	PP2300057850	3	Ống mở khí quản dài	Moore Tracheostomy Tube Ống mở khí quản dài (cỡ 6, 8, 10)	MTT-xxx	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Số công bố: 220000857/PCBB-HN ngày 19/03/2022	1 cái/ hộp	Cái	2	12.000.000	24.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
288	5	PP2300057851	3	Ống sửa chữa đoạn hẹp hạ hầu, thực quản	Ống sửa chữa đoạn hẹp đầu thực quản, hạ hầu và đóng lỗ rò thực quản, hạ hầu - Montgomery® salivary bypass tube	322xxx; 322xxxR	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Số công bố: 220000857/PCBB-HN ngày 19/03/2022	1 cái/ hộp	Cái	2	14.000.000	28.000.000
289	6	PP2300057854	3	Ống thông chủ T giữ đường mở khí quản, Silicon mềm	Ống chủ T dùng cho lồng ngực - Montgomery® safe-T-Tube™	520xxx	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	6448NK/BYT-TB-CT ngày 15/10/2018	1 cái/ hộp	Cái	24	12.000.000	288.000.000
290	7	PP2300057869	3	Thuốc đo chiều dài, đường kính thành khí quản	Thuốc đo chiều dài, đường kính thành khí quản - Stomasure™	STM100	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Số 220002931/PCBB-HN ngày 05/09/2022	1 cái/ hộp	Cái	2	1.524.600	3.049.200
291	8	PP2300057873	3	Van nói	Van nói - Cannula Speaking Valves	35xxxx	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Boston Medical Products, Inc.	Hoa Kỳ	Số công bố: 220000857/PCBB-HN ngày 19/03/2022	1 cái/ hộp	Cái	2	8.038.800	16.077.600
Tổng cộng:		8 sản phẩm													Giá trị:	449.531.800

40. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Merufa (Mã định danh: vn0300478598)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
292	1	PP2300057763	5	Bao cao su	Bao cao su tránh thai	Happy/ Size 52mm ± 2mm	Công ty Cổ phần Merufa	Việt Nam	Công ty Cổ phần Merufa	Việt Nam	2100145ĐKLH/BYT-TB-CT	1 cái/ gói nhôm, 3 cái/ ví, 144 cái/ hộp, 2.880 cái/ thùng	Cái	120.000	546	65.520.000
293	2	PP2300057772	6	Gel bôi trơn tiết niệu, trọng lượng 80-90g	Gel bôi trơn âm đạo	Merufa Lube 300670-02	Công ty Cổ phần Merufa	Việt Nam	Công ty Cổ phần Merufa	Việt Nam	2100596ĐKLH/BYT-TB-CT	82g/ tuýp, 1 tuýp/ hộp, 40 hộp/thùng	Ống	3.100	45.150	139.965.000
294	3	PP2300057821	5	Gel siêu âm	Gel siêu âm	GSA-3006	Công ty Cổ phần Merufa	Việt Nam	Công ty Cổ phần Merufa	Việt Nam	190000584/PCBA-HCM	can 5 lít, 4 can/ thùng	Lít	7.000	17.600	123.200.000
Tổng cộng:		3 sản phẩm													Giá trị:	328.685.000

41. Tên nhà thầu Công ty CP Công nghệ sinh học Thụy An (Mã định danh: vn0304728672)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
295	1	PP2300057529	6	Kim lọc thần nhân tạo, đầu tù, cỡ 16G	Disposable AV Fistula Needle Sets	AVF2516LF01DE	Vital Healthcare SDN. BHD	Malaysia	Vital Healthcare SDN. BHD	Malaysia	220000514/PCBB-HCM	500 cái/ thùng	Cái	1.000	10.500	10.500.000
Tổng cộng:		1 sản phẩm													Giá trị:	10.500.000

42. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thương mại Diễn Niễn (Mã định danh: vn0313979224)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
296	1	PP2300057382	6	Băng dính, 10cm x 10m (±05%)	Băng keo cuộn cơ giãn FIX ROLL 10cm x 10m	F1010	Công ty TNHH Young Chemical Vina	Việt Nam	Công ty TNHH Young Chemical Vina	Việt Nam	Số: 190000004/PCBA-LA	1 cuộn/ hộp	Cuộn	3.000	150.000	450.000.000

1/1/2026

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
297	2	PP2300057474	2	Dây truyền dịch dưới khí tự động, dài khoảng 185cm	BD Gravity IV Set With ARD Technology and AutoPrime	388000	CareFusion BH 335 d.o.o Cazin	Bosnia & Herzegovina	BD Switzerland Sàrl	Thụy Sĩ	220001027/PCBB-BYT		Bộ	100.000	28.000	2.800.000.000
298	3	PP2300057555	3	Khóa đi kèm dây dẫn, 2 nhánh	BD SmartSite™ “Y” Extension Set 2 Needle- Free Valves	20019E7D	Sistemas Medicos Alaris S.A. de C.V.	Mexico	BD Switzerland Sàrl	Thụy Sĩ	220000250/PCBB-BYT	Hộp/ 100 cái	Cái	70.000	78.000	5.460.000.000
299	4	PP2300057556	3	Khóa đi kèm dây dẫn, 3 nhánh	BD SmartSite™ Extension Set 3 Needle- Free Valves	20038E7D	Sistemas Medicos Alaris S.A. de C.V.	Mexico	BD Switzerland Sàrl	Thụy Sĩ	220000250/PCBB-BYT	Hộp/ 100 cái	Cái	10.000	126.000	1.260.000.000
Tổng cộng:		4 sản phẩm													Giá trị:	9.970.000.000

43. Tên nhà thầu Công ty TNHH Dược phẩm và Thương mại Phú Tài (Mã định danh: vn2700793781)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
300	1	PP2300057549	3	Dây truyền máu đầu trơn	Dây truyền máu	A02	Perfect	Việt Nam	Perfect	Việt Nam	2100203ĐKLH/BYT-TB-CT	Túi/cái Hộp 50 cái Thùng 300 cái	Cái	18.000	10.200	183.600.000
301	2	PP2300057563	6	Găng tay tiệt khuẩn, không bột, dài khoảng 290 ± 10 mm	Găng tay latex phẫu thuật tiệt trùng không bột	HTC.SSPF	Công ty cổ phần găng tay HTC	Việt Nam	Công ty cổ phần găng tay HTC	Việt Nam	220000017/PCBB-BD	Đôi/túi Hộp 50 đôi Thùng 300 đôi	Đôi	380.000	3.980	1.512.400.000
Tổng cộng:		2 sản phẩm													Giá trị:	1.696.000.000

44. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Tân Thành (Mã định danh: vn0102045497)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
302	1	PP2300057528	5	Kim lọc thân nhân tạo, cỡ 16G/17G	Bộ kim AVF	TMC-AVF-016G TMC-AVF-017G	Công ty CP TTB-VITYT TMC	Việt Nam	Công ty CP TTB-VITYT TMC	Việt Nam	2100109ĐKLH/BYT-TB-CT	01 cái/bao	Cái	15.000	6.490	97.350.000
303	2	PP2300057572	3	Túi chứa dịch xá tối thiểu 15 lít	Túi đựng dịch xá 15L (15L Cycler Drainage Bag)	SC4145P	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	190001533/PCBA-HCM	Hộp 30 cái	Cái	500	67.000	33.500.000
304	3	PP2300057621	3	Bộ phận chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng kết nối giữa catheter và túi dịch lọc	Bộ chuyển tiếp (Minicap Extended Life PD Transfer Set with Twist Clamp)	SC4482	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	220000773/PCBB-BYT	Hộp 6 cái	Cái	220	310.000	68.200.000
305	4	PP2300057632	4	Ống thông thẩm phân phúc mạc, đầu cong, bằng silicone, cỡ 15Fr	Catheter lọc màng bụng đầu cong dài 63cm (15F x 63cm coiled Peritoneal Dialysis Catheter W/2 Cuffs)	MDC63C	Martech Medical Products	Mexico	Medical Components Inc	Mỹ	15635NK/BYT-TB-CT	Hộp 5 cái	Cái	55	2.879.000	158.345.000
306	5	PP2300057636	3	Nắp đóng bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng	Nắp đóng bộ chuyển tiếp (Minicap with povidone - iodine)	SPC4466	Baxter Healthcare S.A	Ireland	Baxter Healthcare SA	Thụy Sĩ	220000639/PCBB-BYT	Hộp 60 cái	Cái	3.000	4.900	14.700.000
307	6	PP2300057668	5	Hệ thống dây dẫn trong lọc máu	Bộ dây lọc thân 5 trong 1	TMC-BL-16	Công ty CP TTB-VITYT TMC	Việt Nam	Công ty CP TTB-VITYT TMC	Việt Nam	2100103ĐKLH/ BYT-TB-CT	01 bộ/ bao	Bộ	20.000	59.000	1.180.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
313	3	PP2300057600	6	Ông thờ ô-xy 2 nhánh, sơ sinh	Ông thờ ô-xy 2 nhánh, sơ sinh	ô-xy 2 nhánh, sơ sinh	Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị An Phú	Việt Nam	Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị An Phú	Việt Nam	Số: 210000399/PCBA-HN ngày 05 tháng 04 năm 2021	01 cái/ gói	Cái	1.500	5.150	7.725.000
314	4	PP2300057617	6	Ông hút đàm có khóa kiểm soát, cỡ 6 → 10Fr	Ông hút đàm có khóa kiểm soát, cỡ 6 → 10Fr	cỡ 6 → 10Fr	Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị An Phú	Việt Nam	Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị An Phú	Việt Nam	Số: 180001323/PCBA-HN ngày 20 tháng 07 năm 2018	01 cái/ gói	Cái	30.000	2.085	62.550.000
315	5	PP2300057622	5	Dây nối dùng truyền thuốc qua bơm tiêm điện, dài 140 ± 5cm	Dây nối dùng truyền thuốc qua bơm tiêm điện, dài 140 ± 5cm	dài 140 ± 5cm	Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị An Phú	Việt Nam	Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị An Phú	Việt Nam	Số: 190001287/PCBA-HN ngày 13 tháng 09 năm 2019	01 cái/ gói	Cái	50.000	3.839	191.950.000
Tổng cộng:		5 sản phẩm													Giá trị:	684.225.000

47. Tên nhà thầu Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Thời Thanh Bình (Mã định danh: vn0304175675)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
316	1	PP2300057614	5	Dây hút dịch, đường kính 10mm	Dây hút dịch cuộn 10mm	DC10	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	200001197/ PCBA-HCM	40 mét/ cuộn	Mét	320	3.780	1.209.600
317	2	PP2300057615	6	Dây hút dịch, đường kính 6mm	Dây hút dịch cuộn 6mm	DC06	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	200001197/ PCBA-HCM	40 mét/ cuộn	Mét	3.000	2.100	6.300.000
318	3	PP2300057616	6	Dây hút dịch, đường kính 8mm	Dây hút dịch cuộn 8mm	DC08	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	200001197/ PCBA-HCM	40 mét/ cuộn	Mét	70.000	2.730	191.100.000
319	4	PP2300057730	5	Đê lưới nhựa	Que đê lưới nhựa	DL	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	200001210/ PCBA-HCM	1 cái/gói Hộp 100 cái	Cái	2.000	693	1.386.000
320	5	PP2300057791	5	Bao chụp kính hiển vi cỡ 150 x (200 - 205) cm	Bao kính hiển vi (150 x 200 cm)	BT07-150x200	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	200001207/ PCBA-HCM	1 cái/gói	Cái	1.200	25.830	30.996.000
321	6	PP2300057836	5	Khẩu trang y tế dây cột	Khẩu trang y tế 4U-MED dây cột 3 lớp tiệt trùng	101210	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	200000899/PCBA-HCM	1 cái/gói	Cái	150.000	1.197	179.550.000
322	7	PP2300057837	6	Khẩu trang y tế dây thun	Khẩu trang y tế FAMI MED thun đeo tai 3 lớp tiệt trùng	101304	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	200000898/ PCBA-HCM	1 cái/gói	Cái	1.400.000	619	866.600.000
323	8	PP2300057847	6	Nón phẫu thuật dạng xếp	Nón/ bao tóc	TP07	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	200001211/ PCBA-HCM	1 cái/gói	Cái	600.000	688	412.800.000
Tổng cộng:		8 sản phẩm													Giá trị:	1.689.941.600

48. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thiết bị y tế Dmed (Mã định danh: vn0311439872)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
324	1	PP2300057806	6	Buồng làm ấm và dây thờ có kiểm soát nhiệt	Bộ bình làm ấm và dây thờ có kiểm soát nhiệt độ (Bộ Kít gồm dây thờ và bình làm ấm, ấm khí thờ)	900PT561	Fisher & Paykel	New Zealand	Fisher & Paykel	New Zealand	220001928/PCBB-BYT	Gói /cái	Cái	350	1.750.000	612.500.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
325	2	PP2300057852	6	Ông thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P)	Ông thở oxy (cannula) dòng cao qua mũi	OPT942/ OPT944/ OPT946	Fisher & Paykel	New Zealand	Fisher & Paykel	New Zealand	220001927/PCBB-BYT	Gói/ cái	Cái	350	590.000	206.500.000
Tổng cộng:		2 sản phẩm													Giá trị:	819.000.000

49. Tên nhà thầu Tổng công ty Cổ phần Y tế Danameco (Mã định danh: vn0400102101)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
326	1	PP2300057397	5	Gạc dùng trong lọc máu thận nhân tạo	Bộ tiêm chích FAV	BOT01ZV001	Danameco	Việt Nam	Danameco	Việt Nam	220000016/PCBB-Đna	1 bộ/ gói	Bộ	25.000	8.190	204.750.000
327	2	PP2300057398	5	Gạc phẫu thuật không cân quang, cỡ 10 x 10cm, 6 - 8 lớp	Gạc Phẫu thuật 10 x 10cm x 6 lớp, Vô trùng	GPT58WV010	Danameco	Việt Nam	Danameco	Việt Nam	220000004/PCBB-Đna	10 cái/ gói	Miếng	2.500.000	490	1.225.000.000
328	3	PP2300057408	5	Gạc phẫu thuật cân quang, 30 x 40cm, 8-10 lớp	Gạc Phẫu thuật Ô Bụng 30 x 40cm x 8 lớp, Cân quang, Vô trùng	GOB33WS005	Danameco	Việt Nam	Danameco	Việt Nam	220000005/PCBB-Đna	5 cái/gói	Miếng	100.000	5.660	566.000.000
329	4	PP2300057409	5	Gạc phẫu thuật cân quang, 40 x 40cm, 4-6 lớp	Gạc Phẫu thuật Ô Bụng 40 x 40cm x 4 lớp, Cân quang, Vô trùng	GOB40WS005	Danameco	Việt Nam	Danameco	Việt Nam	220000005/PCBB-Đna	5 cái/gói	Miếng	35.000	4.420	154.700.000
330	5	PP2300057412	5	Gạc phẫu thuật không cân quang, cỡ 7.5 x 7.5cm, 4 - 6 lớp	Gạc Phẫu thuật Không dệt 7.5 x 7.5cm x 6 lớp, Vô trùng	GKP06WV010	Danameco	Việt Nam	Danameco	Việt Nam	220000006/PCBB-Đna	10 cái/ gói	Miếng	170.000	330	56.100.000
331	6	PP2300057413	6	Gạc sạch, cỡ 10 x 10cm, 4 - 6 lớp	Gạc Phẫu thuật 10 x 10cm x 6 lớp, Chưa vô trùng	GPT58WKCKH	Danameco	Việt Nam	Danameco	Việt Nam	220000004/PCBB-Đna	100 cái/ gói	Miếng	2.300.000	390	897.000.000
Tổng cộng:		6 sản phẩm													Giá trị:	3.103.550.000

50. Tên nhà thầu Công ty TNHH DKSH Việt Nam (Mã định danh: vn3700303206)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
332	1	PP2300057503	3	Kim lấy thuốc nhiều lần	4550579 MINI-SPIKE FILTER V	4550579	B.Braun	Đức	B.Braun Melsungen AG	Đức	170000139/PCBA-HN	Hộp/50 cái	Cái	6.700	25.910	173.597.000
333	2	PP2300057546	3	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh tốc độ, dài khoảng 150cm	4061209 INTRAFIX AIR G W EXADROP 150CM	4061209	B.Braun	Hungary	B.Braun Melsungen AG	Đức	170000141/PCBA-HN	Thùng/50 cái	Cái	1.500	74.100	111.150.000

7/10/2024

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
334	3	PP2300057786	3	Nút dây catheter	4495101 COMBI RED	4495101	B.Braun	Đức	B.Braun Melsungen AG	Đức	2100543DKLH/BYT-TB-CT	Hộp/ 100 cái	Cái	17.000	2.874	48.858.000
Tổng cộng:		3 sản phẩm													Giá trị:	333.605.000

51. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Y tế Ngọc Minh (Mã định danh: vn0106662691)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
335	1	PP2300057624	6	Đầu nối an toàn không kim, chịu áp lực cao	Đầu nối không kim NeutraClear	EL200	Cair LGL	Pháp	Cair LGL	Pháp	220000666/PCBB-HN	50 Cái/ Hộp 200 Cái/ Thùng	Cái	50.000	19.320	966.000.000
336	2	PP2300057625	3	Khóa ba ngã	Khóa ba chạc	RO301M	Cair LGL	Pháp	Cair LGL	Pháp	220000667/PCBB-HN	75 Cái/Hộp 300 Cái/ Thùng	Cái	80.000	6.930	554.400.000
Tổng cộng:		2 sản phẩm													Giá trị:	1.520.400.000

52. Tên nhà thầu Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S (Mã định danh: vn0302204137)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
337	1	PP2300057886	4	Túi ép dẹp, cỡ 250mm x 200m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại dẹp 250mmx200m	BMS 250-200	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM ngày 16/12/2017	4 cuộn/ thùng	Cuộn	78	685.000	53.430.000
338	2	PP2300057887	3	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 350mm x 70m (± 05%)	Túi ép tiết trùng loại Tyvek 350mmx70m	BMS 350-70	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	4 cuộn/ thùng	Cuộn	74	3.050.000	225.700.000
339	3	PP2300057894	4	Túi ép dẹp, cỡ 100mm x 200m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại dẹp 100mmx200m	BMS 100-200	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	8 cuộn/ thùng	Cuộn	180	275.000	49.500.000
340	4	PP2300057895	4	Túi ép dẹp, cỡ 150mm x 200m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại dẹp 150mmx200m	BMS 150-200	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	6 cuộn/ thùng	Cuộn	148	420.000	62.160.000
341	5	PP2300057896	4	Túi ép dẹp, cỡ 200mm x 200m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại dẹp 200mmx200m	BMS 200-200	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	4 cuộn/ thùng	Cuộn	220	520.000	114.400.000
342	6	PP2300057897	4	Túi ép dẹp, cỡ 300mm x 200m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại dẹp 300mmx200m	BMS 300-200	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	2 cuộn/ thùng	Cuộn	34	850.000	28.900.000
343	7	PP2300057902	3	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 75mm x 70m (± 05%)	Túi ép tiết trùng loại Tyvek 75mmx70m	BMS 75-70	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	10 cuộn/ thùng	Cuộn	70	700.000	49.000.000
344	8	PP2300057903	4	Túi ép phẳng, cỡ 100mm x 50mm x 100m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại phẳng 100mmx100m	BMS 100-100	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	6 cuộn/ thùng	Cuộn	104	340.000	35.360.000
345	9	PP2300057904	4	Túi ép phẳng, cỡ 150mm x 50mm x 100m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại phẳng 150mmx100m	BMS 150-100	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	4 cuộn/ thùng	Cuộn	146	385.000	56.210.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
346	10	PP2300057905	4	Túi ép phẳng, cỡ 200mm x 50/55mm x 100m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại phẳng 200mmx100m	BMS 200-100	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	4 cuộn/ thùng	Cuộn	104	580.000	60.320.000
347	11	PP2300057906	4	Túi ép phẳng, cỡ 250mm x 60/65mm x 100m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại phẳng 250mmx100m	BMS 250-100	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	4 cuộn/ thùng	Cuộn	151	705.000	106.455.000
348	12	PP2300057907	4	Túi ép phẳng, cỡ 300mm x 80mm x 100m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại phẳng 300mmx100m	BMS 300-100	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	4 cuộn/ thùng	Cuộn	34	850.000	28.900.000
349	13	PP2300057908	4	Túi ép phẳng, cỡ 350mm x 80mm x 100m (± 05%)	Túi cuộn tiết trùng loại phẳng 350mmx100m	BMS 350-100	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Việt Nam	170002850/PCBA-HCM	4 cuộn/ thùng	Cuộn	27	1.000.000	27.000.000
Tổng cộng:		13 sản phẩm													Giá trị:	897.335.000

53. Tên nhà thầu Công ty TNHH Lavicom (Mã định danh: vn0305398057)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
350	1	PP2300057434	6	Gạc xốp (foam), 15 x 15cm (±0.5)	HETIS PU FOAM	HPU 150150R	Công ty TNHH Lavichem	Việt Nam	Công ty TNHH Lavichem	Việt Nam	2100089ĐKLH/BYT-TB-CT	5 miếng/hộp	miếng	10	128.882	1.288.820
351	2	PP2300057435	6	Gạc xốp (foam), cỡ 10 x 10cm (±0.5)	HETIS PU FOAM	HPU 100100R	Công ty TNHH Lavichem	Việt Nam	Công ty TNHH Lavichem	Việt Nam	2100089ĐKLH/BYT-TB-CT	10 miếng/hộp	miếng	20	58.625	1.172.500
Tổng cộng:		2 sản phẩm													Giá trị:	2.461.320

54. Tên nhà thầu Công ty CP TM DV XNK Viễn Phát (Mã định danh: vn0305477703)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
352	1	PP2300057775	6	Giấy gói dụng cụ, cỡ 100 x 100cm (± 10%)	Giấy gói (SMS) 100 x 100	N01W05	Viễn Phát	Việt Nam	Viễn Phát	Việt Nam	210000056/PCBA-HCM	165 Tờ/Hộp	Tờ	40.000	10.920	436.800.000
353	2	PP2300057776	6	Giấy gói dụng cụ, cỡ 120 x 120cm (± 10%)	Giấy gói (sms) 120 x 120	N01W07	Viễn Phát	Việt Nam	Viễn Phát	Việt Nam	210000056/PCBA-HCM	150 Tờ/Hộp	Tờ	1.950	11.970	23.341.500
354	3	PP2300057790	5	Bao chụp kính hiển vi cỡ 122 x (205 - 210) cm	Bao chụp kính hiển vi 122 x 209 cm (48" x 82")	17A02	Viễn Phát	Việt Nam	Viễn Phát	Việt Nam	210000056/PCBA-HCM	45 Cái/Hộp	Cái	600	493.500	296.100.000
355	4	PP2300057799	5	Bộ thông tiểu dùng 1 lần	Bộ thông tiểu	K1017	Viễn Phát	Việt Nam	Viễn Phát	Việt Nam	210000056/PCBA-HCM	45 Bộ/Hộp	Bộ	1.500	35.700	53.550.000
356	5	PP2300057825	6	Giấy gói dụng cụ, cỡ 80 x 80cm (± 10%)	Giấy gói (SMS) 80 x 80	N01W01	Viễn Phát	Việt Nam	Viễn Phát	Việt Nam	210000056/PCBA-HCM	200 Tờ/Hộp	Tờ	73.729	9.555	704.480.595
357	6	PP2300057834	6	Khẩu trang 4 lớp có mặt nạ chống sương	Khẩu trang 4 lớp có thanh tựa loại dây cột, có mặt nạ chống sương	NM4031	Viễn Phát	Việt Nam	Viễn Phát	Việt Nam	210000056/PCBA-HCM	350 Cái/Hộp	Cái	4.200	10.290	43.218.000

11/11/2023

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
358	7	PP2300057861	5	Tấm lót giường bằng spunpond, 60 x 180cm	MIẾNG LÓT GIƯỜNG 60 x 180 CM, 30GSM, TRẮNG, DẠNG CUỘN, 50 MIẾNG/ CUỘN	N00R01E	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	210000056/PCBA-HCM	50 Miếng/ cuộn	Miếng	215.000	4.935	1.061.025.000
359	8	PP2300057862	5	Tấm lót giường bằng spunpond, 80 x 220cm	MIẾNG LÓT GIƯỜNG 80 x 220 CM, 25GSM, TRẮNG, DẠNG CUỘN, 40 MIẾNG/ CUỘN	N00R01L	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	210000056/PCBA-HCM	40 Miếng/ cuộn	Miếng	24.000	7.350	176.400.000
Tổng cộng:		8 sản phẩm													Giá trị:	2.794.915.095

55. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị y tế Nhật Minh (Mã định danh: vn0310363437)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
360	1	PP2300057571	5	Bình chứa dịch, khí màng phổi, bằng thủy tinh, 2000ml	Bình dẫn lưu màng phổi tiết trùng	NM30	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	180000528/PCBA-HCM	Hộp/1 cái	Cái	1.400	107.800	150.920.000
361	2	PP2300057628	5	Ổng nối thẳng con sò	Ổng nối đa năng	NM20	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	180000527/PCBA-HCM	Túi/1 cái	Cái	20.000	2.373	47.460.000
362	3	PP2300057691	5	Đai cố định xương đòn	Đai xương đòn	GIAHU 004	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	Gối/1 cái	Cái	85	30.030	2.552.550
363	4	PP2300057693	5	Đai cột sống lưng, chất liệu thun lưới	Đai cột sống (LOẠI 2)	GIAHU 014	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	Gối/1 cái	Cái	200	78.750	15.750.000
364	5	PP2300057694	5	Đai đầu gối	Băng thun gối	GIAHU 030	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	Gối/1 cái	Cái	150	45.990	6.898.500
365	6	PP2300057696	5	Đai khớp vai	Đai Dessautl (trái, phải)	GIAHU 005	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	Gối/1 cái	Cái	100	55.125	5.512.500
366	7	PP2300057698	5	Nẹp cẳng tay	Nẹp cẳng tay dài (trái, phải)	GIAHU 007	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	Gối/1 cái	Cái	100	32.550	3.255.000
367	8	PP2300057700	5	Nẹp cánh cẳng tay	Nẹp cánh bàn tay (trái, phải)	GIAHU 009	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	Gối/1 cái	Cái	100	107.625	10.762.500
368	9	PP2300057701	5	Nẹp chống xoay ngón	Nẹp chống xoay ngón	GIAHU 021	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	Gối/1 cái	Cái	80	118.125	9.450.000
369	10	PP2300057702	5	Nẹp cổ cứng	Nẹp cổ cứng	GIAHU 002	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	Gối/1 cái	Cái	300	90.300	27.090.000
370	11	PP2300057705	5	Nẹp cổ định khớp gối	Nẹp đùi dài (Zimmer)	GIAHU 018	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	Gối/1 cái	Cái	200	95.760	19.152.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (t)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (t)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
371	12	PP2300057707	5	Nep cổ mềm	Nep cổ mềm	GIAHU 003	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	G6/1 cái	Cái	110	32.760	3.603.600
372	13	PP2300057708	5	Nep cổ tay	Nep cổ tay ngắn (trái, phải)	GIAHU 006	Gia Hưng	Việt Nam	Gia Hưng	Việt Nam	170002779/PCBA-HCM	G6/1 cái	Cái	80	28.875	2.310.000
373	14	PP2300057722	5	Bao camera nội soi tiết khuẩn	Bao camera nội soi	NB401	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	180000526/PCBA-HCM	T09/1 cái	Cái	30.000	5.838	175.140.000
374	15	PP2300057785	5	Nắp bình dẫn lưu màng phổi	Bộ dây dẫn lưu màng phổi	NB415	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	180000526/PCBA-HCM	T09/1 cái	cái	900	28.350	25.515.000
375	16	PP2300057866	6	Tạp dĩa y tế	Tạp dĩa y tế 0,8*1,2m	NM11	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	180000514/PCBA-HCM	T09/1 cái	Cái	80.000	2.709	216.720.000
Tổng cộng:		16 sản phẩm													Giá trị:	772.091.600

56. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Thiết bị y tế và Công nghiệp EH Cường (Mã định danh: vn0105380912)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (t)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (t)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
376	1	PP2300057557	6	Găng tay sạch có bột, các cỡ	Găng tay cao su y tế có bột	Latex powdered examination gloves	ASAP international SDN BHD	Malaysia	ASAP	Malaysia	220001835/PCBB-HN	50 đôi /hộp	Đôi	500.000	750	375.000.000
Tổng cộng:		1 sản phẩm													Giá trị:	375.000.000

57. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Vinstrading (Mã định danh: vn0106202886)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (t)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (t)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
377	1	PP2300057732	3	Miếng dán điện cực trung tính cho máy ecg đặt dính cho trẻ em	Miếng dán điện cực trung tính cho máy ecg đặt dính cho trẻ em	E7510-25	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	2100719ĐKLH/BYT-TB-CT ngày 31/12/2021	25 cái/ hộp	Cái	250	408.000	102.000.000
378	2	PP2300057733	3	Miếng dán điện cực trung tính dùng cho người bệnh ≥ 13kg	Tấm điện cực trung tính REM dùng cho người lớn, không dây	E7509-B	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	2100719ĐKLH/BYT-TB-CT ngày 31/12/2021	600 cái/ hộp	Cái	18.000	84.000	1.512.000.000
Tổng cộng:		2 sản phẩm													Giá trị:	1.614.000.000

58. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thiết bị y tế Thái Sơn (Mã định danh: vn0107885317)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (t)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (t)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
379	1	PP2300057719	3	Bể lọc chỉ thị tiếp xúc, cỡ 1.8cm x 55m (±05%)	Bể chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiết khuẩn bằng hơi nước	1322-18MM	3M Canada Co.	Canada	3M Company	Hoa Kỳ	220002219/PCBA-HCM	28 cuộn/ thùng	Cuộn	700	118.400	82.880.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
380	2	PP2300057720	3	Bể lọc có chỉ thị hóa học, 1.9cm x 55cm, cho diệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2	Bể lọc có chỉ thị nhiệt cho hấp Plasma/ VH2O2	CT40	Terrageno S.A	Argentina	Terrageno S.A	Argentina	210000883/PCBA-HN	1 cuộn/ gói	Cuộn	78	517.500	40.372.800
381	3	PP2300057754	3	Chỉ thị hóa học diệt khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide	Giấy thử (chỉ thị hóa học) 3M dùng cho máy diệt khuẩn dụng cụ y tế	1251	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Hoa Kỳ	170000617/PCBA-HCM	240 que/ hộp, 4 hộp/ thùng	Que	480	3.100	1.488.000
382	4	PP2300057766	3	Bộ test kiểm tra quy trình diệt khuẩn	Gói thử kiểm soát chất lượng diệt khuẩn 41482V	41482V	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Hoa Kỳ	190001591/PCBA-HCM	24 gói/ hộp, 4 hộp/ thùng	Gói	100	228.000	22.800.000
383	5	PP2300057767	3	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho diệt khuẩn hơi nước	Giấy thấm chất thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy diệt khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước	1243A	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Hoa Kỳ	170000617/PCBA-HCM	500 miếng/ túi, 2 túi/ thùng	Miếng	178.500	3.100	553.350.000
384	6	PP2300057770	3	Chỉ thị sinh học, kiểm tra diệt khuẩn hơi nước	Chỉ thị sinh học 3M Attest™ Biological Indicators 6cm x 1cm	1492V	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Hoa Kỳ	190001074/PCBA-HCM	50 ống/ hộp, 4 hộp/ thùng	Ống	1.800	85.050	153.090.000
385	7	PP2300057781	3	Gói thử chất lượng diệt khuẩn hơi nước	Giấy (gói) thử Bowie Dick 3M kiểm tra chất lượng lò diệt khuẩn hơi nước 1233LF	1233LF	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Hoa Kỳ	170000630/PCBA-HCM	6 gói/ túi, 5 túi/ thùng	Gói	1.475	89.000	131.275.000
386	8	PP2300057811	3	Chỉ thị sinh học diệt khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide	Chỉ thị sinh học 3M Attest™ Biological Indicators 1294	1294	3M Company	Hoa Kỳ	3M Company	Hoa Kỳ	190001074/PCBA-HCM	50 ống/ hộp, 4 hộp/ thùng	Ống	750	90.000	67.500.000
Tổng cộng:		8 sản phẩm													Giá trị:	1.052.758.800

59. Tên nhà thầu Công ty TNHH Quỳnh Nghi (Mã định danh: vn0310745700)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
387	1	PP2300057533	3	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng cho mô mềm, các cơ	Kim sinh thiết mô mềm dùng 1 lần của hãng Biomedical.	Kim sinh thiết lõi bên tự động OBDFS, OBDFSxy; xx từ 14 đến 22G, yy từ 05 đến 50cm	Biomedical S.R.L	Ý	Biomedical S.R.L	Ý	220001020/PCBB-HCM	Mỗi cái trong một bao vô trùng, hộp 20 cái.	Cái	220	499.500	109.890.000
Tổng cộng:		1 sản phẩm													Giá trị:	109.890.000

60. Tên nhà thầu Công ty TNHH Việt Học Y tế Việt (Mã định danh: vn0310942836)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
388	1	PP2300057800	3	Bộ vệ sinh răng miệng cho người bệnh	Bộ bàn chải chuyên dụng vệ sinh răng miệng tích hợp hút dịch trên ống cho bệnh nhân thở máy Intersurgical (dùng 1 lần)	3016001	Intersurgical	Vương quốc Anh	Intersurgical	Vương quốc Anh	220000686/PCBA-HCM	Thùng/100 Bộ	Bộ	9.000	65.000	585.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phần nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
389	2	PP2300057802	3	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, các cỡ	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, các cỡ	7150000/7151000/7153000	Intersurgical	Vương quốc Anh	Intersurgical	Vương quốc Anh	220000434/PCBA-HCM	7150000; 7151000; Thùng/ 05 bộ 7153000; Thùng/ 06 bộ	Bộ	1.300	577.500	750.750.000
390	3	PP2300057809	3	Cylinder thông nòng đặt nội khí quản	Cylinder đặt nội khí quản thông các cỡ Intersurgical (dòng 1 lần)	8080006->8080014	Intersurgical	Vương quốc Anh	Intersurgical	Vương quốc Anh	220001040/PCBB-HCM	Hộp/ 10 cái	Cái	300	126.000	37.800.000
391	4	PP2300057867	3	Thông khí bằng nhựa, các cỡ	Airway miệng các cỡ Intersurgical (dòng 1 lần)	1100050-> 1114100	Intersurgical	Vương quốc Anh	Intersurgical	Vương quốc Anh	180002219/PCBA-HCM	Thùng/ 100 cái	Cái	13.000	12.285	159.705.000
392	5	PP2300057878	3	Cylinder bình chiết vệ sinh nước tích hợp hút dịch trên ống	Cylinder vệ sinh nước tích hợp hút dịch trên ống cho bệnh nhân thở máy Intersurgical (dòng 1 lần)	3017000	Intersurgical	Vương quốc Anh	Intersurgical	Vương quốc Anh	220000686/PCBA-HCM	Thùng/15 cái	Cái	10.000	52.500	525.000.000
Tổng cộng:		5 sản phẩm													Giá trị:	2.058.255.000

61. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Phân phối Thuần (Mã định danh: v0312318895)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phần nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
393	1	PP2300057643	4	Túi đặt ngực hình tròn, có chấp, đường kính 10.25cm đến 12.5cm	Túi đặt ngực Motiva	RSM-xxxx+Q RSD-xxxx+Q RSF-xxxx+Q RSC-xxxx+Q	Establishment labs S.A	Costa Rica	Establishment labs S.A	Costa Rica	979NK/BYT-TB-CT ngày 15/01/2019	cái/hộp	cái	40	9.303.000	372.120.000
394	2	PP2300057644	4	Túi đặt ngực hình tròn, có chấp, đường kính 9cm đến 13.5cm	Túi đặt ngực Motiva	ERSM-xxxxQ ERSD-xxxxQ ERSF-xxxxQ ERSC-xxxxQ	Establishment labs S.A	Costa Rica	Establishment labs S.A	Costa Rica	979NK/BYT-TB-CT ngày 15/01/2019	cái/hộp	cái	40	11.718.000	468.720.000
395	3	PP2300057645	4	Túi đặt ngực hình tròn, thể tích 245cc đến 380cc	Túi đặt ngực Motiva	RSM-xxxx+ RSD-xxxx+ RSF-xxxx+ RSC-xxxx+	Establishment labs S.A	Costa Rica	Establishment labs S.A	Costa Rica	979NK/BYT-TB-CT ngày 15/01/2019	cái/hộp	cái	60	7.203.000	432.180.000
Tổng cộng:		3 sản phẩm													Giá trị:	1.273.020.000

62. Tên nhà thầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Quốc Tế (Mã định danh: v06000420044)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tổ)	Phần nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tổ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
396	1	PP2300057534	3	Kim sinh thiết gai nhọn dùng 1 lần, cỡ 18G	Kim sinh thiết Chorion SET	Chorion SET/ PBU70XY	M.D.L.Sd	Ý	M.D.L.Sd	Ý	220000002/PCBB-DL	Hộp 10 cái	Cái	50	750.000	37.500.000
397	2	PP2300057535	4	Kim sinh thiết, cỡ 12 → 20G, dài 10 → 20cm	Kim sinh thiết PadumNoodle	SEMICUT COAX/ PDOPPOXY	M.D.L.Sd	Ý	M.D.L.Sd	Ý	220000001/PCBB-DL	Hộp 10 cái	Cái	1.200	500.000	600.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tđ)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tđ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký tư hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
398	3	PP2300057538	6	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 13mm	Kim Châm cứu (Sterile Acupuncture needles) 0.30 x 13mm	Sterile Acupuncture needles	Wujiang	Trung Quốc	Wujiang	Trung Quốc	220000003/PCBB-DL	Hộp 100 cái	Cái	24.000	300	7.200.000
399	4	PP2300057539	6	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 25mm	Kim Châm cứu (Sterile Acupuncture needles) 0.30 x 25mm	Sterile Acupuncture needles	Wujiang	Trung Quốc	Wujiang	Trung Quốc	220000003/PCBB-DL	Hộp 100 cái	Cái	253.000	300	75.900.000
400	5	PP2300057540	6	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 40mm	Kim Châm cứu (Sterile Acupuncture needles) 0.30 x 40mm	Sterile Acupuncture needles	Wujiang	Trung Quốc	Wujiang	Trung Quốc	220000003/PCBB-DL	Hộp 100 cái	Cái	91.000	300	27.300.000
401	6	PP2300057541	6	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 75mm	Kim Châm cứu (Sterile Acupuncture needles) 0.30 x 75mm	Sterile Acupuncture needles	Wujiang	Trung Quốc	Wujiang	Trung Quốc	220000003/PCBB-DL	Hộp 100 cái	Cái	31.500	300	9.450.000
402	7	PP2300057542	6	Kim châm cứu, cỡ 0.18 x 15mm	Kim Châm cứu (Sterile Acupuncture needles) 0.18 x 15mm	Sterile Acupuncture needles	Wujiang	Trung Quốc	Wujiang	Trung Quốc	220000003/PCBB-DL	Hộp 100 cái	Cái	31.000	380	11.780.000
403	8	PP2300057842	6	Kim dây chỉ 0.3 x 33mm	Kim dây chỉ 0.3 x 33mm	Sterile Acupuncture needles/ 3033	Wujiang	Trung Quốc	Wujiang	Trung Quốc	220000003/PCBB-DL	Hộp 100 cái	Cái	30.000	450	13.500.000
Tổng cộng:		8 sản phẩm													Giá trị:	782.630.000

63. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giải Pháp Việt (Mã định danh: vn0106255872)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (tđ)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (tđ)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký tư hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
404	1	PP2300057658	6	Quả lọc hấp phụ dùng điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Acid mật	Quả lọc hấp phụ một lần BS330	BS330	Jaftron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Jaftron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	-	Hộp 1 Quả	quả	5	24.675.000	123.375.000
405	2	PP2300057659	6	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 20-200kDa	Quả lọc hấp phụ một lần HA330-II	HA330-II	Jaftron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Jaftron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	-	Hộp 1 Quả	Quả	5	13.500.000	67.500.000
406	3	PP2300057660	6	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 03-30kDa	Quả lọc hấp phụ một lần HA130	HA130	Jaftron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Jaftron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	-	Hộp 1 Cái	cái	100	2.579.000	257.900.000
407	4	PP2300057661	6	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 15-100kDa	Quả lọc hấp phụ một lần HA280	HA280	Jaftron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Jaftron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	-	Hộp 1 Cái	cái	30	10.500.000	315.000.000

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
408	5	PP2300057662	6	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 10 - 60kDa	Quả lọc hấp phụ một lần HA330	HA330	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	Jafron Biomedical Co., Ltd	Trung Quốc	-	Hộp 1 Quả	Quả	10	11.999.400	119.994.000
Tổng cộng:		5 sản phẩm													Giá trị:	883.769.000

64. Tên nhà thầu Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn (Mã định danh: vn0302634813)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
409	1	PP2300057499	4	Kim lấy mẫu chân không độc trong cỡ 22G	BD Vacutainer® Flashback Blood Collection Needle	301747	Becton Dickinson Medical (S) Pte Ltd.	Singapore	Becton, Dickinson and Company	Mỹ	220000372/PCBB-BYT	50 cái/hộp 1000 cái/thùng	Cái	450.000	4.500	2.025.000.000
Tổng cộng:		1 sản phẩm													Giá trị:	2.025.000.000

65. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thương mại Thiết bị y tế An Pha (Mã định danh: vn0308613665)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
410	1	PP2300057669	1	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8 m², hệ số siêu lọc 64 ml/giờ/mmHg	Quả lọc máu FX CorDiax 80	F00001591	Fresenius Medical Care Deutschland GmbH St. Wendel Plant / Fresenius Medical Care SMAD	Đức/ Pháp	Fresenius Medical Care AG & Co.KGaA	Đức	-	24 quả/ thùng	Quả	7.500	495.000	3.712.500.000
411	2	PP2300057670	1	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.6 m², hệ số siêu lọc 16 ml/h/mmHg	Quả lọc máu Hemoflow F7 HPS	5007071	Fresenius Medical Care Deutschland GmbH St. Wendel Plant	Đức	Fresenius Medical Care AG & Co.KGaA	Đức	-	12 quả/ thùng	Quả	500	360.150	180.075.000
412	3	PP2300057671	1	Quả lọc thận nhân tạo siêu tinh khiết	Quả lọc dịch DIASAFE®plus	5008201	Fresenius Medical Care Deutschland GmbH St. Wendel Plant	Đức	Fresenius Medical Care AG & Co.KGaA	Đức	-	10 Quả/ thùng	Quả	120	2.499.000	299.880.000
413	4	PP2300057678	1	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.8 m², hệ số siêu lọc 14ml/h/mmHg	Quả lọc máu FX 10	5004741	Fresenius Medical Care SMAD/ Fresenius Medical Care Deutschland GmbH St. Wendel Plant	Đức/ Pháp	Fresenius Medical Care AG & Co.KGaA	Đức	-	20 quả/ thùng	Quả	500	350.700	175.350.000

10020

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
414	5	PP2300057750	3	Bột khô dùng trong chạy thận nhân tạo thành phần Natri hydrogenocarbonate	Bột khô Bicarbonat Bibag 5008 900g	5060801	Fresenius Medical Care SMAD	Pháp	Fresenius Medical Care AG & Co.KGaA	Đức	-	12 túi/ thùng	Túi	6.000	168.000	1.008.000.000
Tổng cộng:		5 sản phẩm													Giá trị:	5.375.805.000

66. Tên nhà thầu Công ty TNHH Thiết bị y tế Đức Lộc (Mã định danh: vn0309545168)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
415	1	PP2300057399	5	Gạc phẫu thuật, cân quang, cỡ 10 x 10 cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8lớp, cân quang tiệt trùng	Cân quang, tiệt trùng	Công ty TNHH Thiết bị Y tế Damedco	Việt Nam	Công ty TNHH Thiết bị Y tế Damedco	Việt Nam	170000001/PCBA-ĐNa	10 Miếng/Gói	Miếng	700.000	565	395.500.000
Tổng cộng:		1 sản phẩm													Giá trị:	395.500.000

67. Tên nhà thầu Công ty TNHH Y tế Q.T (Mã định danh: vn0312739702)

STT	STT theo nhà thầu	Mã phần (lô)	Phân nhóm theo Thông tư số 14	Tên phần (lô)	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
416	1	PP2300057565	5	Ống cho ăn, bằng 100% silicone, cỡ từ 12→ 20Fr	Ống silicone nuôi ăn đường mũi - dạ dày, có phễu và nắp (đầu tip đóng)	8000015275 8000015276 8000015277 8000015278 8000015279	Vietnam Create Medic Co., Ltd	Việt Nam	Vietnam Create Medic Co., Ltd	Việt Nam	2100141DKLH/BYT-TB-CT	10 cái/hộp	cái	1.000	150.000	150.000.000
417	2	PP2300057602	6	Ống thông cảm máu bằng silicone 16-18Fr, dài tối thiểu 85cm	Ống Silicone cảm máu thực quản - dạ dày	8800000093 8800000094	Dalian Create Medical Products Co., Ltd	Trung Quốc	Create Medic Co., Ltd	Nhật Bản	220000003/PCBB-ĐN	02 cái/hộp	cái	20	2.800.000	56.000.000
418	3	PP2300057605	5	Ống thông tiểu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 12 → 26Fr	Ống thông tiểu Silicone tiệt trùng 2 nhánh	8000013926 8000013927 8000013928 8000013929 8000013930 8000013931 8000013932 8000013933	Vietnam Create Medic Co., Ltd	Việt Nam	Vietnam Create Medic Co., Ltd	Việt Nam	2100275DKLH/BYT-TB-CT	10 cái/hộp	cái	1.000	160.000	160.000.000
419	4	PP2300057606	5	Ống thông tiểu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 6→10Fr	Ống thông tiểu Silicone tiệt trùng 2 nhánh	8000013919 8000013920 8000013921	Vietnam Create Medic Co., Ltd	Việt Nam	Vietnam Create Medic Co., Ltd	Việt Nam	2100275DKLH/BYT-TB-CT	10 cái/hộp	Cái	400	190.000	76.000.000
Tổng cộng:		4 sản phẩm													Giá trị:	442.000.000

Handwritten signature/initials

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC KHÔNG CÓ SẢN PHẨM DỰ THẦU
HOẶC SẢN PHẨM DỰ THẦU KHÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA E-HSMT**
(Đính kèm Quyết định số 2233 /QĐ-BVĐHYD ngày 10 tháng 7 năm 2023)

STT	Mã phần (t)	Tên phần t	Mô tả hàng hóa	Phần nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính tổng phần (VND)	Lý do
1	PP2300057368	Băng bột bó bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, cỡ 13 cm x 3,6m (±10%)	Băng bột bó dùng trong bó bột cố định vùng chi dưới, tăng cường bền ngoài trong các trường hợp bó bột thoát cao bị bột - Chất liệu: sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt - Kích cỡ: 13cm x 3,6m (±10%) - Thời gian khô tối đa 3 phút - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cuộn	100	14.900.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
2	PP2300057379	Băng dính có oxy kẽm	Băng dính cố định, có gắn dùng băng ép - Chất liệu: vải cotton 100%, phủ keo có oxy kẽm không dùng dung môi, trong suốt khối phủ 100-130g/m² - Số sợi/10cm: 140 ± 7 g/m² - Lực dính 3-9 N/cm - Độ co giãn tối thiểu 90% - Kích thước: rộng khoảng 10cm ± 2mm, chiều dài khoảng 4,5m - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cuộn	1.500	217.500.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
3	PP2300057391	Băng dính, dạng giấy, 2,5cm x 5m (±0,5%)	Băng dính dạng giấy - Chất liệu: 100% sợi viscose nền không dán dệt, mềm mại, phủ keo acrylic, hàm lượng keo phủ 50-70 g/m² - Lực dính 0,5-4,0 N/cm - Kích thước: 2,5cm x 5m (±0,5%) - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cuộn	12.000	198.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
4	PP2300057418	Gạc Hydrocolloid, 10 x 10cm, dày 0,8 ± 0,05mm	Gạc Hydrocolloid - Chất liệu: Hydrocolloid dày 0,8 ± 0,05mm, có màng film polyurethane bên thêm phủ ngoài - Kích thước: 10 x 10cm (±0,5%) - Đặc tính: không dính, không thấm nước - Tốc độ thoát hơi ẩm: tối thiểu 170 g/m²/ngày - Khả năng hấp thụ dịch: tối thiểu 3,5 g/m²/ngày - Thời gian lưu băng: có thể lưu đến 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Miếng	20	1.032.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
5	PP2300057420	Gạc hydrocolloid, 10 x 10cm, dày 2mm ± 0,2mm	Gạc hydrocolloid dùng chăm sóc vết thương - Cấu tạo từ hydrocolloid, lớp xốp Polyurethane dày 2mm, mặt sau là màng film polyurethane bên thêm phủ - Kích thước: 10 x 10cm (±0,5%), dày 2mm ± 0,2mm - Đặc tính: tự dính, không thấm nước - Tốc độ thoát hơi ẩm: tối thiểu 390 g/m²/ngày - Khả năng hấp thụ dịch: tối thiểu 3,0 g/m²/ngày - Thời gian lưu băng: 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Miếng	20	1.400.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
6	PP2300057427	Gạc xốp (foam) tự dính, cỡ 10 x 10cm (±0,5), dày 5-6mm	Gạc xốp (foam) tự dính, cấu tạo gồm 1 miếng xốp polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bên thêm phủ ngoài, lớp dính được bọc bởi 1 màng film. - Kích thước: 10 x 10cm (±0,5), dày 5-6mm - Tốc độ thoát hơi ẩm: khoảng 7,5 → 8,5 g/m²/ngày - Khả năng hấp thụ dịch: tối thiểu 3,5 → 6,5 g/m²/ngày - Thời gian lưu băng: có thể lưu tới 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Miếng	20	1.432.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
7	PP2300057439	Gạc xốp (foam) 13 x 17cm, miếng film phủ ngoài, cỡ 19 x 22cm (±0,5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cẳng tay - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 13 x 17cm, trong lớp keo trong Acrylic < 13%, lớp vải không dệt 3 - 13%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài bằng, bên thêm, khoảng 5 - 10%, kích thước 19 x 22cm (±0,5) - Đặc tính: hình bán cầu, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 37nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Miếng	3.000	830.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
8	PP2300057431	Gạc xốp (foam) chứa bạc, cỡ 10 x 10cm (±0,5)	Gạc xốp (foam) chứa bạc, không dính - Chất liệu: sợi alginate ưa nước có nguồn gốc từ rong biển. - Kích thước: 10 x 10cm (±0,5) - Đặc tính: không dính, miếng gạc hấp thụ nhanh lượng lớn dịch tiết và chuyển thành lớp gel mềm, cung cấp môi trường lành tính vết thương với độ ẩm tối ưu. - Khả năng hấp thụ dịch: tối thiểu 0,7g/cm² trong 24 giờ - Thời gian lưu băng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Miếng	20	1.230.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
9	PP2300057432	Gạc xốp (foam), 10 x 20cm (±0,5)	Gạc xốp (foam), không dính - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bên thêm phủ ngoài - Kích thước: 10 x 20cm (±0,5), dày 5-6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm 7,8 - 8,0 g/m²/ngày, hấp thụ dịch 5,6 - 6,0 g/m²/ngày - Thời gian lưu băng có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Miếng	3	315.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
10	PP2300057433	Gạc xốp (foam), 13 x 10cm (±0,5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tại vùng gót chân, khuỷu tay - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao, không dính và lớp film polyurethane bên thêm phủ ngoài. - Kích thước: 13 x 10cm (±0,5), dày 7-8mm - Đặc tính: không dính, hình mũ chụp, thấm hút cao - Thời gian lưu băng có thể lưu đến 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Miếng	10	3.180.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
11	PP2300057436	Gạc xốp (foam), cỡ 10x10cm (±0,5)	Gạc xốp (foam) dùng trong băng vết thương tiết dịch từ trung bình đến nhiều - Chất liệu: 1 lớp Polyurethane, 1 lớp foam bọt biển - Kích thước: 10 x 10cm (±0,5) - Khả năng thấm hút và giữ dịch ≥ 199g/100cm² - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Miếng	500	30.030.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
12	PP2300057437	Gạc xốp (foam), tự dính, 15 x 15cm (±0,5)	Gạc xốp (foam), tự dính - Chất liệu: miếng xốp polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bên thêm phủ ngoài, lớp dính được bọc bởi 1 màng film. - Kích thước: 15 x 15cm (±0,5), dày 5mm - Đặc tính: có độ thấm hút cao, có khả năng tự bám dính vào bề mặt vết thương - Tốc độ thoát hơi ẩm 7,8 - 8,0 g/m²/ngày, hấp thụ dịch 5,6 - 6,0 g/m²/ngày - Thời gian lưu băng có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Miếng	5	840.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu

STT	Mã phần (t)	Tên phần t	Mô tả hàng hóa	Phần chính	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước (tính tổng phần (VND)	Lý do
13	PP2300057454	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp, (10-15) x (7-10) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp - Kích thước miếng xốp: (10-15) x (7-10) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Bộ	30	34.290.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
14	PP2300057455	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp, (16 - 20) x (12-15) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp - Kích thước miếng xốp: (16 - 20) x (12-15) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Bộ	50	63.190.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
15	PP2300057456	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp, (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp - Kích thước miếng xốp: (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Bộ	20	29.240.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
16	PP2300057457	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 10 x 8 x 3cm(± 0,5%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: 10 x 8 x 3cm (± 0,5%) - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoét ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 1 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Bộ	80	152.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
17	PP2300057458	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 20 x 13 x 3cm (± 0,5%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: 20 x 13 x 3cm (± 0,5%) - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoét ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 2 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Bộ	180	414.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
18	PP2300057459	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, (20-25) x (15-20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: (20-25) x (15-20) x 3cm - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoét ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 3 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Bộ	50	125.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
19	PP2300057484	Bơm tiêm dầu thẳng, không kim, 10ml	Bơm tiêm dầu thẳng, không kim, 10ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa piston bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 1,4 ± 0,1mm - Đầu thẳng, tương thích với các đầu kim tiêm - Piston: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chốt ấn khoảng 1,8 ± 0,1mm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	220.000	531.300.000	Danh mục không có nhà thầu đạt tài chính: vượt giá kế hoạch, đảm bảo không thành công
20	PP2300057486	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 3ml	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, thể tích 3ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa piston bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: 0,9 ± 0,01mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Piston: đầu piston bằng polyisoprene, thân piston bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn, đường kính của chốt ấn khoảng 1,3 - 1,6mm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	13.000	21.320.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
21	PP2300057490	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 3ml	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 3ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa piston bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: 11,5 ± 0,03mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Piston: đầu piston bằng polyisoprene, thân piston bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn, đường kính của chốt ấn khoảng 1,3 - 1,6mm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	50.000	92.500.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
22	PP2300057492	Bơm tiêm cân tử, cỡ 65/115ml	Bơm tiêm cân tử dùng cho máy bơm tiêm điện tương thích với môi trường MRI, bộ bao gồm: - Hai bơm tiêm thể tích 65ml và 115ml + Chất liệu: Pilon (polycarbonate), đầu cao su (polyisoprene), thân ống bơm (polyethylene terephthalate và polycarbonate) + Đường kính trong: 2,7 ± 0,1cm, 3,6 ± 0,1cm + Vạch chia trên thân ống tiêm rõ - Đầu bơm tiêm: kết nối Luer lock - Dây nối chữ T: + Chất liệu: polypropylene, polycarbonate, PVC, silicone. + Hai đầu kết nối female và một đầu luer lock. + Chiều dài: khoảng 130 - 250cm - Hai đầu lấy thuốc: chất liệu nhựa ABS - Ống bơm và dây nối chữ T: chịu áp lực khoảng 350psi. - Tiệt khuẩn - Tương thích máy Medrad Spectris Solaris EP của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	cái	500	200.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật

STT	Mã phần (08)	Tên phần 10	Mô tả hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính tổng phần (VND)	Lý do
23	PP2300057493	Bơm tiêm truyền áp lực, dẫn hồi, tự động, cỡ 100ml	- Bơm tiêm truyền áp lực, dẫn hồi, tự động, cỡ 100ml - Chất liệu: + Vỏ làm bằng nhựa PP + Bơm chứa thuốc làm bằng polyisoprene, 3 lớp, không latex + Dây truyền làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP - Kích thước: + Chiều dài vỏ (không tính công bơm thuốc) khoảng 160 → 182mm, OD của vỏ khoảng 42 → 43mm + Chiều dài dây truyền khoảng 970 → 972mm, ID của dây khoảng 0.9 ± 0.1mm, OD của dây khoảng 2.5 → 3.0 mm - Cấu tạo: + Vỏ cứng không ảnh hưởng tốc độ dòng chảy khi người bệnh đè cần + Thể tích tồn dư < 1ml + Tốc độ truyền khoảng 0.3 đến 3 ml/h + Trọng lượng bơm khoảng: 49 ± 0.3g + Bộ lọc khí và lọc hạt 0.2µm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Bộ	600	420.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
24	PP2300057495	Bơm tiêm Insulin, kim 31G	- Bơm tiêm Insulin 31G - Bơm tiêm bằng Polypropylen trong suốt, không chứa latex, không chứa DEHP, vạch chia từng đơn vị đếm và rõ nét, pit tổng di chuyển dễ dàng - Kim bằng thép không gỉ, 3 mặt vát, cỡ 31G, đầu phủ silicone, chiều dài 6mm, 8mm, đường kính lòng kim lớn 0.23mm - Thể tích: 0.5/100UI và 1ml/100UI - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	1	Cái	5.000	16.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
25	PP2300057496	Bơm tiêm liên kim 27G	- Bơm tiêm liên kim 27G dùng để tiêm ngắn hạn (BCG) - Chất liệu: bằng Polypropylene, không chứa latex, lồng bơm tiêm có gờ chặn pit (ống, thân bơm tiêm có vạch chia thể tích rõ, thể tích tối đa 0.5ml) - Kim bằng thép không gỉ, đầu vát, kim bén. Kích cỡ 27G, đường kính 0.4mm, dài 10mm - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Cái	7.000	28.663.000	Danh mục không có nhà thầu đạt tối thiểu: vượt giá kế hoạch, đảm bảo không thành công
26	PP2300057497	Bơm tiêm cân quang, cỡ 190ml	- Bơm tiêm cân quang cho thao máy bơm tiêm điện, bộ bao gồm: - 01 ống bơm thể tích 190ml + Chất liệu: Piston bằng makrolon, đầu cao su bằng santoprene TPV, + Đường kính trong khoảng 4.5 → 5.0cm + Chiều dài: khoảng 18.5 → 19.0cm - Đầu bơm tiêm: kết nối (luer lock) - 1 ống lấy thuốc nhanh cỡ 1, chất liệu bằng polyethylene - Bơm tiêm và dây nối chịu áp lực khoảng 300psi - Có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được nạp thuốc - Tương thích với máy bơm tiêm điện CT (maxxon Salicet (hai hãng) của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO	3	Bộ	720	237.600.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
27	PP2300057507	Kim luồn mạch máu an toàn, van chống trào ngược, thời gian lưu đến 7 ngày, các cỡ	- Kim luồn mạch máu an toàn, van chống trào ngược, thời gian lưu đến 7 ngày, các cỡ - Chất liệu sinh học polyurethan viton hoặc tương đương, có > 4 đường ngầm cân quang, di động mềm mại theo mạch máu không tổn thương thành mạch - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén - Có van chống trào ngược, cơ chế tạo hiệu kim đã vào đúng mạch, có nút bấm tải kim an toàn sau khi tiêm. - Chứa catheter bằng Polypropylene và Polycarbonate, tương thích với hệ thống dây truyền - Kích cỡ: 18G (đường kính trong 0.9mm, đường kính ngoài 1.3mm; chiều dài 2.9 cm), 20G (đường kính trong 0.8mm, đường kính ngoài 1.1mm; chiều dài 2.5 - 3.0cm), 22G (đường kính trong 0.6cm, đường kính ngoài 0.9mm; chiều dài 2.5cm), 24G (đường kính trong 0.5mm, đường kính ngoài 0.7mm; chiều dài 1.9cm) - Tốc độ dòng chảy tối đa: 20 - 95ml/giây - Áp lực tối đa ≥ 250psi - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	200.000	6.600.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
28	PP2300057510	Kim chọc dò ổ, cỡ 21G	- Kim chọc dò ổ để lấy mẫu nước ổ - Kim 21G, dài 90 - 150 mm - Mũi kim trên thân có khắc xoắn ốc giúp nhìn rõ ràng dưới hướng dẫn siêu âm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Cái	140	59.388.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
29	PP2300057512	Kim chọc động tĩnh mạch, 18G, dài 70mm	- Kim chọc động tĩnh mạch - Chất liệu thép không gỉ, thon mượt - Đường kính 1.3mm, dài 70mm, 18G - Tương thích dây dẫn 0.035 inch - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	1.600	53.760.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
30	PP2300057515	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng Polyurethan, cỡ 7Fr, dài 15cm	- Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường - Chất liệu bằng polyurethan - Kích cỡ 7Fr, dài 15cm (dòng chảy 327/8ml/phút) - Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang ngầm trên vách giúp dễ phát hiện bằng X quang. - Dây dẫn đầu 1 dài 50cm bằng kim loại trình làm tổn thương thành mạch - Kim dẫn đường thẳng - Có dao mổ - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	600	317.898.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
31	PP2300057518	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 4/5Fr dài 1/13cm	- Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường trở em 4Fr cỡ nóng 20, 22G, 5Fr cỡ nóng 18, 20G - Catheter polyurethane có cân quang, dây dẫn làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gây gập - Catheter 4Fr, 5Fr chiều dài 8cm/13cm, dây dẫn 0.018" x 45cm, cây nóng 5Fr, 6Fr chiều dài 6cm, bơm tiêm có lỗ luồn guidewire, kim thẳng 21G x 4cm - Tốc độ dòng 4Fr (9-30ml/ph); 5Fr (15-45ml/ph) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Bộ	40	19.992.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
32	PP2300057519	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 9Fr, dài 10 ± 01cm	- Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường - Catheter bằng polyurethane cân quang, dây dẫn bằng thép không gỉ phủ Polytetrafluorethylen (PTFE) - Cỡ 9Fr, dài khoảng 10 ± 01cm - Dây dẫn lỗ xo 0.035", dài 45cm có đầu thẳng, đầu cong chữ J - Di kim: 1 kim dẫn 18G, dài khoảng 6.3-6.5cm, 1 đầu do áp lực, 1 bơm tiêm 5ml, 1 cây nóng, 1 catheter bảo vệ chống nhiễm khuẩn dài khoảng 80 ± 02cm có đầu nối Tuohy-Borst, bằng dẫn tiệt khuẩn, 1 nóng trong 8Fr, 1 nẹp dây không tắc 1 nẹp có lỗ, 1 nẹp dụng kim, 1 khóa 4 ngã tốc độ cao, 3 miếng gạc 4x4". Có đường dẫn để đặt catheter đo cung lượng tim liên tục CCO - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	20	48.300.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
33	PP2300057524	Catheter tĩnh mạch trung tâm phổ thuốc 4 đường	- Catheter tĩnh mạch trung tâm phổ thuốc 4 đường, dài 20cm - Chất liệu bằng Polyurethane, phủ thuốc kháng khuẩn AGB - Catheter có đường kính ngoài 8.5Fr, nóng xa (16G), nóng gần 1 (14G), nóng giữa 2 (18G), nóng gần (18G) - Dây kim loại dẫn đường lỗ xo, mềm dẻo, trình vặn xoắn - Đường kính 0.80-0.82mm, chiều dài khoảng 42 - 47cm, có đầu thẳng, đầu cong chữ J, định vị bằng BCG - Kim dẫn đường thẳng, 18G, dài 6.30 - 6.35cm - Bơm tiêm 5ml, cây nóng 9Fr, đường kính 3.0mm dài 10.00 - 10.02cm - Nắp dây không lỗ, kẹp Catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	50	71.500.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật

100/2

STT	Mã phần (IS)	Tên phần IS	Mô tả hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước (tính tổng phần (VND))	Lý do
34	PP2300057530	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 16G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Kim bằng thép không gỉ, 3 mặt vát, phủ silicone, cỡ 16G, đường kính 1,5 ± 0,5mm, dài 25 → 30mm - Dây bằng Polyvinylchloride, không Pyrogenic, không Latex dài 30 → 35cm, đường kính trong 3,5 ± 0,5mm - Lưu lượng trung bình 277ml/phút - Có đầu bảo vệ an toàn nằm sâu bên trong, có âm báo kích hoạt an toàn, thành kim siêu mỏng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	2.000	13.860.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
35	PP2300057532	Kim sinh thiết điều trị khối u và đường 1 lần	Kim sinh thiết điều trị khối u và sử dụng 1 lần cho máy sinh thiết chân không và - Kim bằng thép không gỉ, mặt vát, chất liệu bên trong và vỏ ngoài kim: ABS, PC và Silicon - Kích thước kim 10G, đường kính bên ngoài: khoảng 3,9 ± 0,5mm; đường kính bên trong: khoảng 2,7 ± 0,5mm - Đường kính bên ngoài ống dẫn khí khoảng 1,6 ± 0,5mm đường kính bên trong ống dẫn khí khoảng 1,3 ± 0,5mm - Chiều dài kim khoảng 369,5 ± 0,5mm - Chiều dài mũi kim khoảng 109,0 ± 0,5mm - Tiệt khuẩn	6	Cái	100	800.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
36	PP2300057543	Bộ chứa thuốc cho bơm tiêm kiểm soát đau	Bộ chứa thuốc cho bơm tiêm kiểm soát đau kèm kẹp, bộ kết nối và nút khóa - Túi thuốc bên trong được tiệt khuẩn và làm bằng nhựa PVC dẻo với DEHP - Cấu tạo 2 lớp: + Lớp ngoài: 860 x 780 x 270mm + Thể tích bên trong 100ml - Dây truyền dịch ở phía trên bộ chứa, dài 20cm bao gồm cả kết nối cái - Khôn ở phía trên bộ chứa chống rò rỉ khí và chất lỏng - Tương thích máy CADD PCA pump hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Bộ	200	130.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
37	PP2300057548	Dây truyền máu đầu xoắn	Dây truyền máu đầu xoắn - Chất liệu: Polyamide, không chứa DEHP - Chiều dài: khoảng 180cm, đường kính trong khoảng 3mm, đường kính ngoài khoảng 4mm - Đầu xoắn giọt: gồm 2 ngăn cứng và mềm, trong suốt, diện tích màng lọc 11cm², kích thước mắt lưới màng lọc 200µ, đầu lấy máu mũi từ, trong suốt, có nắp bảo vệ - Đầu nối male, kiểu xoắn vặn, tương thích với đầu nối catheter hoặc dây nối. - Kháng lực khoảng 2 bar hoặc tương đương, nắp bảo vệ có màng lọc nước, vi khuẩn ngăn rò rỉ máu khi đứt kết nối - Có bộ phận điều chỉnh giọt, có chức năng đếm giọt tự động - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Bộ	4.000	92.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
38	PP2300057552	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 25 - 27 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Polyamide, không chứa DEHP - Dây nối dài khoảng 25 - 27 cm, thể tích mỗi 2 ± 0,03ml, 1 đầu male đang xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Kháng lực khoảng 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không ngắt gây, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, như dịch bào - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	4	Cái	90.000	1.899.450.000	Danh mục không có nhà thầu đạt tại chính: vượt giá kế hoạch, đảm bảo không thành công
39	PP2300057561	Găng tay tiệt khuẩn sử dụng hút dấm	Găng tay tiệt khuẩn sử dụng hút dấm - Chất liệu: 100% cao su tự nhiên, có phủ bột chống dính, màu trắng đến vàng nhạt - Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dạng bàn tay của người sử dụng, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: 6,5 - 7,0 (chiều rộng từ 83 ± 5mm đến 95 ± 5mm, chiều dài khoảng 450 → 500mm) - Độ dày ngón tay, lòng bàn tay, cổ tay: tối thiểu 0,15mm - Đặc tính: lực kéo đứt trước khi già hóa nhanh tối thiểu 9 - 12,5N, độ giãn dài trước khi già hóa nhanh tối thiểu 600 - 700% (theo TCVN 6344:2007) - Tiệt khuẩn, đóng gói từng đôi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	6	Cái	150.000	172.500.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
40	PP2300057564	Dây cho ăn dùng cho các loại sập có độ nhô cao	Dây cho ăn dùng cho các loại sập có độ nhô cao (nắp sệt) - Chất liệu: * Kim, khớp, đầu kết nối sonde bằng nhựa Acrylonitrile butadiene styrene * Bù dẫn giọt, dây dẫn bằng nhựa - Kích thước: 120cm x (4,5-5,0)mm x 3,5mm - Tiệt khuẩn - Có kim cắm vào nút cao su. Dùng để truyền cho tất cả các loại chai có miệng chai đẩy nút cao su và miệng tại bằng nút nhôm - Tiêu chuẩn: ISO	Không phân nhóm	Cái	95.000	817.950.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
41	PP2300057566	Ống cho ăn, bằng polyurethane	Ống cho ăn, thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu bằng Polyurethane trong suốt, phủ đầu silicone, bề mặt trơn nhẵn, kháng nước - Kích cỡ: 15Fr (đường kính trong 3,5mm), chiều dài khoảng 100 - 120cm - Tiến thân ống có vạch chia, khoảng cách lõi (thừa giữa các vạch 1cm, mỗi 5cm có đánh dấu, có tối thiểu 1 đường cân quang, có dây dẫn đường dạng xoắn ốc gấp đặt ống dễ dàng, đầu xa có 2 lỗ - Có cổng nối thấp ở nơi chèn Y, cổng nối khóa luer, tương thích với đầu nối của hệ thống dây cho ăn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	3.200	497.280.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
42	PP2300057575	Cân chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 600ml	Cân chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: bằng Polycarbonate - Dung tích: khoảng 600ml - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	80	37.040.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
43	PP2300057576	Cân chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 750ml	Cân chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: nhựa trong suốt - Dung tích: khoảng 750ml - Cấu tạo: trên bình có thước đo thể tích, bên trong có bọc thấm dịch bên trong, có màng lọc vi khuẩn - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	180	324.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
44	PP2300057583	Túi đựng mẫu bệnh phẩm	Túi đựng mẫu bệnh phẩm bằng Polyetylen màu trắng, có dây nhện và miệng túi có dây cột - Kích cỡ: 9 x 17cm, 12 x 17cm, 17 x 27cm - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: TCOS	3	Cái	5.000	21.525.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
45	PP2300057584	Lọ lấy dấm tiệt khuẩn, các cỡ	Lọ lấy dấm dấm trong phổ quản - Lọ chứa dấm bằng PVC, có vạch đo, thể tích chứa từ 20 - 25ml - Nắp dây bằng nhựa, trên nắp có 2 dây hút bằng nhựa PVC mềm trong: 1 dây hút dấm, có 2 lỗ hút và 1 dây nối có van kiểm soát - Kích cỡ dây hút dấm 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr - Chiều dài dây hút dấm dài khoảng 45 → 57cm, chiều dài dây nối ≥ 45cm - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	7.000	88.200.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
46	PP2300057585	Túi hũu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, có khóa cuốn	Túi hũu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, có khóa cuốn - Bề mặt túi bằng hydrocolloid, đường kính vòng cắt tối thiểu 15mm, tối đa 60mm - Chiều dài túi khoảng 30 → 35cm - Miệng xả túi rộng khoảng 6 → 8cm - Dung tích chứa tối thiểu 550ml - Có khóa cuốn, bộ lọc khí chống nước, không kích ứng da - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	3	Cái	1.000	57.099.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật

STT	Mã phần (t)	Tên phần t	Mô tả hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Lý do
47	PP2300057591	Ống nội khí quản có bóng chèn hình oval, cỡ 5.0 → 8.5Fr	- Ống nội khí quản có bóng chèn hình oval - Kích cỡ: số 5.0 → 8.5Fr - Đặc tính kỹ thuật: Ống bằng PVC không chứa latex có độ nhạy cảm nhiệt cao phù hợp với đường cong khí quản; đầu ống bo tròn lại (hình mũi tên), có dây cân quang, bóng chèn hình oval có thể tích lớn, áp lực bóng chèn thấp < 27cm H2O - Kích cỡ ống trong và ngoài, đường kính bóng chèn và chiều dài ống nội khí quản (mm): 5/6.8/16/24/1; 5.5/7.5/19/27/1; 6/8/22/28/1; 6.5/8.5/24/29/1; 7/9.5/26/31/3; 7.5/10.2/27/32/4; 8/10.9/28/33/0; 8.5/11.5/28/33/0 - Đóng gói tiện khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	5.000	290.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
48	PP2300057593	Ống nội khí quản công miệng có bóng chèn bằng Polyvinylchlorua, cỡ 4.0 → 7.5Fr	- Ống nội khí quản công miệng có bóng chèn - Chất liệu bằng Polyvinylchlorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 4.0 → 7.5Fr - Ống có 2 vạch cân quang để đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc thân giúp định ống dễ dàng. Đầu ống kéo dài bo tròn tránh chọc thủng niêm mạc, thân ống cong hình chữ U. - Bóng chèn có thể tích lớn, áp lực bóng chèn thấp < 27cm H2O - Tiện khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Bộ	1.500	110.250.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
49	PP2300057594	Ống nội khí quản công miệng có bóng kèm lỗ hút dịch cỡ 6 → 8Fr	- Ống nội khí quản công miệng, có bóng chèn hình nón và dây hút nằm ngay dưới thanh môn ngăn nguy cơ hít sặc - Chất liệu bằng Polyvinylchlorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 6 → 8Fr, dài 308 → 375mm, đường kính trong ống 6 - 9mm - Thân trơn, đường cân quang. Đầu ống tù an toàn tránh tổn thương niêm mạc khi đặt ống. - Bóng chèn có thể tích lớn, áp lực thấp < 27cm H2O. - Lỗ hút sát bóng chèn giúp hút tối đa dịch đọng trên bóng - Tiện khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	600	240.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
50	PP2300057595	Ống nội khí quản công miệng không bóng chèn, cỡ 3.0 → 5.0Fr	- Ống nội khí quản công miệng không bóng chèn - Chất liệu bằng Polyvinylchlorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 3.0 - 5.0Fr - Ống mềm dẻo, có 2 vạch cân quang để đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc ống giúp đặt ống dễ dàng. Đầu ống kéo dài bo tròn tránh tổn thương niêm mạc, thân ống cong hình chữ U. - Tiện khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	80	2.205.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
51	PP2300057596	Ống nội khí quản công mũi, có bóng chèn bằng Polyvinylchlorua, cỡ 3.0 → 7.0Fr	- Ống nội khí quản công mũi, có bóng chèn - Chất liệu bằng Polyvinylchlorua (PVC), cảm ứng nhiệt, không chứa Latex - Kích cỡ: số 3.0 - 7.0Fr - Ống có độ cong phù hợp với đường cong phế quản và hướng xoắn đường mũi, đầu ống được bo tròn, thân ống có chia vạch, bóng chèn thể tích lớn áp lực thấp - Tiện khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Bộ	90	8.505.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
52	PP2300057597	Ống nội khí quản không bóng chèn, cỡ 2.5 → 6.5Fr	- Ống nội khí quản không bóng chèn - Ống bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: 2.5, 3.0, 4.0, 5.0, 5.5, 6.0, 6.5 Fr - Đường kính trong từ 2.5 - 6.5 mm, đường kính ngoài từ 3.6 - 8.8mm, chiều dài ống từ 130 - 290mm - Ống có 2 vạch cân quang để đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc thân giúp định vị ống. Đầu ống vò tã và có mắt được đánh nhãn bóng - Đóng gói tiện khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Bộ	450	23.441.850	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
53	PP2300057598	Ống nội khí quản lỗ xo công mũi miệng có bóng chèn bằng Polyvinylchlorua, cỡ 2.5 → 8.5Fr	- Ống nội khí quản lỗ xo công mũi miệng có bóng chèn - Chất liệu trong suốt PVC nhạy nhiệt, phủ silicone tương thích sinh học, không chứa latex. Lỗ xo gia có làm bằng thép không gỉ chống xoắn. Hình dạng cong. - Ống có đường cân quang dày đặc, vạch chia rõ ràng, loại Murphy. - Bóng thể tích lớn áp lực thấp (< 25cmH2O) - Có nối tiêu chuẩn 15mm, trên ống gần bóng có vạch trên để lớn đánh dấu độ sâu - Kích cỡ: 2.5 → 8.5Fr, đường kính ngoài từ 4.2 → 12.3mm, cuff từ 8.0 → 27mm - Tiện khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Bộ	350	192.937.500	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
54	PP2300057604	Ống thông tiểu 1 nhánh	- Ống thông tiểu 1 nhánh - Chất liệu: cao su tự nhiên, phủ silicone, màu vàng - Kích cỡ: 6 → 24Fr, chiều dài khoảng 40cm - Tiện khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	5.800	30.328.200	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
55	PP2300057608	Ống thông tiểu 3 nhánh, cao su trắng silicon, 16 → 24Fr	- Ống thông tiểu 3 nhánh, cao su trắng silicon - Chất liệu: cao su tự nhiên, trắng silicone trong lòng ống, không chứa DEHP - Kích cỡ: 16 → 24Fr, chiều dài ≥ 40cm, đường kính ống từ 5.3 - 8.6mm, độ rộng của mắt khoảng 1.2 - 4.2mm - Đặc điểm: ống 3 nhánh, dung tích bóng 30-50ml, bộ nối ống thông nhân bóng và mềm dẻo, van bơm Luer-lock, đầu ống có 3 mắt (1 mắt tưới rửa, 2 mắt lỗ thoát dịch) - Đóng gói tiện khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	350	16.574.350	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
56	PP2300057610	Ống dẫn lưu màng phổi bằng nhựa trung tính, cỡ 16 → 36Fr	- Ống dẫn lưu dịch trong màng phổi. - Chất liệu: PVC cân quang - Cỡ 16 → 36Fr, dài 38 → 40cm, đường kính trong: 5.3 → 10.6mm, đường kính ngoài: 3.7 → 7.4mm - Đầu ống vát, có nhiều lỗ dọc thân ống - Trên thân có khắc vạch đánh dấu mỗi 2cm; thân ống vạch các tia X giúp ống có thể nhìn thấy được trên phim X Quang - Có cơ nối đi kèm - Tiện khuẩn - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	2.200	138.600.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
57	PP2300057612	Ống hút thai	- Ống hút thai bằng nhựa Polyetylen (PE) màu trắng trong, mềm dẻo, trơn láng không có cạnh bén. - Đường kính 0.4cm, 0.5cm, 0.6cm - Tiện khuẩn	5	Cái	1.700	3.927.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
58	PP2300057620	Ống hút dịch đường trong sinh thiết nội mạc tử cung	- Ống hút dịch đường trong sinh thiết nội mạc tử cung - Chất liệu: Vỏ bằng nhựa polypropylen trong suốt - Chiều dài: khoảng 23.5 - 50cm; đường kính trong khoảng 2.5mm; đường kính ngoài khoảng 3.1mm - Đặc điểm: có vạch chia mỗi 1cm, đầu tù, có lỗ nhỏ khoảng 2mm ở các cạnh sắc bên cách đầu ra khoảng 4cm. Pít tông bằng nhựa acetat mềm, di chuyển tạo chân không cho lòng ống không cần nối với nguồn hút áp lực - Tiện khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	170	35.700.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
59	PP2300057630	Catheter dòng mạch dài bằng polyurethan, dài 20cm	- Catheter dòng mạch dài - Catheter bằng polyurethan, kim chọc bằng thép không gỉ, dây dẫn đầu J - Kích thước: catheter dài 20cm, cỡ 3 → 4Fr, dây dẫn đầu J 0.3 x 450mm, kim chọc 22G x 40mm - Tiện khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Cái	40	13.440.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật

XU

STT	Mã phần (0)	Tên phần (0)	Mô tả hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính tổng phần (VND)	Lý do
60	PP2300057633	Catheter lọc máu hai nóng bằng polyurethane, cỡ 14,5Fr, dài 24→28cm	Catheter lọc máu hai nóng - Chất liệu polyurethane, 14,5Fr, dài 24→28cm - Thân thẳng và cong, tốc độ lưu thông ≥ 400ml/phút. - Bộ phận đi kèm: 1 Kim 1 Dây dẫn đường đầu chữ J 0,035"×70cm 2 Que nóng 1 Dao 1 Đường hầm 1 Van siêu âm dẫn đường 2 nút dây catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thúc phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	200	1.326.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
61	PP2300057639	Stent khí quản bằng silicone	Stent khí quản bằng silicone - Đường kính ngoài: 9 → 20mm; chiều dài: 20 → 110mm; độ dày thành stent: 1mm - Có hệ thống gai chống dịch chuyển, đầu Stent có cấu tạo vát, đảm bảo an toàn cho niêm mạc da, giúp ngăn ngừa hình thành kết cứng hoặc mô hạt. Bề mặt nhẵn, mịn không dính - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thúc phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	2	96.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
62	PP2300057640	Stent thanh quản bằng silicone	Stent thanh quản dùng trong điều trị hẹp thành một trước - Làm bằng chất liệu: Silicone, có cấu quang - Đường kính dây trước sau: 10mm, 12mm, 15mm - Đường kính dây ngang: 9mm, 10mm, 11mm, 16mm - Chiều dài stent: 33mm, 37mm, 40mm, 47mm - Tron bộ gồm: 01 stent và 02 nút khóa - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thúc phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	2	12.600.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
63	PP2300057641	Túi đặt ngực hình giọt nước bề mặt nhám, thể tích từ 270cc đến 350cc	Túi đặt ngực hình giọt nước, bề mặt nhám - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 270cc, 305cc, 350cc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thúc phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	10	101.143.350	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
64	PP2300057646	Đai đầu gối, bằng vải	Đai đầu gối cứng phòng ngừa các chấn thương đầu gối, có thể điều chỉnh áp lực - Chất liệu: vải HI-prene giúp giữ ấm, giữ ẩm, co giãn tốt. Giúp đỡ mô hồi, lưu thông máu và giảm phù nề và đau đầu, và bảo vệ da trên tru. - Rộng khoảng 81→ 102cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	6	Cái	100	59.800.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
65	PP2300057647	Đai đầu gối hỗ trợ	Đai đầu gối hỗ trợ phòng ngừa các chấn thương đầu gối - Chất liệu: Vải thun co dãn 4 chiều có độ đàn hồi và độ bền cao, chống trượt. - Kích thước: S (27 - 32cm) M (32 - 37cm) L (37-42cm) XL (42-47cm) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	6	Cái	100	33.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
66	PP2300057648	Đai khuỷu tay	Đai khuỷu tay hỗ trợ các chấn thương vùng khuỷu tay cứng - Chất liệu: vải HI-prene giúp giữ ấm, giữ ẩm, co giãn tốt. Có tấm lót bên trong cố định vùng khuỷu tay - Kích thước: cao khoảng 6 → 7cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	6	Cái	50	18.600.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
67	PP2300057649	Dụng cụ mô đường mạch máu sử dụng tái tưới máu cho người bệnh	Dụng cụ mô đường mạch máu sử dụng tái tưới máu cho người bệnh - Bằng coil kim loại - Chiều dài 7,5 → 11cm, đường kính 5 → 10Fr - Chức năng chất tự động, với công năng phân bổ bên/van cầm máu và dính kèm stopcock 3 ngã. Bề mặt của thiết bị phủ lớp áo nước và dầu tấp có đánh dấu cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu/ FDA (Cơ quan lý Thúc phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	15	13.200.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
68	PP2300057651	Dây nối chữ T đi kèm dây truyền 150cm± 0,5cm	Dây nối chữ T đi kèm dây truyền, dùng cho ống bơm tiêm cân quang 2 nóng - Chất liệu: nhựa PVC, không DEHP - Chiều dài: khoảng 150 ± 0,5cm, đường kính trong khoảng 1,5 → 1,6mm - Chịu áp lực khoảng 300psi - Trong suốt, chống xoắn, đầu nối tự lock an toàn, chống rò rỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO - Tương thích ống bơm tiêm cân quang của máy bơm tiêm điện CT Intascan Seleni (hai nóng) của Bệnh viện	3	Cái	400	46.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
69	PP2300057652	Phim X-quang tương thích máy DryPix, cỡ 26 x 36cm	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa. - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; Organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1% - Nạp phim: trong điều kiện ánh sáng phòng - Kích thước: 26 x 36cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypix	3	Cái	83.000	1.973.400.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật; vượt giá kế hoạch, dẫn phần không thành công
70	PP2300057653	Phim X-quang tương thích máy DryPix, cỡ 35 x 43cm	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa. - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; Organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1% - Nạp phim: trong điều kiện ánh sáng phòng - Kích thước: 35 x 43cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypix	3	Cái	38.000	1.364.200.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật; vượt giá kế hoạch, dẫn phần không thành công
71	PP2300057663	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0,3 m²	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn - Chất liệu Màng lọc: Polycarbonate; Vá: Polycarbonate; vật liệu lọc kín: Polyurethane; vòng chữ O: Silicone; Dây máu/bộ khí: không chứa DEHP và Latex - Diện tích bề mặt của màng lọc 0,3 m² Các bộ phận khác đi kèm: - Dây dẫn máu động mạch có các dây dẫn phụ (Heparin/ Citrate) - Dây dẫn máu tĩnh mạch kèm túi thải 2 lít - Dây dẫn dịch bỏ kèm túi thải 2 lít - Dây dẫn dịch thải - Túi dịch thải 7 lít - Có 5 màng lọc 0,2 µm để bảo vệ công áp lực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ISO	3	Bộ	5	42.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
72	PP2300057679	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux, bộ số siêu lọc 20ml/giờ/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux - Chất liệu màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP - Thông số kỹ thuật: • Diện tích: 1,3 m² • Hệ số siêu lọc 20 ± 2 (mL/giờ/mmHg) • Độ thanh thải (mL/phút) với lưu lượng máu Qb=300mL/phút và dịch Qd=500± 2mL/phút: Ure 264± 2, Creatinine: 244± 2, Phosphate: 211± 2, Vitamin B12: 134± 2. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE	1	Quả	1.000	298.200.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
73	PP2300057680	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux, bộ số siêu lọc 22ml/giờ/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux - Chất liệu màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP - Thông số kỹ thuật: • Diện tích: 1,7 m² • Hệ số siêu lọc 22 ± 2 (mL/giờ/mmHg) • Độ thanh thải (mL/phút) với lưu lượng máu Qb=300mL/phút và dịch Qd=500± 2mL/phút: Ure 270± 2, Creatinine: 251± 2, Phosphate: 221± 2, Vitamin B12: 143± 2. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE	1	Quả	1.000	304.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật

STT	Mã phần (ID)	Tên phần ID	Mô tả hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính tổng phần (VND)	Lý do
74	PP2300057683	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1,7 m ² , hệ số siêu lọc 67ml/giờ/mmHg	- Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: màng lọc làm từ sợi Polyephuron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP, quả quả lọc Polypropylene. - Diện tích: 1,7 m². - Thể tích nội: 102mL. - Hệ số siêu lọc: KUF: 67 (mL/giờ/mmHg). - Độ dày thành sợi: 40 µm. - Độ thanh thải (với Qr: 300ml/phút): - Urea: 283 ml/phút - Creatinine: 370 ml/phút - Phosphate: 255 ml/phút - Vitamin B12: 195 ml/phút - Myoglobin: 116 ml/phút - Hệ số sáng lọc - β2-Microglobulin = 1 - Inulin = 1 - Albumin = 0.0034 - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	1	Cái	500	300.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
75	PP2300057684	Dao mổ cứng mạc, 15 độ	- Dao mổ cứng mạc, tạo đường hầm 15 độ, sử dụng 1 lần - Tay cầm bằng nhựa, màu trắng, có vị trí giúp chống trượt, lưỡi dao bằng hợp kim - Kích thước: 12cm - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	bộ	1.200	88.200.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
76	PP2300057688	Băng cố định khớp xoay khớp vai sau phẫu thuật có gắn di kèm	- Băng cố định khớp xoay khớp vai từ thể dùng bán cố định khớp vai sau phẫu thuật khớp xoay khớp vai - Chất liệu: vải cotton, vải triacet, vải có lỗ thoáng khí - Cấu tạo: có gài di kèm, giúp tay đang ra từ 15-30 độ, phù hợp cho cả vai phải và vai trái - Dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ: 25-30cm, 30-35cm, >35cm (tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	5	Cái	130	26.650.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
77	PP2300057689	Băng cố định khớp vai sau phẫu thuật không có gắn di kèm	- Băng cố định khớp vai dùng cố định khớp vai sau phẫu thuật khớp xoay khớp vai, trật khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay - Chất liệu: vải cotton không dệt, có lỗ thoáng khí - Dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ: < 50cm, 50-60cm, 60-75cm, 75-85cm, 85-95cm, 95-105cm, > 105cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	5	Cái	190	32.300.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
78	PP2300057690	Đai cố chân	- Đai cố chân hỗ trợ chấn thương khớp cổ chân nhẹ nhàng, dùng trong các trường hợp viêm khớp, giãn dây chằng, các cơ - Chất liệu: Neoprene tự dính, khóa Velcro - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	5	Cái	40	1.400.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
79	PP2300057695	Đai hơi cố chân	- Đai hơi cố chân hỗ trợ sau mổ, sau mổ bắt đầu dưới hai xương cẳng chân, điều trị gãy mắt cá chân trong, ngoài, phù hợp cho cả chân trái và phải - Chất liệu: PE, PP, đệm xốp, miếng dán velcrocell và bơm hơi. - Cấu tạo: 2 miếng ốp PP có hình dáng phù hợp bên trong và bên ngoài khớp cổ chân, 2 bao hơi, PE, có đệm xốp, kết nối bằng keo dán với ốp PP, 2 đai dán velcrocell, bơm hơi 2 đầu - Kích thước: cao khoảng 25 ± 0,1cm	5	Cái	50	165.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
80	PP2300057697	Đai treo tay	- Đai treo tay sử dụng trong trường hợp tổn thương khớp vai sau tai biến mạch máu não, gãy xương, chấn thương cẳng tay, khớp vai, cánh tay hoặc khuỷu tay, hỗ trợ tay ở trạng thái nghỉ. - Chất liệu: Vải cotton. - Có khóa Velcro (băng nhám dính) để cố định đai. - Kích thước: tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay: 25-28cm, 28-31cm, 31-34cm, 34-37cm, 37-40cm, > 40cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	5	Cái	250	8.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
81	PP2300057699	Nẹp cẳng tay ôm ngón cái	- Nẹp cẳng tay ôm ngón cái - Chức năng: Nẹp dùng trong gãy ngón cái, sau phẫu thuật gãy xương thuyền, viêm gân dẹt dài dưới ngón viêm hợp bào gần gần ngón 1 tay hai bên - Chất liệu: Thanh nẹp hợp kim nhôm ôm ngón cái đến cổ tay, bao bọc bởi mút xốp và vải cotton. - Mô tả: Gồm các thành nẹp được định hình sẵn, ôm sát ngón tay cái và bàn tay phần tiếp xúc có lớp đệm mút và vải. - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	5	Cái	100	12.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
82	PP2300057703	Nẹp cố định gãy xương đốt gần ngón tay	- Nẹp cố định gãy xương đốt gần ngón tay - Chức năng: Nẹp dùng trong điều trị cố định gãy xương đốt gần ngón tay. - Chất liệu: gồm một thanh nhôm dài bao ngoài một lớp đệm mút, có thể uốn theo tư thế điều trị ngón tay. - Chiều dài nẹp 22cm (± 05%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	3	Cái	110	1.100.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
83	PP2300057704	Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay	- Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay - Chức năng: Nẹp dùng trong điều trị cố định gãy xương đốt xa ngón tay. - Chất liệu: gồm một thanh nhôm thẳng với lớp đệm mút ở trong, có các móc uốn cong ôm trọn ngón tay - Kích thước: 3 x 2 x 11cm (± 05%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	5	Cái	40	440.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
84	PP2300057706	Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi	- Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi - Chức năng: Nẹp dùng để cố định vùng quanh khớp gối, ngăn chặn và hạn chế di lệch khớp gối bằng bán lỗ khóa quay có điều chỉnh. - Chất liệu: 4 thanh nẹp hợp kim nhôm, 2 bộ khóa ở khớp có thể điều chỉnh góc độ co duỗi như chức năng khớp gối (giới hạn mở rộng từ 0 - 90 độ, giới hạn uốn từ 0 - 135 độ), bộ mút đệm kim đệm dày và êm, các dây đai bằng vải cotton và khóa velcro (băng nhám dính) - Cấu tạo: hai thanh nẹp hợp kim nhôm khoảng 52cm, đường kính ở khớp điều chỉnh góc độ khoảng 6,5cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp đùi khoảng 75-80cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp chân khoảng 45-50cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	5	Cái	250	150.000.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
85	PP2300057709	Nẹp đệm ngón	- Nẹp đệm ngón - Chức năng: Sử dụng trong các trường hợp chấn thương cổ chân, gãy cẳng xương bàn, ngón chân (sử dụng cho chấn ở trạng thái nghỉ) - Cấu tạo: bản nẹp hợp kim nhôm định hình uốn (theo độ cong của bàn chân và cẳng chân, đệm mút, vải cotton và khóa velcro (băng nhám dính). - Kích thước: Dài 25cm, rộng 14cm, cao 19cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	5	Cái	150	24.750.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
86	PP2300057734	Miếng dán điện cực tương thích trong môi trường MRI	- Miếng dán điện cực theo dõi tín hiệu ECG tương thích trong môi trường MRI, sử dụng 1 lần, dùng cho người lớn và trẻ em, hình tròn - Loại gel ướt dẫn trực tiếp lên da - Lớp nền bằng foam Polyethylene (PE) dày 1mm, không bị kéo giãn - Đầu điện cực bằng carbon tương thích với môi trường MRI - Chống khử rung tim - Sử dụng cảm biến: nhựa Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) sợi thủy tinh, pha Ag /AgCl - Thời gian sử dụng: ≥ 72 giờ	Không phân nhóm	Miếng	1.200	5.280.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
87	PP2300057735	Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/mô	- Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/mô (rSO₂) - Kỹ thuật phân tích tín hiệu và có tín hiệu cho kết quả chính xác sử dụng ≥ 2 đầu phát và ≥ 2 đầu thu - Ngay khi có sự thay đổi về sự tưới máu, cảm biến sẽ thu nhận được nhanh chóng ≤ 1,5 giây - Tiêu chuẩn: ISO/CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	30	94.500.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật
88	PP2300057736	Kẹp dây tái lọc màng bụng	- Kẹp dây tái lọc màng bụng - Chất liệu Polyethylene - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	120	3.360.000	Danh mục không có nhà thầu đạt kỹ thuật

100

STT	Mã phân (8)	Tên phân là	Mô tả hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính (tổng phần (VND)	Lý do
89	PP2300057739	Mặt nạ (mask) mũi miệng, dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần	Mặt nạ (mask) mũi miệng dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần, các cơ: - Chất liệu: miếng đệm Silicon - Kích thước: nhỏ, trung bình và lớn - Cấu tạo: + Miếng đệm silicon mềm dẻo, giúp ôm sát khuôn mặt, ngăn ngừa rò rỉ khí. + Khung mặt nạ nằm dưới mũi và không có cần chỉnh trên giúp dễ dàng nhìn tự do. + Dây có định: dạng khóa bằng từ, dễ tháo lắp, có thể điều chỉnh theo kích cỡ của khuôn mặt + Có miếng đo kích thước giúp lựa chọn kích thước mặt nạ phù hợp với khuôn mặt - Tương thích với bộ thông dây thở không xâm lấn tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Cái	20	87,140,000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
90	PP2300057742	Phin lọc cai máy thở	Phin lọc cai máy thở giúp làm ấm, ẩm khí thở qua mô khí quản/ nội khí quản - Chất liệu: PVC Y Tế - Đặc điểm: trao đổi nhiệt và trao đổi ẩm, có nội 15mm, có lỗ hút dịch, có nối tương thích với dây oxy - Độ ẩm trao đổi: 26 - 28mg/lít khí - Thể tích nén/ khoảng chết: < 19ml - Kháng trở 30l/phút: ≤ 0,7cm H2O - Trọng lượng < 8g - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	1.800	73.562.200	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
91	PP2300057745	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, người lớn	Phin lọc khuẩn 3 chức năng, dùng cho người lớn - Vỏ ngoài bằng nhựa - Kháng trở dòng khí tại mức 30L/phút: 0,8 - 1,4 cm H2O - Loại lọc: electrostatic (tĩnh điện) - Khả năng lọc khuẩn: > 99,999% - Thể tích nén: 57 - 66ml - Trọng lượng lọc: 29 - 41g - Thể tích phổi nhỏ nhất: 198-200ml - Độ ẩm trao đổi: 29,5 - 33,6 mg/lít - Co hồi: 22M/15F- 22F/15M - Có cổng đo ETCO2 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	40.000	1.880.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
92	PP2300057748	Phin lọc vi khuẩn, dành cho máy điều áp	Phin lọc vi sinh dành cho máy điều áp - Chất liệu: Polypropylene tích điện (tĩnh điện) - Hiệu quả lọc >99,9% - Trở kháng: 12mmHg ở 30L/ph - Khoảng chết: ≤ 6ml - Đầu nối tiêu chuẩn, tương thích với bộ thông hút tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	4	Cái	7.000	439.530.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
93	PP2300057749	Phin lọc vi khuẩn do chức năng bộ lọc	Phin lọc vi khuẩn do chức năng bộ lọc - Chất liệu: Màng lọc: hỗn hợp Acrylic tích điện với lớp bảo vệ Polypropylene 2 mặt. Vỏ ngoài: Polyethylene mật độ cao (HDPE) - Lọc vi khuẩn ≥ 99,9% - Lọc virus ≥ 99,9% - Trở kháng dòng khí ≤ 92,0 Pa / l/s ở mức 14 l / s - Không gian trong lọc ≤ 70ml - Đầu lắp vào máy có đường kính trong ≥ 45mm, đường kính ngoài ≤ 48mm - Phương pháp lọc: tĩnh điện và cơ học - Đầu ngâm vào miệng của dụng cụ lọc hình oval - Tương thích máy KoKo PFT - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	3	Cái	30.000	1.020.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
94	PP2300057751	Dung dịch lọc máu có dịch đệm Bicarbonate	Dung dịch lọc máu có dịch đệm Bicarbonate, dùng trong liệu pháp lọc máu liên tục (không chứa Canxi) - Túi làm bằng polyefin - Thành phần dịch: + Natri (Na ⁺): 140 mmol/l + Kali (K ⁺): 4 mmol/l + Magie (Mg ²⁺): 0,75 mmol/l + Clo (Cl ⁻): 120,5 mmol/l + Bicarbonate (HCO ₃ ⁻): 22 mmol/l + Lactat (C ₃ H ₅ O ₃ ⁻): 3 mmol/l + Glucose (C ₆ H ₁₂ O ₆): 6,1 mmol/l + Nồng độ Osmol lý thuyết: 296,4 mOsm/l - Thể tích: 5000ml - Túi 2 ngăn chứa dung dịch, sau khi bóc niêm phong trộn thành phần 2 ngăn thu được dung dịch hoàn nguyên - Tiệt khuẩn - Tương thích máy Prismaflex của Bệnh viện	3	túi	500	570.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
95	PP2300057757	Khay đựng dụng cụ nội soi, cỡ 576 x 270 x 100mm (±05%)	Khay đựng dụng cụ nội soi - Chất liệu: polymer tinh thể lỏng (Liquid Crystal polymer) - Kích thước: 576 x 270 x 100mm (±05%) - Khay đựng 2 bề mặt có các lỗ giúp khuếch tán chất tiệt khuẩn - Tương thích với tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2, hơi nước và Ethylene Oxide (EO) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	4	22.722.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
96	PP2300057758	Khay đựng dụng cụ nội soi, cỡ 596 x 321 x 100mm (±05%)	Khay đựng dụng cụ nội soi - Chất liệu: polymer tinh thể lỏng (Liquid Crystal polymer) - Kích thước: 596 x 321 x 100mm (±05%) - Khay đựng 2 bề mặt có các lỗ giúp khuếch tán chất tiệt khuẩn - Tương thích với tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2, hơi nước và Ethylene Oxide (EO) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	2	28.896.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
97	PP2300057762	Bình đựng hóa chất, dùng cho máy Sterrad 100S	Bình đựng hóa chất Hydrogen peroxide (H2O2) - Thành phần: H2O2 58% - Đặc điểm: 01 bình gồm 10 cell mỗi cell chứa khoảng 1,8ml H2O2 58% - Tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp STERRAD 100S của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bình	1.400	2.590.140.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
98	PP2300057765	Bầu phun khí dùng để xông mũi	Bầu phun khí dùng để xông mũi - Chất liệu: Polypropylene, Thermoplastic elastomer - Tốc độ phun: 450 - 600 mg/phút - Kích thước hạt phun 2,2 và 3,5 micron. Có thể hấp tiệt khuẩn đến 300 lần - Cấu tạo gồm có: 01 mặt nạ, 01 bầu phun thuốc, 01 dây nối, 01 ống ngậm, 01 lõi insert tạo hạt 2,2 micron, 01 lõi insert tạo hạt 3,5 micron - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	25	26.250.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
99	PP2300057771	Dụng cụ nâng cổ tử cung	Dụng cụ nâng cổ tử cung, giảm áp lực mô cổ tử cung ngăn sinh non - Chất liệu: silicon, đàn hồi có thể gấp lại - Đường kính ngoài: 65 → 70mm; đường kính trong: 32 → 35mm; chiều cao: 21 → 25mm - Có lỗ thoát dịch - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	55	92.169.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật
100	PP2300057777	Giấy in dùng cho máy siêu âm trắng đen	Giấy in dùng cho máy siêu âm trắng đen - Chất liệu: PP - Kích thước: 110mm x 20m - Chất lượng hình ảnh tốt, độ phân giải cao - Giấy bóng, bền màu, không phai mờ - Chống nhiệt và chống ẩm tốt - Giấy có 5 lớp - Khả năng chống nước cao - Bề mặt chống tĩnh điện - Tương thích với máy in nhiệt trắng đen UPP 110S (Sony, Hitachi, Mitsubishi, Aika)	3	Cuộn	50	6.500.000	Danh mục không có nhà thầu đại lý kỹ thuật

STT	Mã phần (08)	Tên phần 08	Mô tả hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Lý do
101	PP2300057780	Giấy in nhiệt dùng ghi tín hiệu điện tâm đồ, cỡ 110 x 140mm	Giấy in nhiệt dùng ghi tín hiệu điện tâm đồ cỡ 110 x 140mm, dạng xếp, giấy dai, đường kẻ rõ, thích hợp máy điện tâm Nihokoden Ceziofax - Xếp tối thiểu 200 tờ	6	Xếp	1.450	46.588.500	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
102	PP2300057782	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế, 1,5 lít	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế, cỡ 1,5 lít - Chất liệu: Nhựa HDPE, kháng khuẩn - Kích thước: 10 x 10 x 20cm (±0,5%) - Màu sắc: Màu trắng y tế, nắp đỏ - Tiêu chuẩn: thân bình có đường kẻ ngang ở mức 3/4 và phía trên có dòng chữ: "không chứa chất vech này", phía dưới có biểu tượng và dòng chữ chỉ định vật sắc nhọn. Nắp bình kín và đáy lại rất khít khi sử dụng xong, miệng bình dạng răng cưa và có lỗ lớn để cho vật sắc nhọn mà không cần lực đẩy. Nắp có thể đóng mở và có khóa cài chắc chắn. Có tay xách hoặc hệ thống có định tiện dụng.	5	Cái	30.000	313.740.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
103	PP2300057783	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế, 6,8 lít	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế, cỡ 6,8 lít - Chất liệu: Nhựa HDPE, kháng khuẩn - Kích thước: 32 x 13,5 x 30,5cm (±0,5%) - Màu sắc: Màu trắng y tế, nắp đỏ - Tiêu chuẩn: thân bình có đường kẻ ngang ở mức 3/4 và phía trên có dòng chữ: "không chứa chất vech này", phía dưới có biểu tượng và dòng chữ chỉ định vật sắc nhọn. Nắp bình kín và đáy lại rất khít khi sử dụng xong, miệng bình dạng răng cưa và có lỗ lớn để cho vật sắc nhọn mà không cần lực đẩy. Nắp có thể đóng mở và có khóa cài chắc chắn. Có tay xách hoặc hệ thống có định tiện dụng.	5	Cái	3.000	78.750.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
104	PP2300057787	Túi đựng nước bình trên bề mặt trơn, thể tích từ 150cc đến 375cc	Túi đựng nước bình trên, bề mặt trơn - Chất liệu: silicone gel - Thể tích: 150cc, 200cc, 225cc, 250cc, 275cc, 300cc, 325cc, 350cc, 375cc - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	76	553.014.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
105	PP2300057788	Bảng đựng hóa chất dùng cho máy Sterrad 100NX	Bảng đựng hóa chất Hydrogen peroxide (H2O2) - Thành phần: H2O2 58% - Đặc điểm: 01 bảng gồm 10 cell mỗi cell chứa khoảng 5.4ml H2O2 58% - Tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp STERRAD 100NX/ STERRAD 100NX ALL CLEAR của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bảng	1.070	2.278.458.000	Danh mục không có nhà thầu đại tài chính: vượt giá kế hoạch, đảm bảo không thành công
106	PP2300057794	Bộ dụng cụ dẫn lưu phần	Bộ dụng cụ dẫn lưu phần - Cấu tạo: + Ống dẫn lưu: có bóng có định làm bằng silicone, áp lực thấp. Ống xả làm bằng silicone có đường kính khoảng 3,0 ± 0,5cm, có vạch đánh dấu vị trí đặt ống. Đầu có định ống dẫn lưu với túi đựng phần bằng khớp vặn + Túi đựng phần: dung tích 1500ml, có tráng 1 lớp gel. Nắp đầy chuẩn tiện khi xả. Có dây treo có định	6	Bộ	5	19.250.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
107	PP2300057796	Bộ phun khí dùng cho máy thở	Bộ phun khí dùng cho người bệnh đặt ống nội khí quản có thở máy, bao gồm: bầu chứa, dây nối, co nối T, ống ngậm - Chất liệu: nhựa PP, PE, PVC - Bầu chứa thuốc: hình trụ, cao khoảng 74 ± 2mm, rộng khoảng 42 ± 2mm, có vạch chia thể tích từ 2 - 10ml, phần nắp bầu hình nón kết nối với bầu phun bằng khớp vặn, hạn chế lượng thuốc tón đọng, giảm hao phí thuốc - Co nối T: cỡ 22F/22F - 15P/22F, tương thích với ống nội khí quản và dây máy thở - Dây nối nguồn dài khoảng 1,8 - 2,0m, tương thích với hệ thống khí nguồn của Bệnh viện - Ống ngậm thẳng, màu trắng 1 đầu dẹp, 1 đầu cỡ 22F, tương thích với co nối T - Đặc tính: đường kính hạt thuốc khoảng 2,7 micron (lưu lượng 8 lít/phút), đảm bảo không rò rỉ thuốc - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	4.000	252.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại kỹ thuật
108	PP2300057798	Bộ tấm dán dài và ngạt dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh	Bộ tấm dán dài và ngạt dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh - Tấm dán có 3 lớp: + Lớp hydrogel bên ngoài tiếp xúc da người bệnh + Lớp màng trong (film) ở giữa giúp trao đổi nhiệt + Lớp cách nhiệt chống mất nhiệt ra môi trường ngoài và các đường dẫn nước - Bộ gồm 4 miếng: 2 tấm dán dài, 2 tấm dán ngạt bụng - Tốc độ đóng băng khoảng 5 lít/phút - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	bộ	20	500.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
109	PP2300057803	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt cho người lớn và trẻ em - Buồng đệm bằng nhựa ABS chống tĩnh điện - Đệm mặt nạ: Silicone Polycarbonate - Van: Silicone - Dung tích: 140ml - Chiều dài: 14,2cm - Đường kính đầu nối miệng đệm mặt nạ: 22mm - Có chức năng phân phối thuốc hiệu quả, hệ thống van linh hoạt tự động đóng mở - Đệm mặt nạ có thể tháo rời, phần đệm mặt nạ mềm mại, tạo độ khít trên khuôn mặt - Các bộ phận dễ tháo rời để vệ sinh - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	cái	50	18.900.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
110	PP2300057807	Bát đánh dấu dùng trong phẫu thuật	Bát đánh dấu dùng trong phẫu thuật đánh dấu vị trí mổ, mực không lem và không phai - Vật tư di kêm: thuốc da, nhãn - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	2.500	179.812.500	Danh mục không có nhà thầu đại kỹ thuật
111	PP2300057808	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó dùng 1 lần	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó, dùng 1 lần - Bảng nhựa PVC - Đường kính 3,3mm/5,0 mm, dài 700 ± 10mm - Cây có 1 đầu cong như dạng Bougie, có đường thông khí bên trong lòng, có các vạch chia đánh dấu độ dài trên thân. - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	350	165.375.000	Danh mục không có nhà thầu đại kỹ thuật
112	PP2300057810	Chăn làm ấm toàn thân người lớn	Chăn làm ấm toàn thân người lớn. - Vật liệu gồm màng polyethylene bên trong và lớp vải không dệt bên ngoài, chống thấm dịch, chống rách, không có chất cao su gây dị ứng - Tia X xuyên qua chăn không bị cản trở hoặc ảnh hưởng. - Có 3 lớp (lớp chống thấm bên trên, lớp liên kết chống phỏng ở giữa, và lớp phân phối khí ấm với nhiều lỗ nhỏ bố trí đều nhau), cho phép chăn ôm sát và phân bổ luồng không khí đều, dễ dàng tháo khăn mặt và nhíp tim. - Kích thước: 102 x 201cm (chưa căng phồng); 84 x 188cm (đã căng phồng) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy sưởi ấm người bệnh WarmTouch hiện có tại Bệnh viện	4	Cái	200	70.000.000	Danh mục không có nhà thầu đại tài chính: vượt giá kế hoạch, đảm bảo không thành công
113	PP2300057812	Co nối chờ Y	Co nối chờ Y bao gồm thân đầu nối bằng polypropylen, ba khóa trượt bằng acrylonitrile butadiene styrene, ống nhựa bằng polypropylen và thermoplastic elastomers - Sử dụng một lần	3	Cái	20	11.200.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
114	PP2300057814	Dây thắt ngực máu	Dây thắt ngực máu - Chất liệu: cao su không chứa latex, không chứa chất gây dị ứng, đàn hồi tốt - Kích thước: rộng khoảng 2,5 → 3,0cm, dài khoảng 40 → 50cm - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	5.000	30.500.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu

XU

STT	Mã phần (0)	Tên phần 0	Mô tả hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính tổng phần (VND)	Lý do
115	PP2300057816	Dung dịch kháng đông tại chỗ cho liệu pháp lọc máu liên tục	Dung dịch kháng đông tại chỗ cho liệu pháp lọc máu liên tục: - Túi làm bằng polyetilen có 1 ngăn chứa dung dịch kháng đông. - Dung dịch trong suốt, không màu và không chứa chất gây sỏi Thành phần: - Citrate CaH_2O_7 : 18 mmol/l - Sodium (Na^+): 140 mmol/l - Chloride (Cl^-): 86 mmol/l - Độ thẩm thấu lý thuyết: 244 mOsm/l - pH: 7.0 - 8.0 - Thể tích: 5000ml - Tiệt khuẩn - Tương thích máy Prismaflex của Bệnh viện	3	túi	500	570.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
116	PP2300057817	Gel bôi trơn tiệt khuẩn, trọng lượng 2-4g	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propyl ester, carbonier - Đặc tính: tan trong nước, trong suốt, đồng nhất, không mùi, không chứa chất gây dị ứng, không chứa chất ăn mòn - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 2 - 4g - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Gel	28.000	86.800.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
117	PP2300057818	Gel bôi trơn tiệt khuẩn, trọng lượng 5-7g	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa hoặc tiểu âm (trong các thủ thuật) - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propyl ester, carbonier - Đặc tính: tan trong nước, trong suốt, đồng nhất, không mùi, không chứa chất gây dị ứng, không chứa chất ăn mòn - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 5 - 7g - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Gel	5.000	23.850.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
118	PP2300057822	Gen định hình bụng sau phẫu thuật cũ da mổ bụng/thắt mở bụng	Gen định hình sau phẫu thuật căng da bụng/thắt mở bụng các cỡ, tạo ra lực nén phù hợp giúp, giảm nguy cơ tụ dịch, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản biến thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu: polyamide, elastane	3	Cái	60	155.100.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
119	PP2300057823	Gen văng mặt sau phẫu thuật căng da mặt/cổ	Gen văng mặt sau phẫu thuật căng da mặt/cổ các cỡ, tạo ra lực nén phù hợp giúp cố định tái, giảm nguy cơ tụ dịch, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản biến thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu: polyamide, elastane	3	Cái	2	3.190.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
120	PP2300057828	Giấy in nhiệt dùng ghi tin hiển điện tâm đồ, cỡ 215 x 30mm	Giấy in nhiệt dùng ghi tin hiển điện tâm đồ - Giấy ghi điện tâm, có bề mặt trơn láng, đường kẻ vuông rõ ràng, dễ đọc, in chi tiết rõ ràng, độ nhạy cao - Kích thước 215 x 30mm - Tương thích với máy Medical Ecomet - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cuộn	30	3.564.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
121	PP2300057829	Giấy in nhiệt, cỡ 57mm x 20m	Giấy in nhiệt, sử dụng in kết quả cho trình tiệt khuẩn hơi nước - Kích thước 57mm x 20m - Đặc điểm: giấy có bề mặt trơn láng, đường kẻ rõ ràng, in chi tiết rõ, dễ đọc, độ nhạy cao, mực in không lem - Thích hợp với tiệt khuẩn nhiệt độ cao ở 121°C hay 132 - 134°C	6	Cuộn	382	4.732.980	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
122	PP2300057830	Hệ thống gác hút cầm tay	Hệ thống gác hút cầm tay giúp sinh các kiểu thở của người đau: Châm vệ, châm căng, châm ngưng và mở lấy thai, sử dụng 1 lần - Chất liệu: Polycarbonate - Chiều cao 2-3cm, đường kính 6 x 0,5cm - Có thanh chỉ số lực kéo do áp lực mỗi lần kéo, có thể kiểm soát được lực trong khoảng 450-600 mmHg. Dây nối 10 → 12cm, nắp nhỏ gọn hỗ trợ đặt thiết bị vào điểm cần (cách thấp sau 3cm trên đường kính dọc giữa) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	80	112.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
123	PP2300057838	Khay đựng dụng cụ nội soi, cỡ 600 x 200 x 50mm (±0,5%)	Khay đựng dụng cụ nội soi - Chất liệu: polymer tinh thể lỏng (Liquid Crystal polymer) - Kích thước: 600 x 200 x 50mm (±0,5%) - Khay đựng 2 bề mặt có các lỗ giúp khuếch tán chất tiệt khuẩn - Tương thích với tiệt khuẩn bằng H2O2, hơi nước và Ethylene Oxide (EO) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	6	32.527.530	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
124	PP2300057839	Khay đựng dụng cụ nội soi, cỡ 300 x 200 x 50mm (±0,5%)	Khay đựng dụng cụ nội soi - Chất liệu: polymer tinh thể lỏng (Liquid Crystal polymer) - Kích thước: 300 x 200 x 50mm (±0,5%) - Khay đựng 2 bề mặt có các lỗ giúp khuếch tán chất tiệt khuẩn - Tương thích với tiệt khuẩn bằng H2O2, hơi nước và Ethylene Oxide (EO) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	4	15.290.100	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
125	PP2300057840	Khay đựng dụng cụ nội soi, cỡ 450 x 200 x 50mm	Khay đựng dụng cụ nội soi - Chất liệu: polymer tinh thể lỏng (Liquid Crystal polymer) - Kích thước: 450 x 200 x 50mm (±0,5%) - Khay đựng 2 bề mặt có các lỗ giúp khuếch tán chất tiệt khuẩn - Tương thích với tiệt khuẩn bằng H2O2, hơi nước và Ethylene Oxide (EO) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	4	22.056.300	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
126	PP2300057843	Kính bảo hộ mắt sử dụng một lần	Kính bảo hộ mắt dùng một lần - Gọng kính bằng nhựa ABS, mặt kính Polycarbonate - Mềm trong suốt - Kích thước: viền kính bám sát khuôn mặt - vùng mắt - Đặc tính: khó bám nước, chống va đập, chống trầy xước, chống bụi, chống tia điện, hạn chế tia da gây tổn thương, không gây hoa mắt chóng mặt khi sử dụng trong thời gian dài - Đáp ứng tiêu chuẩn EN 166/2002 hoặc ANSI Z87 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Cái	1.200	39.600.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
127	PP2300057844	Miếng đặt vùng cằm	Miếng đặt vùng cằm chứa chất liệu silicon y tế dạng thanh, mềm mại, dai, chắc, dễ tạo hình theo hình dạng của cơ quan cần cấy ghép - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: KFPA	6	cái	16	32.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
128	PP2300057845	Miếng đặt vùng mũi	Miếng đặt vùng mũi chứa chất liệu silicon y tế dạng thanh, mềm mại, dai, chắc, dễ tạo hình theo hình dạng của cơ quan cần cấy ghép - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: KFPA	6	cái	130	156.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
129	PP2300057855	Quần áo định hình sau phẫu thuật cũ da mổ đùi/thắt mở đùi	Quần áo định hình sau phẫu thuật cũ da mổ đùi/thắt mở đùi các cỡ, tạo ra lực nén phù hợp giúp cố định, giảm nguy cơ tụ dịch, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản biến thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu: polyamide, elastane	3	Cái	5	14.575.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
130	PP2300057856	Que thử đông trong chẩn đoán sinh non	Que thử đông trong chẩn đoán sinh non nhằm đánh giá nguy cơ sinh non của phụ nữ mang thai - Bao gồm: * Que thử có chứa alpha microglobulin-1 sau thay trong túi với chất làm khô * Tầm bong 2mm để lấy mẫu âm đạo * Lọ nhựa chứa dung môi 0,9% NaCl, 0,05% NaNO ₃ , 0,01% Trisox X100 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Bộ	5	6.490.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
131	PP2300057859	Tấm dán hạ thân nhiệt cho trẻ nhỏ	Tấm dán hạ thân nhiệt dùng trong điều trị sốt cho trẻ nhỏ - Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước 0,11-0,47 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong 0,17-0,68 kg - Tấm dán gồm có 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài - Tuổi thọ miếng dán: 5 ngày, lên đến 120 giờ/ miếng - Tốc độ đóng băng: lên tới 3 lít/giờ - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Không phân nhóm	Bộ	2	25.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu

STT	Mã phần (lô)	Tên phần lô	Mô tả hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Lý do
132	PP2300057860	Tấm lót 37cm x 36m	Tấm lót - Chất liệu: mặt trên vải Rayon, mặt dưới Nylon, không chứa latex - Kích thước: 37cm x 36m (± 05%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	6	Miếng	21.000	29.736.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
133	PP2300057863	Tấm lót khay, các cỡ	Tấm lót khay bảo vệ dụng cụ phẫu thuật nội soi - Chất liệu: silicone - Kích thước: 270 x 190mm, 430 x 190mm, 580 x 190mm, 546 x 254mm, (± 05%) - Tương thích với tiệt khuẩn bằng H2O2, hơi nước và Ethylene Oxide (EO) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	14	53.655.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
134	PP2300057868	Thuốc đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Thuốc đo áp lực tĩnh mạch trung tâm - Chất liệu bằng nhựa chống dính - Chiều dài: khoảng 35 - 40cm - Chia vạch từ 35 → -15 cmH2O, để đánh giá trị đo hiệu ứng kính lúp - Vị trí 0 có định, chỉ báo vị trí zero có thể di chuyển sang hai bên - Có 2 kẹp cố định 2 đầu - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	3	Cái	10	1.588.820	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
135	PP2300057870	Túi đặt ngực hình giọt nước bề mặt nhám, thể tích từ 255cc đến 380cc	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình giọt nước, bề mặt nhám - Thể tích: 255cc, 260cc, 295cc, 300cc, 330cc, 380cc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	16	178.012.304	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
136	PP2300057871	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn, vỏ mỏng, thể tích từ 130 đến 415cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 130cc, 160cc, 190cc, 215cc, 240cc, 270cc, 295cc, 325cc, 350cc, 370cc, 405cc, 150cc, 180cc, 200cc, 235cc, 260cc, 285cc, 335cc, 355cc, 380cc, 415cc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	76	1.005.480.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
137	PP2300057874	Vỏ dùi áp lực, các cỡ	Vỏ dùi áp lực dùng trong phòng ngừa và điều trị giãn tĩnh mạch chủ dưới - Chất liệu: 70% Nylon Polyamide, 30% Lycra Elastane - Có 5 áp lực phân đoạn chuẩn tại từng vùng trên chân: cổ chân 18mmHg - bắp chân 14 mmHg - đầu gối 8 mmHg - đùi thấp 10mmHg - đùi cao 8 mmHg - Đặc tính: hỗ trợ ở phía đầu trên ngăn chặn, dễ dàng theo dõi màu da và nhịp đập tại phần đầu bàn chân, tăng vận tốc lưu thông máu lên đến 135 -140%, - Có đai vớ hai mặt và băng đệm chống xoay, đồng thời không cản trở lưu thông máu ở vùng tĩnh mạch đùi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Đôi	1.500	1.199.550.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
138	PP2300057876	Vòng thắt trí	Vòng thắt trí - Chất liệu bằng cao su - Đường kính ngoài 4.5mm, đường kính trong 1.7mm, dày 2mm - Đặc điểm: bền, chắc, siết chặt - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	2.600	21.840.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
139	PP2300057877	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai đặt vào tử cung để tránh thai - Chất liệu: nhựa dẻo, hình chữ T - Đặc điểm: có ống đồng 65 - 67mg (ở 2 ngành ngang và ngành dọc), có dây có cuối ngành dọc giúp lấy ra dễ dàng, có thuốc đo và ống đặt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	3	Cái	140	2.450.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
140	PP2300057879	Dụng cụ tập hít thở hoạt động kép	Dụng cụ tập hít thở động kép sử dụng tập luyện hít thở và tổng dầm, tăng chức năng phổi trước và sau phẫu thuật, ngăn ngừa các biến chứng về phổi như viêm phổi sau phẫu thuật - Cấu tạo: có 2 phần Tập luyện cơ hít vào (IMT): tối đa 40 ±2 cmH2O) Áp lực thở ra gắng sức (PEP): tối đa 20 ±2 cmH2O)	6	Cái	700	464.100.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
141	PP2300057880	Khung tập đi có bánh xe	Khung tập đi có bánh xe - Chất liệu: Khung ống nhôm sơn tĩnh điện dày 2.5cm với đầu mút cao su - Tay cầm: PVC hoặc SBR có sần - Xà ngang: thép sơn tĩnh điện màu đen - Khả năng chịu lực khoảng 113 → 115kg - Kích thước/đường kính/ thể tích: Chiều rộng khung khoảng 45 → 47cm, chiều dài trước - sau khung khoảng 50 → 51cm, chiều cao khung khoảng 81 → 94cm, bánh trước khoảng 12 → 13cm - Trọng lượng khoảng 4 → 8kg	6	Cái	300	207.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
142	PP2300057881	Miếng đệm bảo vệ mắt tránh tia UV các cỡ	Miếng đệm bảo vệ mắt tránh tia UV hỗ trợ trong chiếu đèn điều trị vàng da - Chất liệu: vải không dệt, không latex - Có 2 điểm gắn kết có thể điều chỉnh độc lập - 2 miếng đệm bảo vệ mắt - Kích cỡ: 20 - 25cm, 26 - 31cm, 33 - 38cm - Tiêu chuẩn: ISO/ FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	6	Cái	1.000	93.555.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
143	PP2300057882	Nạng tập đi	Nạng tập đi - Khung ống hợp kim nhôm, đệm tay, băng tay - Khả năng chịu lực tối thiểu 720kg - Cấu tạo: Siêu nhẹ, ống có độ bền cao, cấu trúc 3 trong 1 - Kích thước cho người lớn, thanh niên và trẻ em: Người lớn, điều chỉnh độ cao từ 132- 152.4cm Thanh niên, điều chỉnh độ cao từ 111- 132cm Trẻ em, điều chỉnh độ cao từ 94 -114cm	6	Cái	400	152.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
144	PP2300057910	Miếng ghép tạo hình mũi dạng lưới	Miếng ghép tạo hình mũi dạng lưới - Chất liệu Polyethylene ứ trọng cao (HDPE) - Kích cỡ: 40 x (9-10) x (1.0 ± 0.1)mm - Tiêu chuẩn: FDA (Cơ quan lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	3	Cái	12	48.000.000	Danh mục không có nhà thầu dự thầu
Tổng cộng: 144 danh mục						Tổng giá trị:	39.576.738.384	

Handwritten signature